

CỔ VĂN VIỆT NAM

ĐỒ CHIỀU

LỤC
VĂN TIÊN

*Sửa đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký
phát-hành năm 1889 gồm có 21 đoạn 2.076 câu*

NGUYỄN THANH TÂM

CHÚ - THÍCH

CỔ VĂN VIỆT NAM

ĐỒ CHIỀU

**LỤC
VĂN TIÊN**

*Sửa đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký
phát-hành năm 1889 gồm có 21 đoạn 2.076 câu*

NGUYỄN THANH TÂM

CHÚ - THÍCH

CỔ VĂN VIỆT NAM

ĐỒ CHIỀU

**LỤC
VĂN TIÊN**

*Sửa đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký
phát-hành năm 1889 gồm có 21 đoạn 2.076 câu*

NGUYỄN THANH TÂM

CHÚ - THÍCH

MẤY LỜI TRẦN TÌNH

Quyển « **Lục Vân Tiên** » của cụ **Đồ Chiểu** (1.822 — 1.888), từ xưa đến nay đã được chú-ý đến rất nhiều.

Không kể những bản dịch **Lục Vân Tiên** ra chữ Pháp, do mấy ông G. Aubaret, Abel des Michels, Bajot đã ra công dịch hoặc bằng văn vần, hoặc bằng văn xuôi, kể riêng về những bản chuyển dịch nguyên bản chữ nôm ra quốc-ngữ, có đến hơn hai mươi bản. Ấy là chưa nói đến những bản **Lục Vân Tiên** mới cho in lại gần đây, hoặc ra thành sách, hoặc đăng vào báo hằng tuần.

Làm sao chắc bản nào là đúng với nguyên bản của cụ **Đồ Chiểu** ?

Chúng tôi đã khổ công cân-nhắc, nhưng vẫn thấy khó mà tìm cho ra, và dám nói quyết bản nào là bản làm ưng ý nhất đối với những bạn đọc yêu-mến quốc-văn cùng quý-trọng nguyên-tác.

Tuy-nhiên, chắc bạn đọc cũng như chúng tôi, không vì vậy mà đành chịu, không lo giữ-gìn những bản còn có thể tin được là đúng. Nhất là trong thời binh lửa đã làm mất đi rất nhiều những áng cổ-văn đáng quý.

Trải qua một thời-gian đình-đốn khá lâu, thận-trọng so-sánh suy-nghiệm từng lời-lẽ trong các bản **Lục Vân Tiên**, hôm nay, chúng tôi không ngần-

ngại mà chọn nguyên bản của cụ P. J. B. Trương Vĩnh Ký (1.837 — 1.897) làm tiêu-chuẩn, và mạo-muội thêm phần chú-thích.

Đề bảo-lồn mọi áng cổ-văn mà văn-thể rất bình-dân — nhưng không vì lẽ rất bình-dân mà bản **Lục Vân Tiên** kém hay, trái lại thì có — hầu có làm vừa ý được phần nào đối với những bạn yêu quốc-văn, nhất là văn-chương bình-dân. Và nếu có thêm phần chú-thích, là vì chúng tôi muốn giúp cho những học-sinh cũng có lòng yêu quốc-văn mạnh-mẽ song lại yếu quốc-văn vậy.

Còn vì sao chúng tôi đã chọn bản **Lục Vân Tiên** do cụ Trương Vĩnh Ký dịch ra quốc-ngữ ?

Một lẽ dễ hiểu là cụ Trương Vĩnh vừa là người đồng-thời với cụ Đồ Chiểu, lại vừa là nhà bác-học đã được đứng vào hàng thứ 17 trong 18 vị nổi tiếng trên thế-giới. Bấy nhiêu đủ là một ấn-chứng khiến cho chúng ta tin-cần.

Tuy nhiên, trong bản in này, nếu có một đôi chỗ mà chúng tôi nghi-ngờ, dám xin mạo-muội lạm bình lạm sửa. Ấy là vì lòng yêu quốc-văn và lòng trọng cụ Đồ Chiểu, nên thử đổi vị-tri của một vài chữ trong câu xem sao, hầu có thể làm hay hơn được chăng? Nhưng đó là một phần nhỏ — rất nhỏ — vì dầu sao chúng tôi vẫn thận-trọng không dám tự-tung tự-tác, nên những chỗ lạm-bình ấy, dưới phần chú-thích chúng tôi vẫn chép lại những câu của cụ Trương Vĩnh để bạn đọc dễ bề so-sánh. Cũng là những chữ nào chúng tôi có ý ngờ, đều xin ghi rõ, để hoàn-toàn chịu trách-nhiệm. Và chẳng, chúng tôi vẫn tuân đúng theo bản của cụ Trương Vĩnh Ký hầu hết.

Dám xin những bậc cao-minh lượng cho lách lòng chân-thành của chúng tôi mà tha-thứ nếu có chi lầm-lỗi.

Chúng tôi tha-thiết xin vâng theo những lời chỉ dạy.

NGUYỄN THANH TÂM

Tiền-sử ĐỒ CHIÊU

Nguyễn Đình Chiêu 阮廷昭, tự Mạnh Trạch 孟擇, hiệu Trọng-Phủ 仲甫, (sau khi mù lấy hiệu Hối Trai 晦齋), sinh giờ dậu, ngày bính-tuất, mười-ba tháng năm, năm nhâm-ngọ (1er Juillet 1822) ở làng Tân Khánh (1), tổng Bình-Trị Thượng, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (làng tổng ấy thuộc về Sai-Gòn ngày nay) và mất ngày ất-hợi, hai-mươi-bốn tháng năm, năm mậu-tý (3 Juillet 1888), ở làng An-Đức, tổng Bảo-An, quận Ba-Tri, tỉnh Bến-Tre (xưa là làng An Bình-Đông, huyện Bảo-An, phủ Hoảng-Trị, tỉnh Vĩnh-Long).

Cha là Nguyễn Đình Huy 阮廷輝, người xã Bồ Điền, huyện Phong, tỉnh Thừa Thiên (Trung-Việt), vào Sai-Gòn làm Thơ Lại, rồi Văn Hàn-Ty của Tả-quân Lê Văn Duyệt.

Mẹ là Trương Thị Thiết 張氏實, người làng Tân Thới (có lẽ thuộc Sai-Gòn ngày nay). Nguyễn Đình Chiêu là con đầu lòng của bà, mà là con dòng thứ của Nguyễn Đình Huy; dòng chính của

1. Theo TRƯƠNG VĨNH-KÝ trong truyện *Lục Văn Tiên*, Sai-Gòn 1889.

ông, con bà Phan Thị Hữu 潘氏右 có một trai tên Đình Lân 廷麟 và một gái tên Thị Phu 氏鄂.

Bà họ Trương, còn sinh ra kể Đình Chiểu ba gái ba trai nữa, là Thị Thục 氏淑, Thị Nữ 氏女, Thị Thành 氏成, Đình Tự 廷就, Đình Tự 廷緒 và Đình Hoàn 廷縵.

Năm quý-tỵ (1833) Tả-quân Lê Văn Duyệt đã mất rồi, Vệ Khôi dấy-loạn giết Bạch Xuân Nguyên là cha bà Hoàng-phi của vua Minh-Mệnh, các quan tòng-chính Tả Quân bỏ chạy, Nguyễn Đình Huy cũng trốn về Huế, bị tước chức. Ông trở vào Sài-Gòn dắt Đình Chiểu về Thừa-Thiên, gửi-gắm cho một người bạn làm Thái Phó, để hầu-hạ điều-dưỡng cho được gần-gũi học-tập văn-chương. Khi ấy Đình Chiểu được mười-hai tuổi. Tám năm sau, Đình Chiểu trở về quê mẹ, qua năm quý-mão (1843) đời Thiệu-Trị, thi hương trường Gia-Định đỗ Tú-tài.

Năm hai-mươi-bốn tuổi, Đình Chiểu ra Huế chờ khoa ất-dậu, quyết chí thi cho đỗ Cử-Nhân, để vào xuân vi, đình thí. Nhưng kỳ thi chưa tới, lại được tin mẹ đã mất tại Sài-Gòn ngày rằm tháng mười-một năm giáp-thân (10 Décembre 1848), Đình Chiểu phải trở về cư-tang.

Lòng hiếu tử, dậm quan hà, trắc Dĩ vời trông, khôn ngăn huyết lụy. Nội-thương đã công-phạt, ngoại-cảm lại xâm-lãng, bệnh xung hai mắt. Đọc đường Đình Chiểu nghe danh một ông thầy thuốc tên là Trung, vốn giòng Ngự Y, đến xin tạm trú cầu điều-trị. Bệnh tình quá nặng, dầu lương-y cũng vô khả nại hà : hai mắt Đình Chiểu đành phải mù luôn đến chết. Nhưng ở đó Đình Chiểu được thầy Trung dạy cho học thuốc.

Năm sau về đến nhà. Xa gần sĩ-tử nghe danh, đến xin thọ nghiệp rất đông. Từ ấy nổi danh « Đò

Chiều ». **TRUYỆN LỤC VẤN TIÊN** và truyện **DƯƠNG TỪ HÀ MẬU** có lẽ đặt ra trong thời-kỳ này.

Trong đám học trò của **Đồ Chiêu** có **Lê Tăng Quỳnh**, người làng Thanh Ba, huyện Phước Lộc (nay là Cần-Giוע, tỉnh Chợ-Lớn), kính-yêu và cảm-cảnh thầy, cầu cha mẹ gả em ruột mình là **Lê Thị Điền**.

Chiếc thân tàn ngồi dạy học ngữ là an, hay đau năm mậu ngữ (1858) Tự Đức thứ XI, binh Pháp lại hạ thành Gia-Định. **Đồ Chiêu** bỏ chạy về quê vợ, lại tiếp tục dạy học trò. Kịp đến khi Cần-Giוע bị thất-thủ nốt (1861) **Đồ Chiêu** chạy đi Ba-Tri (1).

TRUYỆN NGƯ TIỀU VẤN-ĐÁP có lẽ đặt ra từ thời-kỳ này trở về sau.

Ba-Tri là nơi chân trời góc biển trong cõi đất Việt Nam; ra ở đấy, **Đồ Chiêu** quyết tìm chốn cùng-tịch để tồn tâm dưỡng tính. Nhưng lòng đau vì non nước đã khôn nguôi, lại tiếp lấy việc năm đình mảo (1867) Phan Thanh Giản tuấn-tiết mà luôn ba tỉnh phía tây của xứ Nam-Kỳ theo sau ba tỉnh phía đông thuộc trọn chủ-quyền nước Pháp.

Ngay giữa năm ấy, tại Sài-gòn, lần thứ nhất, truyện **LỤC VẤN TIÊN** được in ra bằng chữ quốc-ngữ, do tay một người Pháp là G. Janneau sao-lục và chú-thích. **Đồ Chiêu** nếu có hay biết việc xuất-bản ấy hẳn là chẳng những không chú-ý mà cũng không bằng lòng.

Tiên-sinh vốn không ưa chữ quốc-ngữ. Ông **Nguyễn Đình Chiêm**, con thứ bảy của tiên-sinh, có thuật lại cho hiệu-giả chuyện sau này: Bấy giờ ông

(1) **TRƯƠNG VINH-KÝ** viết: «Đến năm đình-sửu (1877) Tự Đức 30 niên mới dời xuống ở làng An-Bình Đông, tổng Bảo-An, xứ Bến-Tré. . . » (trong *Lục Vấn Tiên* Sài-gòn 1889).

còn bé, hương-chức trong làng đến xin cho ông đi học chữ quốc-ngữ, tiên-sinh gắt lên : « Tôi vì đâu mà phải đến góc biển chân trời này ? Các ông sao lại còn đem chuyện ấy mà nói cùng tôi ? ».

Cho đến giặt đồ, tiên-sinh cũng chỉ dùng nước tro, không chịu giặt bằng xà-phòng.

Thái-độ ấy, là thái-độ chung của các văn-thân thời bấy giờ. Một người Pháp, là nhà thực-nghiệp Pillet ở Bến-Tre, thuở xưa, có đến viếng Đồ Chiểu, về ghi trong báo L'INDÉPENDANT DE SAIGON (8 Novembre 1883) : « Il se fait remarquer par sa grande taille, sa forte corpulence et sa magnifique chevelure noire où l'on voit à peine quelques rares mèches de cheveux blancs ». (Đang chú-ý tới tác cao, vóc mình mạnh-dạn và tóc đen tốt đẹp, chỉ thấy ít-ôi vài làn tóc bạc) (1). Khi ấy Đồ Chiểu đã sáu-mươi-mốt tuổi, còn năm năm nữa là qua đời.

Cùng thời ấy, quan Tham-biện Chủ-tỉnh Bến-tre đến viếng tiên-sinh đề cầu nhuận-chính bản LỤC VĂN TIÊN, về cũng có ghi vào báo L'INDÉPENDANT DE SAIGON (17 novembre 1883).

« Cụ Đồ Chiểu nằm trên giường vì đang cơn bệnh nặng. Người ta đã lên tới mà cho cụ hay trước sự tới đến, nên cụ muốn chỗi dậy tiếp tôi. Biết thế, tôi bèn đi thẳng vào buồng của cụ, thì vừa khi cụ bước ra phòng khách, có hai người dìu đỡ. Cụ Đồ là một ông già cao lớn, đẹp-đẽ, gương mặt trầm-tĩnh xanh-xao đầy vẻ cao-nhã. Lời nói của cụ rất thanh-tao trôi-chảy và tôi nghe cụ được rõ-ràng đầy đủ. Về phần tôi thì khác hẳn, cụ không nghe đặng tôi vì cụ đã hoàn-toàn điếc. Chỉ có đôi ba người quen gần cụ là có thể nói cho cụ nghe

(1) Ngạc-Xuyên CA VĂN THỈNH, Đốc-học tỉnh Bến-tre, dẫn và dịch trong bài diễn-văn đọc trước mộ Đồ Chiểu trong cuộc lễ kỷ-niệm ngày 27 Juin 1943.

hiều. Sau vài câu chuyện về sức-khỏe của cụ, tôi đề-cập tới việc quan-trọng của tôi nhưng không hy-vọng thành-công. Cụ Đồ Chiểu tỏ thật với tôi rằng sức-khỏe và trí-nhớ của cụ đã giảm nên thêm phần khó cho cụ trong công-việc nhuận-chính bản thơ LỤC VẤN TIÊN. Tôi bèn bàn cùng cụ để cho những người đã quen với cái thính-quan bất-trị của cụ ngâm thơ LỤC VẤN TIÊN theo một bản in của người Tàu, rồi cụ chỉ những câu thừa nên bỏ, những câu trật nên sửa và những câu bị bớt nên thêm vào. Cụ nhận làm cái công-việc có phần nhọc-nhẫn ấy.

Rồi tôi tặng cụ một quyển LỤC VẤN TIÊN chữ nôm rất đẹp. Cụ muốn cảm-ơn tôi theo lễ-tục của người Việt Nam. Tôi bèn nhờ người nói lại rằng giữa cụ và tôi không nên giữ lễ, tôi còn trẻ, không dám làm phiền cụ điều chi hơn là xin cụ đối-dãi với tôi như một bậc lão-thành thông-thái tiếp một người bạn ngoại-quốc rất hâm-mộ cụ.

Giao-kết xong rồi, tôi tiếp-tục hầu chuyện cùng cụ. Thật cụ là một tinh-thần thanh-cao và rất mực khiêm-tốn. Cụ nói với tôi rằng cụ rất đỗi ngạc-nhiên mà thấy ngày nay người ta đề ý tới cụ; và trước khi tôi nói với cụ điều gì — vả lại điều đó tôi cũng không muốn nói — cụ đã hiểu ý. Cụ bảo tôi rằng cụ lấy làm vinh-hạnh được người đời chú-trọng tới văn-phẩm của cụ và chiếu-cổ đến thân phận cụ. Ngoài ra cụ khước-từ tất cả các món tướng-lệ bằng tiền bạc; đời sống của cụ cũng đầy đủ và chút thanh-danh mà người đời bao quanh tên tuổi của cụ cũng đủ cho cụ hoàn-toàn thỏa-mãn rồi.

Tôi rất vui-thích được nghe bậc lão-thành bày tỏ một cách hết sức tự-nhiên những tâm-tình tốt-đẹp hiếm có trong lòng chúng ta. Tất cả những

người có mặt tại đó — nên biết là đông lắm — đều kinh-cần nghe cụ nói vì toàn-thể đều tôn-trọng cụ » (1).

« Ông già cao lớn đẹp-đẽ, gương mặt trầm-tĩnh xanh-xao đầy vẻ cao nhã » của Michel Ponchon đã tả ra đó, quanh năm mặc đồ vải, trắng hoặc đen, không hề dùng đến nhiều lụa. Lúc ra ngồi giảng sách cho học trò, thời mình mặc áo rộng vải đen, đầu vấn khăn đen, vẻ nghiêm-trang trịnh-trọng.

Học trò thường có vài trăm người, ngồi ra hai hàng tả hữu, nghe giảng, mỗi ngày từ sáng sớm, năm giờ rưỡi, cho đến mười giờ trưa.

Đồ Chiểu mang tật mù-lòa, chắc sao cũng có gặp nhiều rẻ-rúng như LỤC VÂN TIÊN, hay gặp « bầy ngu-dại thấy khi chê cười » như NHÂN SỰ trong truyện NGƯ TIÊU.

Nhưng có nhiều chứng-cứ chỉ ra tiên-sinh được kính-mến tôn-trọng. Lời Michel Ponchon trên đây là một. Một nữa là lời của Eugène Bajot, trong bài «Tiểu-sử của Đồ Chiểu», đăng trước bản LỤC VÂN TIÊN dịch ra tiếng pháp bằng văn vần : « Mais, hélas ! une nouvelle infirmité devait frapper le poète aveugle : peu à peu l'entendement se voilait, ses rapports avec le monde extérieur devenaient de plus en plus difficiles. Cette nouvelle se répandit chez les Annamites et bientôt les Français en eurent connaissance.

La presse intéressa l'opinion publique en faveur de Đình Chiểu. Il fut question d'assurer une retraite au poète populaire de l'Annam, qui vit encore au milieu de nous.

(1) KHUÔNG VIỆT dịch, trong NAM-KỶ TUẦN BÁO số đặc-biệt ngày 26 Juin 1943 về Lễ kỷ-niệm Nguyễn Đình Chiểu.

Đình Chiêu, interrogé à ce sujet, répondit qu'il était heureux des sentiments de bienveillance que lui témoignaient les Français, qu'il vivait dans une honorable aisance au milieu des élèves qui écoutaient son enseignement, et de ses compatriotes dont il avait l'estime ».

(Mà thương ôi ! một tạt mới vồn đến đập vào nhà thi-sĩ mù : lần lần tỉnh-quan tắt lấp, sự giao-thông giữa tiên-sinh với ngoại-giới trở nên ngày một khó-khăn. Tin ấy truyền ra trong giới người Nam, rồi không bao lâu người Pháp cũng hay biết.

Báo-chí bèn vì Đờ Chiêu làm cho dư-luận chú-ý. Người ta dờ ra vấn-đề bị-cấp tiền dưỡng-lão cho nhà thi-sĩ đả dân-tâm của nước Annam, hiện còn sống giữa bọn mình đây (1)

Hỏi ý-kiến về vấn-đề này, Đờ Chiêu trả lời rằng tiên-sinh lấy làm hạnh-phúc với lòng ân-huệ của người Pháp đã tỏ ra, và rằng tiên-sinh sống trong cảnh dư-dả khả-vinh, giữa đám môn-đệ cầu học với tiên-sinh cùng giữa người đồng-bào mà tiên-sinh được lòng quý-mến).

Lòng quý-mến của đồng-bào, quyết hẳn là Đờ-Chiêu có chiếm được. Chẳng thế sao lại Lãnh-Binh Trương Định yêu-cầu tiên-sinh gia-nhập bộ Tham-mưu mặc dầu tiên-sinh lòa mắt và những khi sắp tương-binh lại đến nhờ tiên-sinh sử quẻ Dịch ?

Chẳng thế sao lại tế nghĩa-sĩ trận vong trong Lục Tỉnh, người ta lại nhờ tiên-sinh đặt bài văn cho, và lại bài văn ấy được Triều-đình xuống chỉ công truyền ?

Tiên-sinh nếu chẳng được đồng-bào quý-mến, thời có đâu khi tiên-sinh mất, cả một cánh đồng

(1) E. BAJOT dịch xong LỤC VÂN TIÊN, đề ngày 5 mai 1885. Sách in ra ở Paris, năm 1887 khi ấy Đờ Chiêu còn sống, cụ mất ngày 3 Juillet 1888.

trắng lợt khăn tang trên đầu những người khóc thắm ?

Đồ Chiểu sinh bảy người con : Thị Hương 氏香, Đinh Chúc 廷錫, Thị Xuyên 氏筠, Thị Khuê 氏珪, Đinh Chiêm 廷翹, Đinh Ngưỡng 廷仰 và một người chết nhỏ trước Đinh Chiêm.

Bà Nguyễn thị Khuê, tự Nguyệt Anh 月瑛 hay chữ hay thơ, chủ-bút tờ báo NỮ-GIỚI CHUNG, là tờ báo đàn-bà trước tiên trong đất Việt. Bà sớm góa chồng, sương cư thủ tiết, bút tự Sương Nguyệt Anh.

Ông Nguyễn Đình Chiêm, tự Trọng Vĩnh 仲永, cũng hay chữ, hay thơ, có đặt những tuồng hát bộ có tiếng là NÊ-MÃ ĐỘ KHƯƠNG VƯƠNG, PHẤN TRANC LẦU và NAM TỐNG TINH TRUNG. Tuồng sau này có ông Chánh Vệ-úy Nhi ở Bến-tre trộm xuất-bản ra quốc-ngữ, cải nhan là « tuồng Tống Nhạc Phi, Phong Ba Đình ».

Đồ Chiểu lưu-truyền có những thi-văn quốc-âm, thơ LỤC VÂN TIÊN, thơ DUANG TỬ HÀ MẬU và truyện NGŨ TIÊU VẤN-ĐÁP Y-THUẬT. Theo Trương Vĩnh Ký (trong LỤC VÂN TIÊN, Saigon 1889) tiên-sinh còn có soạn ra TỬ THƠ NGŨ KINH GIA HUẤN CA. Theo ông Nguyễn văn Tri, tiên-sinh có soạn ra TAM THẬP LỤC NẠN, HUÊ HIÊN MẠCH PHÚ và LƯ SƠN MẠCH PHÚ đệ dạy làm thuốc.

(Trích trong NGŨ TIÊU VẤN-ĐÁP

do PHAN VAN HŨM hiệu-dính và chủ-thích-sắp xuất-bản).

N. B.— Tài-liệu về tiên-sử trên đây, chỗ nào không có chỉ xuất xứ, là rút ở tập « Nguyễn Chi Thế Phả 阮支世譜 » và chép theo lời của ông Nguyễn Đình Chiêm đã thuật cho hiệu-giả nghe.

蓼 雲 仙

LỤC VÂN TIÊN

VÂN-TIÊN TẠ THẦY XIN VỀ ĐI THI

- 1.— Trước đèn xem truyện Tây-minh (1)
 Găm cười hai chữ nhân-tình (2) éo-le.
 Hỏi ai lẳng-lặng mà nghe,

(1) Truyện Tây-minh là bộ truyện nói về gì, xưa nay không mấy người dám chú-thích rành-rọt, vì lẽ dễ hiểu là ít người được rõ bộ truyện ấy. Có điều có thể đoán biết là bộ truyện ấy đã nói về một cuộc hôn-nhân mà người chủ-hôn trước hứa sau lại lấy lời, vì thế, cụ Đồ Chiểu nhân thấy cuộc đời của mình cũng có khoản đời giống người trong truyện ấy, nên khi cụ đặt quyền truyện bằng thơ «Lục Vân Tiên», cụ liền nghĩ ngay đến tập truyện Tây-minh mà cụ đã có xem kia, nên đem lên mà đầu đề nói tổng-quát toàn quyền Lục Vân Tiên mà cụ sẽ diễn-tả lần lượt. Và nhân-vật chính trong truyện của cụ — chàng Lục Vân Tiên chính là phản-ảnh của cụ.

(2) Nhân-tình 人情 : những mối cảm-xúc trong lòng người. Tình người.

LỤC VÂN TIÊN

Dữ răn việc trước, lành dè thân sau (1).

Trai thời trung-hiếu (2) làm đầu,

Gái thời tiết-hạnh (3) là câu trau mình.

(1) Câu này vẫn có nhiều bản Lục Vân Tiên chép là "Mà răn . . . lành . . . sau". Câu Dữ . . . lành . . . này e do người sau đã thiện tiện sửa-đổi rõ-ràng. Vì mạch-lạc của câu không xuôi, mặc dầu muốn cho nghĩa-lý "trườn" hơn. Dữ (thì) răn việc trước (đã trót làm) (còn kẻ ăn ở) lành (thì cũng nên xem đó) dè (đặt) thân sau (tức là cái ta sẽ tới, cũng như thân trước là cái ta đã trải qua). Tuy nhiên, xét một lẽ cụ Đồ Chiểu mù, đặt thăm rồi đọc ra cho các học-trò chép, trong khi đặt-đề, có lẽ cụ đã có hứng văn xuôi mạch, nên đọc trơn tru :

. , mà nghe,

Mà răn việc trước lành dè thân sau.

Hai chữ mà, một ở câu trên, một ở câu dưới làm cho câu thơ xuôi mạch, thuận dòng tư-tưởng. Vậy mới thuận-lý. Còn câu : Dữ . . . lành . . . rõ ra có vẻ tiêu-xảo quá, ắt hẳn có bàn tay người khác nhúng vào, nhưng sửa mà không hay hơn, lại cắt đứt mạch văn ! Có bản lại chép : Giữ . . . lành . . . Chữ giữ lại càng yếu, cũng cắt đứt mạch ! Nên tày !

(2) Trung 忠 : lòng ngay-thẳng đúng mực. Hiếu 孝 : đạo làm con kính-thờ cha mẹ.

(3) Tiết 節 : lóng, mắc, chỉ về sự ngay-thẳng, giữ-giàn (Thân tróc đầu khô nhưng thẳng lóng — thơ Trần danh Ẩn đời Lê-mạc). Hạnh 行 : nét-na.

LỤC VÂN TIÊN

- Có người ở quận Đông-thành (1),
Tu nhân tích đức (2) sớm sinh con hiền.
Đặt tên là Lục vân Tiên,
Tuổi vừa hai tám(3) nghề chuyên học-hành (4).
11.— Theo thầy nấu sủ xôi kinh (5),

(1) Đông-thành : Một quận chỉ có trong trí tưởng của tác-giả. Tuy trên bức dư-đồ, ở nước ta, tàu, hay đâu khác, cũng có cái tên Đông-thành, nhưng đừng lầm nghĩ đến đó chi cho mất công. (Ai như giáo-sư Paul Midan đã ra công dịch bản tuồng "Kim-Thạch kỳ-duyên" của cụ Bùi-hữu-Nghĩa, lại tử-mỉ tra-cứu những địa danh trong bản ấy!) Tuy nhiên, quận Đông-thành ở Lục vân Tiên đây là ý tác-giả liên-tưởng tới đất "Đông-phố" (Gia-định) vậy. (Trời Đông-phố vậ ra Sóc cảnh. . . — *Văn-tế trận vong tướng-sĩ* của tiền-quân Nguyễn văn Thành).

(2) Tu nhân tích đức 修仁積德 : sửa việc nhân, chứa việc công-đức.

(3) Hai tám : hai lần tám là mười sáu. Tuổi vừa hai tám tức là mười sáu tuổi. Trong văn-chương hay dùng lối này. Như : tuổi độ trắng rằm (15), ba bảy (21) xuân xanh. Xuân thu tính độ trắng tròn lẻ — *Thơ của Nguyễn thị Lộ họa cùng Nguyễn-Trãi* (trên 15).

(4) Học-hành 學行 : học và đem sở học ra thi-hành.

(5) Nấu sủ xôi kinh : thành-ngữ chỉ về sự chịu khó học-tập.

LỤC VĂN TIÊN

Tháng ngày bao quản sân Trình (1) lao-đạo.
Vãn đà (2) khởi phụng đẳng giao (3),
Võ thêm ba lược (4) sáu thao (5) ai bì.
Xảy nghe mở hội khoa thi,
Vãn-Tiên vào tạ (6) tôn-sư (7) xin về :
« Bấy lâu cửa thánh dựa kê,
« Đã tươi khí-tượng (8) lại xuê tinh-thần (9).

(1) Sân Trình : thành-ngữ chỉ về trường học Nho. Trình tử, một bậc đại-hiền. Cũng như cửa Khổng (tức Khổng-tử). Người ta thường nói gồm học trò Nho là người trong cửa Khổng sân Trình.

(2) Đà : Do tiếng đã chuyển ra.

(3) Khởi phụng đẳng giao 起鳳騰蛟 : Phụng dậy rồng bay. Thành-ngữ chỉ về sự hay giỏi. Vãn đà tức là văn chương khác thường.

(4-5) Ba lược sáu thao tức Tam lược lục thao 三略六韜 : Tên bộ sách của Thái-công Vọng tức Lữ Vọng, nói về việc binh, gồm có : văn thao, vũ thao, long thao, hổ thao, báo thao, khuyển thao. (Thao 韜 : Phạm giấu kín ở trong không lộ ra ngoài điều gì gọi là thao).

(6) Tạ 謝 : tỏ lòng biết phải khi sắp xa nhau.

(7) Tôn-sư 尊師 : Tiếng xưng tụng bậc thầy đáng tôn.

(8) Khí-tượng 氣象 : Cái khí-khái cử-dộng của con người. Ý-chí mạnh-mẽ phát ra thành hình.

(9) Tinh-thần 精神 : Thần sắc đẹp-dẽ rạng-rỡ. Linh-hồn. Gọi chung những cái thuộc về vô-hình.

LỤC VÂN TIÊN

- « Nay đã gặp hội phong-vân (1),
« Ai ai mà chẳng lập thân (2) buổi này.
21.— « Chí lăm (3) bản nhận ven mây (4)
« Danh tôi đặng rạng tiếng thầy bay xa.
« Làm trai trong cõi người ta,
« Trước lo báo-bồ (5) sau là hiền-vang (6) ».
Tôn-sur bàn luận tai-nàn (7),
« Gẫm trong số hệ (8) khoa-tràng (9) còn xa.
« Máy trời chẳng dám nói ra,
« Xui thầy thương tứ xót-xa trong lòng.
« Sau dầu tỏ nỗi đục trong,

(1) Phong vân 風雲 : Gió mây. Do theo thành-ngữ : Vân tùng long, phong tùng hồ 雲從龍, 風從虎 : Mây theo rồng, gió theo cọp. Hội gió mây là thành-ngữ chỉ về lúc phải thời đỏ vận. Bản của cụ Trương Vĩnh Ký chép là : . . . *hội long vân*, tức hội mây rồng, cũng không ra ngoài nghĩa ấy.

(2) Lập thân 立身 : cái thân ráng lo cho nên.

(3) Lăm : Dốc lòng lăm.

(4) Bản nhận ven mây : thành-ngữ chỉ về sự quyết làm những chuyện khó-khăn.

(5) Báo bồ 報補 : Vì đền ân cho người mà lo làm việc ích cho người.

(6) Hiền 顯 : Rõ-ràng.

(7) Tai-nàn 災難 (do chữ nạn chuyển ra) : Nói chung về những họa hại về nước, lửa, trộm, cướp.

(8) Số hệ 數系 : Mệnh-vận định trước.

(9) Khoa tràng (trường) 科場 : Trường thi.

LỤC VÂN TIÊN

« Phải toan một phép để phòng hộ thân (1).

31.— « Rày con xuống chốn phong-trần (2),

« Thầy cho hai đạo phù thần (3) đem theo.

« Chẳng may mà gặp lúc nghèo,

« Xuống sông cũng vững lên đèo cũng an».

Tôn-sư trở lại hậu đàng (4),

Vân-Tiên ngưng-ngần lòng càng sanh nghi :

« Chẳng hay mình mắc việc chi,

« Tôn-sư người dạy khoa-kỳ (5) còn xa ?

« Hay là bối-rối việc nhà ?

« Hay là đức bạc (6) hay là tài sơ (7) ?

41.— « Bấy lâu lòng những ước-mơ.

« Hội này chẳng gặp còn chờ hội nao (8) ?

« Nên hư chẳng biết làm sao,

(1) Hộ thân 護身 : Che-chở thân-thể.

(2) Phong-trần 風塵 : Gió bụi. Chốn phong-trần chỉ về cuộc đời. Tình-cảnh gian-khò nay đây mai đó.

(3) Phù thần 符神 : bùa thần. Bùa rất linh.

(4) Hậu đàng (đường) 後堂 : Nhà sau.

(5) Khoa-kỳ 科期 : Kỳ thi.

(6) Bạc (đức) 蕪 (德) : mỏng (đức). Theo văn-phạm tiếng Hán, nói là bạc đức. Chuyền ra mọo tiếng Việt, chữ bạc lại cũng nhập-tịch Việt-nam, nên nói là (đức) mỏng hoặc (đức) bạc.

(7) Sơ (tài) 疎 (才) : thừa (tài).

(8) Nao : Do tiếng nào chuyền ra.

LỤC VÂN TIÊN

« Chi bằng hỏi lại lẽ nào cho mình (1).

« Đặng cho rõ nỗi sự tình,

« Ngó sau ngàn dặm đặng-trình (2) mới an ».

Tôn-sư ngời hầy thở-than,

Ngó ra trước án thấy chàng trở vô.

Hỏi rằng : « Vạn-lý trường đồ (3),

« Sao chưa cắt gánh trở vô việc gì ?

51.— « Hay là con hầy hồ-nghi (4),

« Thầy bàn một việc khoa-kỳ ban trưa ? »

Vân-Tiên nghe nói liền thưa :

« Tiểu-sinh(5) chưa biết nắng-mưa(6) buổi nào?

« Song-đường (7) tuổi hạc (8) đã cao,

« Xin thầy nói lại âm-hao (9) con tường (10)».

(1) Minh 明 : sáng tỏ.

(2) Đặng-trình 登程 : lên đường.

(3) Vạn-lý trường đồ 萬里長途 : đường dài vạn dặm.

(4) Hồ-nghi 狐疑 : Tính con cáo hay nghi. Nghi nhiều.

(5) Tiểu-sinh 小生 : Con trẻ. Học-trò nhỏ tuổi. Người hậu học. Người học-trò tự khiêm xưng mình.

(6) Câu này ý nói chưa biết rồi ra việc sẽ thế nào.

(7) Song-đường 雙堂 : Thung-đường và huyên-đường tức cha và mẹ.

(8) Tuổi hạc : Con hạc sống rất lâu. Tuổi hạc là danh-từ người ta dùng « lấy lên » cầu sống như con hạc vậy.

(9) Âm-hao 音耗 : tin-tức.

(10) Tường 詳 : hiểu rõ.

LỤC VÂN TIÊN

Tôn-sư nghe nói thêm thương,

Dắt tay ra chốn tiền-đường (1) xem trăng.

Nhân cơ tàng sự (2) dặn rằng :

« Việc người chẳng khác việc trăng trên trời.

61.— « Tuy là soi khắp mọi nơi,

« Khi mờ, khi tỏ, khi voi, khi dầy.

« Sau con chẳng rõ lẽ này (3),

« Lạ là con phải hỏi thầy làm chi ?

« Số con hai chữ khoa kỳ,

« Khôi-tinh (4) đã rặng Tử-vi (5) thêm loà.

« Hèm vì ngựa chạy đường (6) xa,

(1) Tiền-đường 前堂 : nhà trên.

(2) Nhân cơ tàng sự 因幾藏事 : Nhân cơ trời dấu nhiều việc (mà chỉ dạy Vân-Tiên).

(3) Nguyên-bản của cụ Trương Vĩnh Ký vốn chép : *Sau con cũng rõ lẽ này*. Ý rằng : (Về) sau (thế nào) con cũng rõ lẽ ấy mà. Nhưng nếu nói về sau mới rõ lẽ ấy, thì Vân-Tiên nóng biết ngay bây giờ nên mới hỏi là phải. Vậy thì xuống câu dưới : "Lạ là con phải hỏi thầy làm chi" chẳng là sai lắm. Cho nên, theo các bản khác chép là : *Sao con chẳng rõ lẽ này ? Có lẽ phải hơn* (đầu nguyên-văn của cụ Đồ có đúng như bản Trương Vĩnh Ký). Vậy mới hô-ứng với câu dưới.

(4) Khôi tinh 魁星 : Ngôi-sao thứ nhất trong đám sao Bắc-đầu. Nguyên-bản Trương Vĩnh Ký chép : Khuê tinh. Rất tốt.

(5) Tử-vi 紫微 : Vì sao chính, tốt.

(6) Đường : Nguyên bản Trương Vĩnh Ký chép là còn.

LỤC VÂN TIÊN

« Thỏ vừa ló bóng gà đà gáy tan (1).

« Bao giờ cho tới bắc phang (2),

« Gặp chuột ra đàng con mới nên danh (3).

71.— « Sau dầu dặng chữ hiền-vinh (4),

« Mấy lời thầy nói tiên-trình (5) chẳng sai.

« Trong cơ bỉ cực thái lai (6),

« Giữ mình cho vẹn việc ai chớ sờn ».

Vân-Tiên vội-vã tạ ơn (7),

(1-2-3) : Những câu mà thầy của Vân-Tiên nói bộ máy trời, cho Vân-Tiên nghe, nhưng Vân-Tiên khi ấy có nghe mà không hiểu.

Con ngựa là biểu-hiệu của năm ngọ, thỏ là năm mao, gà là dậu, chuột năm tí. Ý nói : Vân-Tiên tuổi ngọ, đến năm mao ắt rạng danh lần, nhưng danh-tiếng vừa mới nhóm dậy thì đến năm dậu đã phải chịu tai-nàn. Cho đến năm tí thì mới nên danh trọn- vẹn.

Về đoạn này, các nhà viết tiểu-sử cụ Đồ Chiểu có đề lời bàn rằng : Vân-Tiên là hình-ảnh của Đồ Chiểu. Cụ Đồ sinh năm ngọ (1822) tức hợp với câu ngựa chạy đường xa, thi đỗ tú-tài vào năm quý-mão (1843) tức ứng vào câu thỏ vừa ló bóng, nhưng đến khi sắm-sửa thi hội, xảy gặp tin mẹ chết vào năm dậu mà lỡ-dở công-danh, ứng vào câu : gà đà gáy tan.

(4) Hiền-vinh 顯榮 : Có danh-giá rõ-ràng.

(5) Tiên - trình 前程 : Bước đường trước mặt. Tương-lai.

(6) Bỉ cực thái lai 否極泰來 : Khò hết sướng lại. Bỉ, Thái vốn là tên quẻ Dịch. Bỉ vốn cùng, Thái vốn thông. Vả, hết tuần cùng thì đến thông, cơ trời vận chuyển đều-đặn.

(7) Tạ ơn 謝恩 : bày-tỏ lòng biết ơn.

LỤC VÂN TIÊN

Trăm năm đốc giữ keo sơn (1) mọi lời.

(1) Keo sơn : Hai vật dính-dấp. Nhà làm văn mượn đó dùng vào nghĩa bóng : việc chi bền-chặt. Chữ Hán, keo là giao 膠, sơn là tất 漆. Nên trong văn-chương có câu : Một lời đã gắn tất giao. Vốn là nghĩa ấy.

Tóm-thuật đoạn I — Mào đầu, tác-giả nhân xem truyện Tây-minh, thấy người trong truyện mà bắt tức cười cho nổi tình người éo-le. Rồi phát ra tấm lòng thương đời, muốn vì đời mà dùng văn-chương khuyên đời.

Tác-giả sáng-tạo một nhân-vật chánh là chàng Vân-Tiên họ Lục, người ở quận Đông-thành. Cha mẹ Vân-Tiên hiền đức. Vân-Tiên mới 16 tuổi đã nổi tiếng văn hay võ giỏi. Xảy nghe vua mở khoa thi, Vân-Tiên từ-tạ thầy xin về đi thi. Thầy của Vân-Tiên, đáng tôn-sư ấy, toán biết trước Vân-Tiên không có duyên với công-danh sớm, nhưng sẽ phát muộn mà danh-tiếng lại lâu dài để đời. Nhưng tôn-sư không nói rõ điều ấy với Vân-Tiên, khiến Vân-Tiên nghi-nghi ngại-ngại trong lòng không yên, rồi phải cầu xin thầy chỉ dạy căn-kê. Tôn-sư cực chẳng đã phải dắt Vân-Tiên ra trước nhà, rồi nhân xem trăng, tôn-sư mới lấy lễ đầy nơi tròn khuyết của luân trăng mà dân-dụ cho Vân-Tiên hiểu đạo trời. Lại nói lộ một vài lời sấm cho Vân-Tiên biết rằng : Vân-Tiên sinh năm ngọ, tất đến năm mão mới có tiếng-tấm chút ít, nhưng sang năm dậu lại gặp nạn, lại trắc-trở công-danh. Dẫn đến năm tí mới nên danh rõ-ràng. Tôn sư còn nhủ-dặn Vân-Tiên nhiều

LỤC VĂN TIÊN

điều trong cách sửa mình, đối-đãi với người.

Vân-Tiên tạ ơn và xin khăng-khắng ghi lời chỉ dạy.

II

VÂN-TIÊN LÊN ĐƯỜNG GẶP LỮ SƠN-ĐÀI

Ra đi vừa rạng chân trời (1),

Ngùi-ngùi ngó lại nhớ nơi học-đường (2).

Tiên rằng : « Thiên các nhất phương (3),

«Thầy đeo đoạn thảm, tứ vương mỗi sấu.

81. — «Quản bao thân trẻ dãi-dầu,

«Mang đai Tử-Lộ (4), quảy bầu Nhan-

Uyên (5).

(1) Vừa rạng chân trời : lúc hùng đông.

(2) Học-đường 學堂 : trường học.

(3) Thiên các nhất phương 天各一方 : Ở-vô trong một khoản trời đất.

(4) Tử-Lộ 子路. Học-trò đức Không-tử. Có tiếng ra hiếu. Thuở trẻ, đội gạo dâng xa kiếm tiền nuôi mẹ. Đến lúc mẹ chết, ra làm quan, tiền của chôn-chở, nhưng thời thường hay than : "Không còn mẹ để lại được đội gạo nuôi mẹ như xưa". Ở câu này, mang đai Tử-Lộ, ý tác-giả muốn nói tâm-trạng Vân-Tiên khi ấy nóng-nảy thương cha nhớ mẹ muốn chấp cánh mà bay riết cho tới nhà, để khỏi nặng mình ràng buộc bởi thương-cảm.

(5) Nhan-Uyên 顏淵 : Học-trò đức Không-tử. Nổi tiếng hiền. Hằng ngày, Nhan ăn ở rất giản-dị. Đức Không thường khen : "Hiền thay người Nhan-Hồi (Hồi là tên tộc của Nhan) ! Một giỏ cơm, một bầu nước, ở nơi chôn ngõ hẻm hang cùng, thế mà vui". Ở câu này, bầu Nhan-Uyên tức là tác-giả cho Vân-Tiên học đòi Nhan-Uyên sống thanh-đạm, vui thú giữ vẹn tính hiền-lương chân-chất.

LỤC VÂN TIÊN

«Bao giờ cá nước gặp duyên (1),
«Đặng cho con thảo phỉ nguyện tôi ngay (2).»

Kể từ lướt dậm tới nay,
Mỗi-mê hầu đã mấy ngày xông sương.
Đoái nhìn phong-cảnh thêm thương,
Voi-voi dậm cũ nẻo đường còn xa.
Chi bằng kiếm chốn lân-gia (3),
Trước là tìm bạn, sau là nghỉ chân.

91. — Việc chi than-khóc tưng-bừng,
Đều đem nhau chạy vào rừng lên non.
Tiên rằng : «Bớ chú công con !
« Việc chi nên nổi bon-bon chạy hoài ? »
Dân rằng : « Tiều-tử (4) là ai ?
« Hay là một đảng sơn-đài (5) theo tao ? »
Tiên rằng : « Cớ sự làm sao,
« Xin ngừng vài bước sẽ trao một lời . »
Dân nghe tiếng nói khoan-thai (6),
Kêu nhau đứng lại bày lời phân qua :

(1) Cá nước gặp duyên : thành-ngữ chỉ về sự được như ý. Như cá gặp nước, thì duyên may sung-sướng biết bao.

(2) Ý nói : Vân-Tiên đã dốc làm người hiếu, hiền, vậy thì đến bao giờ trời mới cho được ra giúp đời cho nên tiếng tôi ngay.

(3) Lân-gia 鄰家 : Hàng xóm. Nhà ở gần đó.

(4) Tiều-tử 小子 : Gã trẻ tuổi.

(5) Sơn-đài : cướp núi.

(6) Khoan-thai 寬台 : chằm-rãi êm-ái.

- 101.— «Nhân rày có đảng lâu-la (1),
«Tên rằng Đỗ Dự hiệu là Phong-Lai.
«Nhóm nhau ở chốn sơn-đài,
«Người đều sợ nó có tài khôn đương (2).
«Bây giờ xuống cướp thôn-hương (3),
«Thấy con gái tốt qua đường bắt đi.
«Xóm làng chẳng dám nói chi,
«Cám thương hai gã nữ-nhi (4) mắc nạn !
«Con ai vóc ngọc mình vàng,
«Má đào mảy liễu dung-nhan (5) lạnh-lùng.
- 111.— «E khi mắc đảng hành-hung (6),
«Uồng trang thực-nữ (7) sánh cùng thất-phu (8).
«Thôi thôi chẳng dám nói lâu,
«Chạy đi cho khỏi kéo âu (9) tới mình» .

(1) Lâu-la 樓羅 : tay sai của tướng cướp.

(2) Đương 當 : ngăn cản, nhận lấy.

(3) Thôn-hương 村鄉 : xóm làng vùng quê.

(4) Nữ-nhi 女兒 : Gái trẻ. Tiếng gọi chung đàn-bà con-gái còn trẻ.

(5) Dung-nhan 容顏 : vẻ mặt.

(6) Hành-hung 行凶 : làm dữ.

(7) Thực-nữ 淑女 : Người con-gái dịu-dàng mà lại trinh-chính.

(8) Thất-phu 匹夫 : Người nhỏ hèn. Người chẳng ra gì.

(9) Âu : Do chữ Ưu 憂 chuyển ra. Lo-sợ, buồn-rầu.

LỤC VÂN TIÊN

« Vân-Tiên nổi giận lôi-dình (1),

Hỏi thăm : « Lũ nó còn đình (2) nơi nao ?

« Tôi xin ra sức anh-hào (3),

« Cứu người cho khỏi lao-đao buổi này ».

Dân rằng : « Lũ nó còn đây,

« Qua xem tướng bậu (4) thơ-ngây đã đành.

121.— « E khi họa hổ bắt thành (5),

« Khi không mình lại xô mình vào hang » (6)

Vân-Tiên ghé lại bên đàng,

Bẻ cây làm gậy tìm đàng chạy vô.

Kêu rằng : « Bớ đảng hung-dồ ! (7)

« Chớ quen làm thói hồ-dồ (8) hại dân ».

Phong-Lai mặt đỏ phùng phùng :

(1) Lôi-dình 雷霆 : Sấm sét. Ý nói là nổi cơn tức-giận.

(2) Đình 停 : Dừng lại.

(3) Anh-hào 英雄 : Người có tài giỏi, sức mạnh. Anh là đẹp nhất. Hào là đẹp nhất.

(4) Bậu : Người lớn tuổi gọi môn-trón có ý trêu-cợt người trẻ.

(5) Họa hổ bắt thành 畫虎不成 : Vẽ cọp chẳng nên hình. Ý nói : toan làm chuyện phải, cao mà không xong thì cũng khờ với tiếng cười-nhạo của người chung quanh,

(6) Chữ "vào" vốn lạm-sửa. Ở nguyên bản Trương Vĩnh Ký là chữ "xuống".

(7) Hung-dồ 凶徒 : Bọn dữ-dần.

(8) Hồ-dồ 糊塗 : Không rõ sự lý.

LỤC VÂN TIÊN

« Thằng nào dám tới lấy-lùng vào đây.

Trước gây việc dữ tại đây,

« Truyền quân bốn phía phủ-vây bịt-bùng ».

131.— Vân-Tiên tả đút hữu xông (1),

Khắc nào Triệu-tử (2) phá vòng Đương-dang (3).

Lâu-la bốn phía vỡ tan,

Đều quăng gươm giáo tìm đảng chạy ngay.

Phong-Lai trở chằng lập tay,

Bị Tiên một gây thác rày thân vong (4)

(1) Tả 左 : bên trái. Hữu 右 : bên mặt. Tả đút hữu xông : Đánh tan bên trái, lướt tràn bên mặt.

(2) Triệu Tử 趙子 : Triệu Tử-Long (tên là Vân tự Tử-Long 趙子龍). Một trong năm viên tướng mạnh của Lưu-Bị đời Tam-quốc đã nổi danh ở trận Đương-dương, một mình chống với muôn quân của Tào-Tháo.

(3) Đương-dang : chính chữ thì Đương-dương, nơi Triệu Tử-Long phá quân Tào. Viết là dang để căn vào với câu dưới.

(4) Vong 亡 : mất.

Trên đầu núi cao, Triệu Tiên đứng vững, lòng phơi-phới sự mong-ước. Đường về còn xa, thấy tớ Vân-Tiên rầu lòng lo-lắng, toan tìm chòm-xóm láng-giềng để trước tìm bạn, sau có nơi nghỉ chân. Xảy nghe tiếng than-khóc tung-bùng, rồi đến thấy người người đem nhau chạy vào rừng, lên non. Có một người công con đang xăn-xái chạy. Vân-Tiên kêu lại hỏi thăm có sự. Người Dân cho hay-biết : Có

LỤC VÂN TIÊN

đảng cướp do Đổ Dự hiệu Phong-Lai cầm đầu, cướp phá xóm làng rất là khỗ-sở. Mà không ai cự nổi nó. Bây giờ chúng lại đang ra tay bắt ở đâu được hai nàng con gái đẹp-đẽ, thật thấy mà thương cho hai nàng tài sắc, e khi rủi hư về tay người chẳng ra gì thì ửông. Dân nói dớt, sợ-sệt bỏ chạy. Vân-Tiên nổi giận, hỏi thăm sào-huyệt chúng, rồi bẻ cây làm gậy chạy thẳng đến đó, cả kêu tướng cướp ra đối-địch. Vân-Tiên giết được Phong-Lai.

III

VÂN-TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT-NGA

Đẹp rồi lũ kiến chòm ong,

Hỏi : « Ai than-khóc ở trong xe này ? ».

Thưa rằng : « Tôi thiệt người ngay,
« Sa cơ nên mới lằm tay hung-đồ.

141.— « Trong xe chật hẹp khôn phò,
« Cúi đầu trăm lạy cứu cô tôi cùng ».

Vân-Tiên nghe nói động lòng,
Đáp rằng : « Ta đã trừ dòng lâu-la.

« Khoan khoan ngồi đó chớ ra,
« Nàng là phận gái, ta là phận trai.

« Tiểu-thư (1) con gái nhà ai,
« Đi đâu nên nổi mang tai bất kỳ (2).
« Chẳng hay tên họ là chi ?

(1) Tiểu-thư 小姐 : Gái nhà quan.

(2) Bất kỳ 不期 : Chẳng có kỳ. Thành-linh.

LỤC VÂN TIÊN

« Khuê-môn (1) phận gái việc gì đến đây ?

151.— « Trước sau chưa hẳn dạ này,

« Hai nàng ai tỏ ai thầy nói ra ? »

Thưa rằng : « Tôi Kiều Nguyệt-Nga,

« Con này tử-tất (2) tên là Kim-Liên.

« Quê nhà ở quận Tây-xuyên,

« Cha làm Tri-phủ ở miền Hà-khê,

« Sai quân đem bức thư về,

« Rước tôi qua đó định bề nghi-gia (3),

« Làm con dâu dám cãi cha,

« Vì dầu ngàn dặm đường xa cũng đành !

161.— « Chẳng qua là sự bất bình (4),

« Hay vầy cũng chẳng đáng-trình (5) làm chi.

« Lâm nguy (6) chẳng gặp giải nguy (7),

(1) Khuê-môn 閨門 : Cửa buồng của con gái. Khuê-môn phận gái : Phận gái vốn ở chỗ buồng the.

(2) Tử-tất 婢膝 : Con đòi. Đầy-tớ gái.

(3) Nghi-gia 宜家 : Nên nhà. Định bề nghi-gia : Lo cho yên bề vợ chồng (vì có vợ chồng tất phải lo việc cửa nhà, nên mượn thành-ngữ "Nghi gia nghi thất 宜家宜室" : Nên nhà nên cửa, đề chỉ về việc định đôi-bạn.

(4) Bất bình 不平 : Chẳng bằng. Ý nói việc không dè mà có được, việc trái.

(5) Đáng-trình : Xem chú-thích 2 ở trang 25.

(6) Lâm nguy 臨危 : Gặp nguy. Phải việc không lành.

(7) Giải nguy 解危 : Cởi bỏ cái nguy. Trút khỏi việc không lành.

LỤC VÂN TIÊN

« Tiết (1) trăm năm cũng bỏ đi một hồi.

« Trước xe quân-tử (2) tạm ngồi,

« Xin cho tiện-thiếp (3) lay rồi sẽ thưa :

« Chút tôi (4) liễu yếu đào thơ (5),

« Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần.

« Hà-khê qua đó cũng gần,

« Xin theo cùng thiếp đền ân cho chàng.

171.— « Gặp đây đương lúc giữa đàng,

« Cửa tiền không có, bạc vàng cũng không.

« Gẫm câu báo đức (6) thù công (7),

« Lấy chi cho phủ tấm lòng cùng người ».

Vân-Tiên nghe nói liền cười :

« Làm ơn há dễ trông người trả ơn.

« Nay đã rõ đặng nguồn cơn,

« Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.

(1) Tiết 節 : Xem chú-thích 3 ở trương 20.

(2) Quân-tử 君子 : Danh-từ dùng xưng tụng người học-trò chính-chắn.

(3) Tiện-thiếp 賤妾 : Tiếng của người đàn-bà con-gái khiêm-nhượng tự xưng. Tiện : hèn, thiếp : đàn-bà chịu phạt lễ mọn. Tiện-thiếp : Phận đàn-bà hèn.

(4) Chút tôi : Cái tôi bé-bỏ. Tiếng tự xưng khiêm-nhượng.

(5) Liễu yếu đào thơ : Chỉ về người con-óai thân-phần yếu-ớt.

(6) Báo đức 報德 : Đáp cái ân đức.

(7) Thù công 酬功 : Trả công ơn.

LỤC VÂN TIÊN

- « Nhớ câu kiến ngãi bất vi (1),
« Làm người thế ấy cũng phi anh-hùng (2).
181.— « Đó mà biết chữ thi-chung (3),
« Lựa là đây phải theo cùng làm chi »,
 Nguyệt-Nga biết ý chẳng đi,
Hỏi qua tên họ một khi cho tường.
 Thưa rằng : « Tiện-thiếp đi đường,
« Chẳng hay quán-tử quê-hương nơi nào ? ».
 Phút nghe (4) lời nói thanh-thao (5),
Vân-Tiên há nữ lòng nào phôi-phá :
 « Đông-thành vốn thiệt quê ta,
« Họ là Lục-thị tên là Vân-Tiên ».
191.— Nguyệt-Nga vốn đấng thuyền-quyên (6),
Tai nghe lời nói tay liền rút trâm.
 « Thưa rằng : « Nay gặp tri-âm (7),
« Xin đưa một vật để cầm làm tin (8) ».

(1) Kiến ngãi (chính là nghĩa, đọc trại ra là ngãi hoặc ngỡi) bất vi 見義不爲 : thấy việc nghĩa không làm.

(2) Phi anh-hùng 非英雄 : chẳng phải anh-hùng.

(3) Thi-chung 始終 : trước sau. Biết chữ thi-chung : Ý nói biết phải có trước có sau vẹn tròn.

(4) Phút nghe : (trong giây) phút (mà được) nghe.

(5) Thanh-thao : trong-trẻo.

(6) Thuyền-quyên 嬋娟, con gái đẹp-đẽ.

(7) Tri-âm 知音 : biết tiếng. Bạn tri-kỷ, bạn hiểu-biết nhau.

(8) Tin : của tin. Vật trao-đưa để nhớ đến nhau.

LỤC VÂN TIÊN

Vân-Tiên ngơ mặt chẳng nhìn,
Nguyệt-Nga liếc thấy càng thìn (1) nết-na :
« Vật chi một chút gọi là,
« Thiếp thừa chưa dứt chàng đà làm ngơ.
« Cửa này là cửa vất-vơ,
« Lòng chê cũng phải mặt ngơ sao đành ! »

201.— Vân-Tiên khó nổi làm thình,
Chữ ân buộc lại chữ tình lây-dây (2).
Than rằng : « Đó khéo trêu dây,
« Ôn kia đã mấy (3) của này rất sang.
« Đương khi gặp-gỡ giữa đàng,
« Một lời cũng nhớ, ngàn vàng chẳng phai (4).
« Nhớ câu trọng ngãi khinh tài (5),
« Nào ai chịu lấy của ai làm gì. »

(1) Thìn : Thấy ư nhìn. Do ba chữ “thấy ư nhìn” chuyển âm theo lối thức vần (variation phonétique) thành ra : “thấy (ư) nhìn” lái lại là th - ìn. Thìn nết-na : nết-na thấy ư nhìn.

(2) Lây-dây : lây ra và khiến cho ai chạm phải thì dây-vướng.

(3) Ôn kia đã mấy : Ôn kia nào đã được bao nhiêu đâu. Có nhiều bản chép : Ôn kia đáng mấy ; e không hay bằng nguyên-bản Trương vĩnh Ký.

(4) Ngàn vàng chẳng phai : Ngàn vàng đỏ không thể làm phai được màu đỏ của lòng.

(5) Trọng ngãi (nghĩa) khinh tài 重義輕財 : Nặng phần nghĩa mà rẻ-rúng tiền.

LỤC VÂN TIÊN

« Thừa rằng : « Chút phận nữ-nhi (1),

« Vốn chưa biết lẽ có khi mich lòng (2).

211.— « Ai dè những đấng anh-hùng,

« Thấy trâm thôi lại thẹn-thùng cùng trâm (3).»

Riêng than : « Trâm hỡi là trâm !

« Vô duyên chi bấy ai cầm mà mơ ?

« Đưa trâm chàng đã làm ngơ,

« Thiếp xin đưa một bài thơ giã-từ. »

Vân-Tiên ngó lại rằng : « Ừ,

« Làm thơ cho kịp bấy-chừ chớ lâu. »

Nguyệt-Nga ứng tiếng xin hầu (4),

Xướng tay liền tả tám câu năm vần (5).

221.— « Thơ rồi này thiếp xin dâng,

« Ngửa trông lượng rộng văn-nhân (6) **thề**
nào ? »

(1) Nữ-nhi 女兒 : Xem chú-thích 4 trang 31.

(2) Câu này lời lẽ thật hay : Vốn (tôi phận đàn-bà con gái) chưa biết (cái) lẽ (mà chàng đã nói) (nên mới) có khi mich lòng (chàng) (làm vậy).

(3) Nguyên bản Trương vĩnh Ký chép là : Thấy trâm thôi lại thẹn *cùng cây* trâm. Nay theo nhiều bản chép như trên, có phần hay hơn.

(4) Câu này : Nguyệt-Nga lên tiếng xin vâng làm thơ hầu Vân-Tiên.

(5) Tám câu năm vần tức thơ bát cú thất ngôn Đường-luật.

(6) Văn-nhân 文人 : Người đẹp-đẽ, có văn-chương.

LỤC VÂN TIÊN

Vân-Tiên xem thấy nguyệt-ngào (1),
Ai dè sức gái tài cao bực này.
Đã mau mà lại thêm hay,
Chẳng phen Tạ-nữ (2) cũng tay Từ-phi.
Thơ ngâm dũ xuất dũ kỳ (3),
Cho hay tài gái kém gì tài trai.
Nhu vậy ai lại thua ai,
Vân-Tiên họa lại một bài trao ra.

231.— Xem thơ biết ý gần xa,
Mai hòa vận điều, điều hòa vận mai (4).
Có câu xúc cảnh hứng hoài (5),
Đường xa vợi-vợi, dặm dài vợi-vợi (6).
Ai ai cũng ở trong trời,
Gặp nhau ta đã cạn lời thời thôi.

(1) Ý nói : lời-lẽ sức-nức mùi thơm-tho.

(2) Tạ-nữ 謝女 : con gái họ Tạ tức nàng Tạ Đạo-Uần, văn hay thơ giỏi có tiếng.

(3) Dũ xuất dũ kỳ 愈出愈奇 : càng nói ra càng thấy lạ.

(4) Mai, lan, cúc, trúc, hoặc : Mai, điều, tùng, lộc, vốn là những bức tứ bình được nhiều bậc văn-nhân ưa-thích, vì miêu-tả được đầy-dủ sự thanh-cao. Ở đây, ý nói bài thơ của Nguyệt-Nga xướng và Vân-Tiên họa lại rất xứng nhau.

(5) Xúc cảnh hứng hoài 觸景興懷 : trông thấy cảnh, say-mê cảnh mà ôm tình hứng.

(6) Ý nói : (Nhờ vậy) Đường xa mùt mắt vẫn thấy dặm dài như được ngắn lại.

LỤC VÂN TIÊN

Tóm-thuật đoạn III. — Vân-Tiên giết được Phong-Lai rồi, liền hỏi thăm đến người gặp nạn. Ấy là nàng Kiều Nguyệt-Nga, con gái của quan Tri-phủ ở Hà-khê, quê nhà ở quận Tây-xuyên. Nguyệt-Nga được tin cha ở Hà-khê gửi về gọi nàng đến, để định bề yên nhà yên cửa cho nàng. Nguyệt-Nga không dám cãi cha, mới cùng ra đi với con đòi tên là Kim-Liên. Xảy gặp Phong-Lai dẫn lâu-la đón bắt. May được Vân-Tiên cứu. Nguyệt-Nga chịu ơn, cảm tình, chẳng biết đền ơn thế nào cho phải. Vân-Tiên khẳng-khái chẳng chịu cho người đền ơn. Nguyệt-Nga mới hỏi đến tên họ, biết được là Vân-Tiên. Nguyệt-Nga bèn nghĩ-ngợi rồi rút trâm : «...nay gặp tri-âm xin đưa một vật để cầm làm tin». Vân-Tiên chẳng nhận, ngánh mặt. Nguyệt-Nga trông thấy nét-na chàng họ Lục lấy làm cảm-phục, than-thở chẳng cùng, lại xin đưa một bài thơ già-từ. Vân-Tiên ưng lòng, Nguyệt-Nga thảo thơ. Tám câu năm vần của Nguyệt-Nga khiến Vân-Tiên bớt lòng khinh rẻ. Vân-Tiên bèn họa lại bài ấy. Cùng nhau từ-giã trong cảnh-tình cao-đẹp.

IV

NGUYỆT-NGA VỀ HÀ-KHÊ

237.— Vân-Tiên từ-giã phản-hồi (1),

Nguyệt-Nga than-thở : « Tình ôi là tình !

« Nghĩ mình mà ngán cho mình,

« Nỗi ân chưa trả nỗi tình lại vương.

(1) Phản-hồi 返回 : Trở về.

LỤC VÂN TIÊN

- 241.**— « Hữu tình hai chữ uyên-ương (1),
« Chuỗi sầu ai khéo vấn-vương vào lòng.
« Nguyệt cùng nguyệt-lão (2) hỡi ông !
« Trăm năm cho vẹn chữ tòng mới an.
« Hữu tình chi bấy Ngưu-lang (3),
« Tấm lòng Chức-nữ (4) vì chàng mà nghiêng,
« Thôi thôi, em hỡi Kim-Liên !
« Đầy xe cho chị qua miền Hà-khé ».
Trải qua dấu thỏ đàn dê,

(1) Uyên-ương 鴛鴦 : Có người đọc là oan-ương. Một thứ chim, con đực là uyên, con cái là ương, ở từng cặp không khi nào rời nhau. Trong văn-chương, mượn hai tiếng uyên-ương để nói về vợ chồng thương nhau.

(2) Nguyệt-lão 月老 : Tức Nguyệt-hạ lão-nhân 月下老人 : Ông lão ở dưới mặt trăng. Tục truyền là vị thần xem việc hôn-nhân.

(3) Ngưu-lang 牛郎 : Chàng Khiên-Ngưu tức là chàng Ngưu (đọc chạnh ra Ngâu). Tục truyền rằng cứ đêm thất tịch (mồng 7 tháng 7) thì Chức-nữ (Xem Chức-nữ) và Ngưu-lang gặp nhau.

(4) Chức-nữ 織女 : Người con gái dệt vải. — Tên một vì sao. Truyện xưa nói rằng sao Chức-Nữ là thiên-tôn-nữ (cháu gái trời) gả cho sao Khiên-Ngưu. Vì cả hai say-dắm nhau đến quên bổn-phận : chàng chăn trâu, nàng dệt vải, Ngọc-hoàng mới giận đẩy họ xa nhau, cách một con sông Ngân, mỗi năm chỉ cho phép gặp nhau một đêm, mồng 7 tháng 7, do lũ quạ đen sói đầu bắc cầu cho hai người đến với nhau. Nay vẫn còn tục lệ mồng 7 tháng 7 là tích ấy.

Chim kêu vượn hú tư bề nước non.

251.— « Vái trời cho đặn vuông tròn,
« Trăm năm cho trọn lòng son với chàng ».

Phút đầu đã tới phủ-dàng (1),
Kiều-công xem thấy lòng càng sinh nghi.

Hỏi rằng : « Nào trẻ tùy-nhi (2),
« Cớ sao nên nổi con đi một mình ».

Nguyệt-Nga thừa việc tiền-trình (3),
Kiều-công tưởng nổi sự-tình chẳng vui.

Nguyệt-Nga dạ hãy ngùi-ngùi,
Nghĩ mình thôi lại sụt-sùi đòi con :

261.— « Lao-đao phận trẻ chi sồn,
No nao (4) trả đặn công-ơn cho chàng ».

Kiều-công nghe nói liền can,
Dạy rằng : « Con hãy nghỉ an mình vàng.

« Khi nào cha rảnh việc quan,
« Cho quân qua đó mời chàng đến đây.

« Sao sao chẳng kịp thời chầy,
« Cha nguyên trả đặn ơn này thời thôi.

(1) Phủ-dàng (đường) 府堂 : Dinh-thự của quan tri-phủ.

(2) Tùy-nhi 隨兒 : Tùy : theo. Nhi con. Bọn theo hầu Nguyệt-Nga.

(3) Tiền-trình 前程 : Bước đường trước mặt.

(4) No nao : No do chữ nỏ chuyển ra. Không biết thuở nào.

LỤC VÂN TIÊN

« Hậu-đường (1) con hãy tạm lui,
« Làm khuấy dạ trẻ cho vui lòng già ».

271.— Tây lầu (3) trống điểm sang ba,
Nguyệt-Nga còn hãy xót-xa phận mình.

Dời chân ra chốn hoa-đình (2),
Xem trăng rồi lại chạnh tình cố-nhân (4).

Than rằng : « Lưu-thủy cao sơn (5),
« Ngày nào nghe đặng tiếng đàn tri-âm.

« Chử tình càng tưởng càng thâm (6),
« Muốn pha khó lợt, muốn dầm khôn phai.

« Voi-voi dất rộng trời dài,
« Hỏi ai nữ để cho ai đeo phiến ».

(1) Hậu-đường 後堂 : Nhà sau.

(2) Tây lầu 西樓 : Lầu ở phía tây.

(3) Hoa-đình 花亭 : Viện trồng hoa.

(4) Cố-nhân 故人 : Người xưa.

(5) Lưu thủy cao sơn 流水高山 : Nước trôi, núi cao. Lấy điển Bá-Nha Tử-Kỳ. Quan đại-phu Bá-Nha nhân một đêm trăng, lênh-dênh trên thuyền về quê, ngồi ôm đàn khảy. Tử-Kỳ ngồi trên bờ lắng nghe, nức-nở khen. Bá-Nha cho người mời xuống thuyền cùng nhau trò-chuyện lấy làm ưng-ý bèn kết làm đôi bạn. Trong khi thử tài nhau, Bá-Nha ngồi ôm đàn, nghĩ-ngợi, chỉ ở chốn nước biếc, Tử-Kỳ gặt đầu, nghe đàn rồi bảo rằng : "Voi voi chí đại-nhân ở nơi lưu thủy". Bá-Nha chẳng nói gì, lại để chỉ ở chốn non cao lên tiếng đàn, Tử-Kỳ cười bảo : "Voi voi chí đại-nhân ở chốn cao sơn".

(6) Thâm 深 : sâu.

LỤC VÂN TIÊN

281.— Trở vào bèn lấy bút-nghiên,
Đặt bàn hương-án (1) chúc nguyện thần linh.
Làu-làu (2) một tấm lòng thành,
Họa ra một bức tượng hình Vân-Tiên.
Than rằng : « Ngàn dặm sơn xuyên (3),
« Chử án đề dạ, chử duyên nhuộm sâu ».

(1) Hương-án 香案 : Bàn đốt hương.

(2) Làu-làu : Do chữ lau chùi ra. Sạch như lau.

(3) Sơn-xuyên 山川 : núi sông.

Tóm-thuật đoạn IV. — *Vân - Tiên từ - giả Nguyệt-Nga, nhằm hướng về quê. Nguyệt-Nga than thở ám-thăm ; trên đường qua Hà-kê, bên lòng trâm mối ngồn-ngang. Ân-tình vương-vấn nên sâu, Nguyệt-Nga lòng đã nguyện với lòng : « Trăm năm cho trọn lòng son với chàng ».*

Qua tới Hà-kê, Kiều-công trông thấy con đi có một mình, lấy làm nghi, bèn han-hỏi. Nguyệt-Nga thưa rõ sự tình, lại tỏ vẻ bán-khoản về ơn-nghĩa. Kiều-công khuyên bảo Nguyệt-Nga hãy yên lòng, chẳng sớm thì muộn ơn kia sẽ có ngày trả đặng.

Trên lầu riêng, Nguyệt-Nga vẫn nhớ Vân-Tiên. Trống canh ba hãy còn thao-thức, lại lần ra chốn trồng hoa, ngắm trăng chạnh tình, không làm sao quên được người trong phút-giây gặp-gỡ.

Than-thở khôn cùng, Nguyệt-Nga bèn đặt bàn đốt hương vái lạy cầu nguyện với thần linh, rồi đem hết một tấm lòng thành, sạch như lau tự thuở nay, ngồi vẽ bức tượng hình Vân-Tiên, lòng đầy cảm cảnh.

V

VÂN-TIÊN ĐI THI

Truyện nàng sau hãy còn lâu,
Truyện chàng xin nổi thứ đầu chép ra.

Vân-Tiên từ cách Nguyệt-Nga.

Giữa đường lại gặp người ra kinh kỳ (1),

291.— Xa xem mặt mũi đen sì,

Mình cao sỗ-sộ dị-kỳ (2) rất lung,

Nhớ câu bình-thủy tương phùng (3).

Anh-hùng (4) lại gặp anh-hùng một khi.

Chẳng hay danh-tính (5) là chi,

Một mình mang gói ra đi việc gì ?

Đáp rằng : « Ta cũng xuống thi,

Hờn-Minh tính tự (6) Ô-mi quê nhà.

Vân-Tiên biết kẻ chính-tà (7),

(1) Kinh-kỳ 京畿 : Đất ở thủ-đô một nước.

(2) Dị-kỳ 異奇 : khác lạ.

(3) Bình-thủy tương phùng 萍水相逢 : Bèo nước gặp nhau. Thành-ngữ chỉ về sự gặp-gỡ nhau trong cảnh trôi-nổi.

(4) Anh-hùng 英雄 : Anh là vua loài hoa, hùng là vua loài thú. Anh-hùng là người tài hạnh tốt vời.

Theo Văn-trung-tử Vương-Thông thì : Tự tri giả anh 自知者英 : Tự biết mình là anh. Tự thắng giả hùng 自勝者雄 : Người tự biết mình là hùng.

(5) Danh-tính 名姓 : Tên, họ.

(6) Tính-tự 姓字 : Chữ tên.

(7) Chính-tà 正邪 : Chính là ngay-thẳng và, tà lệch vạy. Người ngay-thẳng và người không ngay thẳng.

LỤC VÂN TIÊN

Hễ người dị tướng (1) ắt là tài cao.

301.— Chữ rằng : Bằng hữu chi giao (2),
Tình kia đã gặp lẽ nào làm khuây ?

Nên rùng há dễ một cây,
Muốn cho có đó cùng đây luôn vẫn.

Kìa nơi võ-miếu (3) hầu gần,
Hai ta vào đó nghỉ chân một hồi.

Cùng nhau bày-tỏ tên rồi,
Hai chàng từ-tạ (4) đều lui ra đường.

(1) Dị-tướng 異相 : Tướng-mạo khác lạ.

(2) Bằng-hữu chi giao 朋友之交 : Cái giao tình giữa anh-em bạn với nhau.

(3) Võ-miếu 武廟 : Miếu thờ vị thần của nhà Võ.

Có bản chép là miếu võ (hoặc vũ) 廟宇 : Chỗ đền chùa thờ thần phật.

(4) Từ-tạ 辭謝 : Cáo-từ mà cảm-tạ.

Tóm-thuật đoạn V.— *Nguyệt-Nga vương-vấn nổi ân nổi tình.*

Trong khi ấy Vân-Tiên chỉ nghĩ đến việc lo bề công-danh, hiếu-đạo.

Giữa đường về thăm cha mẹ, Vân-Tiên gặp người ra kinh. Người ấy mặt mũi đen sì, thân cao, tướng thật lạ. Vân-Tiên có mắt xem người. Nghĩ câu « hễ là dị tướng ắt là tài cao », trong cơn nước bèo gặp-gỡ, Vân-Tiên bèn thăm hỏi. Ấy là Hôn-Minh, người ở Ô-mi.

Vân-Tiên mới cùng với Hôn-Minh cùng vào miếu thờ thần-võ ở gần đó mà nghỉ chân. Tên họ tỏ bày, cả hai kết làm bạn.

LỤC VÂN TIÊN

VI

VÂN-TIÊN ĐỀ HƠN-MINH ĐI TRƯỚC,
MÌNH VỀ, THĂM NHÀ ĐÃ

Hơn-Minh đi trước tựu trường (1),

Vân-Tiên còn hãy hồi-hương (2) về nhà.

311.— Mừng rằng : « Nay thấy con ta,

« Cha già hăng tởng, mẹ già luống trông.

« Bấy lâu đèn sách gia công (3),

« Con đà nên chữ tang-bồng (4) cùng chẳng ?».

Vân-Tiên quì lạy thưa rằng :

« Chẳng hơn người cỏ cũng bằng người kim (5)

« Dám xin cha mẹ an tâm (6),

(1) Tựu trường 就場 : Đến nhà trường. Ở đây là nơi thi.

(2) Hồi-hương 回鄉 : Về làng.

(3) Gia công 加功 : Thêm công-phụ vào mà làm. Đèn sách gia công. Lúc nào cũng đem hết sức đề vào sự học, làm bạn với sách với đèn.

(4) Tang-bồng 桑蓬 : Do thành-ngữ Tang-bồng hồ thí 桑蓬弧矢 là cung bằng gỗ dâu, tên bằng cỏ bông. — Ngày xưa tục Trung-hoa hễ để con trai thi dùng cung tên bằng gỗ dâu và cỏ bông bắn sáu phát lên trời xuống đất và ra bốn phương, tỏ ý người con trai sẽ có công-việc ở trời đất bốn phương. Vì thế người ta dùng thành-ngữ "Tang-bồng hồ thí" để nói về sự vẫy-vùng của người trai có chí-khí.

(5) Kim 今 : Bây giờ. Nay. Đối với cổ 古 là xưa. Ở câu này, chữ kim cũng có đọc là cầm đề ăn vần với hai câu dưới.

(6) An tâm 安心 : yên lòng.

LỤC VÂN TIÊN

« Cho con trả nợ thanh-khâm (1) cho rồi ».

Mẹ cha thấy nói thêm vui,

Lại lo non nước xa-xuôi ngàn trùng.

321.— Cho theo một đứa tiểu-dồng (2),

Thư phong (3) một bức dặn cùng Vân-Tiên :

« Xưa đã định chữ lương-duyên (4),

« Cùng quan hưu-tri (5) ở miền Hàn-giang.

« Con người là Võ Thễ-Loan,

« Tuổi vừa hai bảy (6) dung-nhan mặ-nà.

« Chữ rằng : Hồ-Việt nhất gia (7),

« Con đi tới đó trao qua thư này.

« Con đầu bước đặng thang mây (8),

(1) Thanh-khâm 青襟 : Áo màu xanh. Ngày xưa học-trò trường công ở Trung-quốc mặc áo màu xanh, nên gọi học-trò là thanh-khâm. Trả nợ thanh-khâm : Trả nợ học-trò. Nghĩa là có công ăn-học thì phải lo đem việc học được giúp đời.

(2) Tiểu-dồng 小童 : Đứa trẻ-con hầu-hạ.

(3) Phong 封 : Đóng kín lại.

(4) Lương-duyên 良緣 : Nhân-duyên tốt lành.

(5) Hưu-tri 休致 ; Về già, nghỉ việc quan.

(6) Hai bảy : 14 tuổi.

(7) Hồ Việt nhất gia 胡越一家 : Người Hồ người Việt ở một nhà. Thành-ngữ chỉ về : lạ thành quen, xa thành gần.

(8) Thang mây : Do chữ Hán là Vân-thê 雲梯 : nghĩa là cái thang để bước lên mây. Tức đường công-danh. Lên mây tức là lúc được thoả chí-ý.

LỤC VÂN TIÊN

« Dưới chân đã sẵn một dây tơ-hồng (1).

Tóm thuật đoạn VI.— *Hôn-Minh đi trước đến trường thi, Vân-Tiên hãy còn phải trở về làng thăm-viếng cha mẹ.*

Ông bà họ Lục mừng-rỡ con về, hỏi-han việc học. Vân-Tiên thưa trình công-phu đèn sách, và xin cha mẹ yên lòng cho đi trả nợ học-trò.

Ông bà họ Lục nghe nói thêm vui. Nhưng sợ non nước xa-xuôi, mới cho một đũa trẻ theo hầu, lại viết một bức thư niêm lại mà trao cho Vân-Tiên, dặn rằng : Ngày xưa đã có định cuộc nhân-duyên tốt lành cho Vân-Tiên với con gái một viên quan già về nghề việc ở Hàn-giang tên là Võ Thê-Loan, đến nay đã mười bốn tuổi, dung-nhân mấn-mà. Vậy thì kẻ Hồ người Việt đã nên gần, hãy đi tới đó trao thư ; sau dầu sẽ được thỏa chí lên mây thì dưới chân cũng đã sẵn dây tơ-đỏ làm vui lòng đẹp ý vậy.

VII

VÂN-TIÊN RA ĐI THI — GHÉ VÕ-CÔNG GẶP BẠN

331.— Song-thân (2) dạy-bảo vừa xong,
Vân-Tiên cùng gã tiểu-đồng dòi chân.

(1) Tơ hồng : Do chữ xích-thằng 赤繩 : Người Vi-Cổ đời Đường năm mộng gặp một người già dưới bóng trăng nói rằng : trong túi có sợi dây đỏ để buộc chân những cặp vợ chồng với nhau.

(2) Song-thân 雙親 : Hai đấng thân, tức cha và mẹ.

LỤC VÂN TIÊN

Ra đi tách dậm băng chừng,
Gió nam rày đã đưa xuân qua hè.
Lại xem dậm liễu đường hoè,
Tin ong ngơ-ngáo, tiếng ve vang-dầy.
Vui xem nước nọ non này,
Nước xao sóng dợn, non vầy đá cao.
Màn trời gấm trải biết bao,
Trên nhành chim nói, dưới ao cá cười.

341.— Quận-thành nhắm kiềng (1) coi người,
Kiềng xinh như vẽ, người tươi như dôi.
Hàn-giang phút đã tới nơi,
Vân-Tiên ra mắt một hồi trình thư.
Võ-công lấy đọc bấy giờ,
Mừng duyên cầm-sắt (2) mối tơ đặng liền.
Liếc coi tướng-mạo (3) Vân-Tiên,
Khá khen họ Lục phước hiền sinh con.
Mày tằm mắt phụng môi son,
Mười phân (4) cốt cách (5) vuông tròn mười
phân.

(1) Kiềng : Do chữ cảnh 景. Cũng như : Vi thành biển ra vi thiềng, vi cánh biển ra vi kiềng.

(2) Cầm-sắt 琴瑟 : Đàn cầm và đàn sắt. Duyên cầm-sắt là duyên vợ chồng hòa-hiệp, như đàn sắt đàn cầm hòa nhau.

(3) Tướng-mạo 相貌 : Vẻ mặt, dáng-dấp.

(4) Phân : phần.

(5) Cốt cách 骨格 : Kiểu-dáng con người.

LỤC VÂN TIÊN

351.— Những e kẻ Tấn người Tần (1),
Nào hay chữ ngẫu (2) đặng gần chữ giai (3).
Xem đà đẹp-đẽ hòa hai,
Này dâu Nam-giản (4) nọ trai Đông-sàng (5).
Công rằng : « Ngãi-tế (6) mới sang,
« Muốn lo việc nước hãy toan việc nhà ».
Tiên rằng : « Nhờ lượng nhạc-gia (7),
« Đại-khoa (8) dầu đặng, tiểu-khoa (9) lo gì ».

(1) Tấn Tần 晉秦 : Hai nước đời Xuân-thu ở Trung-quốc, nhà vua hai nước ấy kết hôn cùng nhau đời đời.

(2) Ngẫu 偶 : Đôi lứa.

(3) Giai 佳 : Tốt đẹp. Chữ ngẫu đặng gần chữ giai : Ý nói đôi lứa tốt đẹp.

(4) Nam-giản 南澗 : Người đi làm dâu.

(5) Đông-sàng 東床 : Giường phía đông. Lấy điển : Đời Tấn họ Tạ sai người sang nhà họ Vương để kén rể cho con gái mình là Tạ đạo Uẩn. Con em nhà họ Vương có nhiều người đẹp-đẽ hay giỏi, nghe được tin họ Tạ sai người đến, các anh rủ nhau làm ra bộ nghiêm-chỉnh, duy họ Vương-Hựu Quân cứ nằm ưỡn bụng trên giường phía đông mà ăn bánh, làm như cách không nghe đến. Tạ-công khen rằng : Thằng ấy là thằng rể tốt lắm. Do đó người ta gọi chàng rể là đông-sàng.

(6) Ngãi (nghĩa) tế 義壻 : Con rể có nghĩa.

(7) Nhạc-gia 樂家 : Nhà ông nhạc. Tức nhà cha mẹ vợ.

(8) Đại khoa 大科 : Đại đặng khoa 大登科. Những người đậu khoa thi Hội, thi Đình.

(9) Tiểu-khoa 小科 : Tiểu đặng khoa 小登科. Người mình hay nói : thi đậu là đại đặng khoa, cưới vợ là tiểu đặng khoa. Ý rằng cưới vợ cũng là một việc mừng như thi đỗ.

LỤC VÂN TIÊN

Công rằng : « Con dốc xuống thi,
« Sao không kết bạn mà đi tựu trường ?

361.— « Gần đây có một họ Vương,
« Tên là Tử-Trực văn-chương tốt đời.
« Cha đã sai trẻ qua mời,
« Đặng con cùng gã thử chơi một bài.
« Thấp cao, cao thấp, biết tài,
« Vậy sau bạn trước (1) cùng mai (2) mới
mẫu ».

Xảy đầu Tử-Trực tới hầu,
Võ-công sẵn đặt một bầu rượu ngon.

Công rằng : « Này bớ hai con !
« Thơ hay làm đặng rượu ngon thưởng liền.

371.— « Muốn cho Trực sánh cùng Tiên,
« Lấy câu « bình thủy hữu duyên » (3) làm đề ».
Song song hai gã giao kè,
Lục, Vương, hai họ đua nghề một khi.
Cho hay kỳ lại gặp kỳ (4),

(1) Trước (trúc) 竹 : Tre. Người ta sánh trúc như quân-tử vì thân cao-thẳng.

(2) Mai 梅 : Cây mai. Ví với người đẹp-đẽ trinh-chính. Vì mai là thứ cây nở bông trước nhất trong tiết đông lạnh, có vẻ cao-nhã khẳng-khái.

(3) Bình thủy hữu duyên 萍水有緣 : bè nước có duyên.

(4) Kỳ 奇 : lạ thường.

LỤC VÂN TIÊN

Bạch-Hàm há để kềm chi Như-Hoành (1).

Công rằng : « Đơn quế (2) đòi hành,
« Bảng vàng thẻ bạc đã dành làm nêu.

« Như chuông chằng đánh chằng kêu,
« Ngọn đèn tỏ rõ trước khêu bởi mình.

381.— « Thiệt trang lương-đống (3) đã dành,
« Khá khen hai họ tài lành hòa hai ».

Trực rằng : « Tiên vốn cao tài,
« Có đầu én hộc (4) sánh vai một bầy.

« Tinh-cờ mà gặp nhau đây,
« Trực rằng xin nhượng Tiên rày làm anh.

« Nay đã nên nghĩa đệ-huynh (5),
« Xin về mai sẽ thượng-trình (6) cùng nhau».

Phút xem trăng đã đứng đầu (7),

(1) Bạch-Hàm, Như-Hoành : Hai nhân-vật trong tiểu-thuyết "Bình-Sơn Lánh-Yến" tài-hoa nổi tiếng.

(2) Đơn quế 丹桂 : Tương-truyền trên cung trăng có cây quế. Ý nói : Cao-cả, giỏi-dẫn.

(3) Lương-đống 梁棟 : Rường cột. Người có tài-năng giúp việc cho nước nhà.

(4) Hộc 鶺鴒 : Thú chim giống như con nhạn, cũng gọi là thiên-nga.

(5) Đệ-huynh 弟兄 : Anh em.

(6) Thượng-trình 上程 : lên đường.

(7) Trăng đã đứng đầu : 12 giờ khuya.

LỤC VĂN TIÊN

Vân-Tiên vào chốn thư-lầu (1) nghỉ an.

391.— Võ-công trở lại hậu-dàng (2),

Đêm khuya day-dỗ Thê-Loan mọi lời :

« Ngày mai vừa rạng chân trời,

« Tiều-nhi (3) trang-diễm (4) ra nơi lê-đình (5).

Gọi là chút nghĩa tổng tình (6),

« Phòng sau cho khỏi bất bình (7) cùng nhau ».

Bóng trắng vừa lộ nhành dâu,

Vân-Tiên vào tạ giây lâu xuất-hành (8),

Ra đi vừa thuở bình-minh (9),

Thê-Loan đứng trước lê-đình liễm-dung (10).

401.— Thừa rằng : « Quân-tử phó công (11),

« Xin thương bồ-liễu (12) chữ tòng (13) ngày-
thơ.

(1) Thư-lầu 書樓 : Lầu chứa sách-vở.

(2) Hậu-dàng (đường) 後堂 : Nhà sau.

(3) Tiều-nhi 小兒 : Con trẻ.

(4) Trang-diễm 粧點 : Trau-dồi, tô-vẽ.

(5) Lê-đình 梨庭 : Sân lê.

(6) Tổng tình 送情 : Đưa tình.

(7) Bất bình 不平 : Không bằng lòng.

(8) Xuất-hành 出行 : Ra đi.

(9) Bình-minh 平明 : Lúc trời mới sáng.

(10) Liễm-dung 欽容 : Nghiêm-chỉnh hình-dung để bày tỏ lòng kính.

(11) Phó công 赴公 : Đi đến nơi công cộng.

(12) Bồ-liễu 蒲柳 : Cây thủy-dương. Thê-chất yếu-ớt.

(13) Tòng (tùng) 從 : Vâng. Theo.

LỤC VĂN TIÊN

« Tấm lòng thương gió nhớ mưa,
« Đường xa ngàn dặm xin đưa một lời.
« Ngày nay thánh chúa (1) trị đời,
« Nguyễn cho linh-phụng (2) gặp nơi ngô-
đồng (3).
Quản bao chút phận má hồng,
« Phòng khuya võ-võ, đợi-trông khôn lường.
« Chàng đầu cung quế (4) xuyên dương (5),
« Thiếp xin hai chữ tào-khương (6) cho bằng.

(1) Thánh-chúa (chủ) 聖主 : Chúa-thánh.

(2) Linh-phụng 靈鳳 : Chim phụng linh.

(3) Ngô-dồng 梧桐 : Cây ngô-dồng. Hình-dáng đẹp-
đẽ cao-lớn.

(4) Cung quế : Do chữ Quế-cung 桂宮 tức cung trăng.
Vị tục truyền trên cung trăng có cây quế. Ý nói : Được nơi
đẹp-đẽ.

(5) Xuyên dương 穿楊 : Suốt qua cây dương. Lấy
điền : Dương-do-Cơ người nước Sở đứng xa cây dương-
liễu một trăm bước để bắn lá cây mà bắn phát nào trúng phát
nấy. Ý nói : mưu việc đều được cả. Do đó có thành-ngữ :
bách-bộ xuyên dương : trăm bước bắn suốt dương-liễu.

Câu : "Chàng đầu cung quế xuyên dương" có nghĩa
là : Dâu chàng có lấy được ai khác đẹp...

(6) Tào-khương 糟糠 : Tấm cám. Ý nói : Vợ chồng
lấy từ khi nghèo-hèn, dầu đến khi giàu-sang không nở bỏ
nhau. Lấy điền : Người đời Hán là Tống-Hoảng, nhân
thấy vua có ý muốn Tống bỏ vợ để gả em gái cho, Tống nói :
Tào khương chi thể bất khả hạ đường 糟糠之妻不可下堂 ;
Nghĩa : Vợ chồng hồi tấm măn có nhau, chẳng khá bỏ nhau.

LỤC VÂN TIÊN

411.— « Xin đừng tham đồ bỏ dăng,
« Chơi lê quên lựu, chơi trắng quên đèn »,
« Tiên rằng : « Như lửa mới nhen,
« Dễ trong một bếp mà chen mấy lò.
« May duyên rủi nợ dễ phò,
« Chờ nghi Ngô-Khởi (1) hãy lo Mãi-Thần (2). »
Thê-Loan vội-vã lui chân,
Vân-Tiên từ-biệt (3) trông chừng Trường-an.

(1) Ngô-Khởi 吳起 : Viên tướng giỏi đến nay vẫn còn đề tiếng : Sát thê cầu tướng. Nghĩa : giết vợ để cầu làm tướng.

(2) Mãi-Thần : Chu Mãi Thần thuở nghèo-khó, vợ thường hăm đe-bỏ, Mãi-Thần xin vợ đừng buồn, thế nào về sau cũng hiền-đạt. Vợ không nghe, bỏ đi lấy chồng khác.

Về sau, Mãi-Thần nên quan cao lộc cả, vợ xin về ở lại. Mãi-Thần đang cầm chén nước bèn đổ xuống đất mà bảo : Hối lại cho đầy thì xin vâng.

Vợ xấu-hồ thất họng chết.

(3) Từ-biệt 辭別 : Cáo-từ đề đi.

Tóm-thuật đoạn VII. — Vâng lời cha, Vân-Tiên cùng tiểu-dồng ra đi, tìm lời Hàn-giang, trình thư Võ-công xem thư, nhìn xem diện-mạo Vân-Tiên, lấy làm vừa ý, thăm khen họ Lục phước hiền sinh con.

Võ-công nói cùng Vân-Tiên : « Muốn lo việc nước, hãy loan việc nhà ». Nhưng Vân-Tiên coi cuộc

LỤC VÂN TIÊN

vợ chồng là nhỏ, cảm ơn cha vợ, mà xin đem công-danh làm sinh-lễ.

Võ-công thêm bằng lòng, cho rước một người trai ở gần đó, họ Vương tên Tử-Trực, đến làm thơ cùng Vân-Tiên, để thử tài.

Tài Tiên cùng Trực ngang-ngửa. Võ-công cả tiếng khen. Tử-Trực cũng kính Vân-Tiên làm anh. Trực về, Tiên ngồi-nghỉ.

Võ-công vào nhà sau dạy-dỗ con gái là Võ Thê-Loan, cho được phép ngày mai đưa tình cùng Vân-Tiên, cho đôi trẻ về sau tình sẽ đậm.

Rạng ngày, Vân-Tiên xin đi. Thê-Loan nghiêm-chỉnh tỏ-bày lòng yêu-kính.

Vân-Tiên cả quyết để lời cùng vợ đã hứa-hôn : Tình tôi xin giữ vẹn, chẳng học đời Ngô-Khởi giết vợ cầu tướng, chỉ sợ nàng không kham nghèo-khó như vợ Mãi-Thần !

Thê-Loan vội-vả lui chân. Vân-Tiên từ-biệt lên đường để vào trường.

VIII

VÂN-TIÊN TỪ VÕ-CÔNG, THÊ-LOAN, LÊN ĐƯỜNG RA KINH THI, GẶP VƯƠNG TỬ-TRỰC, TRỊNH-HÂM, BÙI-KIỆM

Xa-xa vừa mấy dặm đường,

Gặp Vương Tử-Trực vầy đoàn đều đi.

421.— Trãi qua thủy-tú sơn-kỳ (1),

(1) Thủy-tú sơn-kỳ 水秀山奇 : Sông đẹp núi lạ.

LỤC VĂN TIÊN

Phỉ lòng cá nhảy gặp thì rồng bay (1).

Người hay lại gặp kiềng (2) hay,

Khác nào Tiên-tử (3) chơi rày Bồng-lai (4).

Cùng nhau tả chút tình hoài (5),

Năm ba chén rượu một vài câu thơ.

Công-danh ai chẳng ước-mơ.

Ba tầng cửa võ một giờ nhảy qua.

Cùng nhau bàn-lạc gần xa.

Chữ tài chữ mệnh xưa hòa ghét nhau.

431.— Trục rằng : « Rồng xuống vực sâu,
« Mặc dầu giỡn sóng mặc dầu chơi mây ».

Tiên rằng : « Hồng-học đều bay,

« E khi mỗi cánh lạc bầy về sau ».

Mảng còn trò-chuyện với nhau,

Trông chừng kinh-địa (6) đã hầu tới nơi.

(1) Cá nhảy rồng bay : Cá nhảy qua cửa Võ thì hóa rồng (Xem chú-thích "cửa Võ" ở dưới). Rồng bay thì mưa thuận gió hoà. Cá nhảy rồng bay là thành-ngữ chỉ về sự mong-ước được thỏa.

(2) Kiềng : Đồ chữ cảnh chuyên ra. Cũng như thành : thiềng, cánh : kiếng.

(3) Tiên-tử 仙子 : Người tiên. Người thanh-cao đạo-đức.

(4) Bồng-lai 蓬萊 : Chỗ tiên ở. Theo thần-thoại, Bồng-lai, Phương-trượng, Doanh-Châu là tên ba hòn núi của tiên ở trong bể Bột.

(5) Tình hoài 情懷 : Mối tình ở trong lòng.

(6) Kinh-địa 京地 : Đất kinh-đô. Thủ-phủ một nước.

LỤC VÂN TIÊN

Chênh-chênh vừa xé mặt trời,
Hai người tìm quán nghỉ-ngời đợi kỳ.
Phút đầu gặp bạn đi thi (1),
Đều bày tên họ một khi mời tương.

441.— Một người ở quận Phan-dương (2),
Tên Hâm họ Trịnh tầm-thường nghề văn.

Một người ở quận Dương-xuân,
Họ Bùi tên Kiệt tác chừng đôi mươi.
Hai người lại gặp hai người,
Đều vào một quán vui cười ngả-nghiêng.

Kiệt rằng : « Nghe tiếng anh Tiên,
« Nay đã thấy mặt phỉ-nguyên ước-ao ».

Hâm rằng : « Chưa biết thấp cao,
« Làm thơ mới biết bậc nào tài-năng ».

451.— Bèn kêu ông quán nói rằng :

« Khả toan sắm-sửa đồ ăn cho bề (3).

Quán rằng : « Thịt cá ê-hề,
« Khô lân chả phụng bộn-bề thiếu đầu.

« Kia là thuốc lá ướp ngâu,
« Trà ve tuyết điểm (4) rượu bầu cúc hương (5).

(1) Nguyên bản của cụ Trương Vĩnh Ký...*gặp bạn cố-tri.*

(2) Phan-dương : Hoặç đọc là Bà-dương.

(3) Bề : Do chữ bế-hệ chuyển ra. Nghĩa là đóng cửa
năm nhà cũng chẳng thiếu-thốn gì.

(4) Tuyết điểm 雪點 : Lấm-tấm màu tuyết. Ý nói trà
thơm trong-sạch.

(5) Cúc hương 菊香 : Hương của hoa cúc.

LỤC VÂN TIÊN

« Đễ khi đãi khách giàu sang,
« Đãi người văn-vật (1) đãi trang anh-hùng ».
Bĩ-bàng (2) trà rượu đã xong,
Bốn người ngồi lại một vòng làm thơ.
461.— Kiệm, Hâm còn hăy ngẩn-ngờ,
Phút (3) thơ Tiên Trục một giờ vừa xong.
Kiệm, Hâm xem thấy lạ-lùng,
Gẫm nghi Tiên, Trục viết tùng (4) cổ-thi (5).
Chẳng hay ông quán cười chi (6),
Vỗ tay xuống chiếu một khi cười dài.
Tiên rằng : « Ông quán cười ai ? »,
Quán rằng : « Cười kẻ bất tài (7) đồ thơ (8).

(1) Văn-vật 文物 : Những sản-vật của văn-hóa, như lễ-nhạc, chế-độ.

Người văn-vật : Người có văn-vẻ, học-thức.

(2) Bĩ (bàng) : Do chữ Bĩ 備 là đầy-dủ chuyển ra Việt-hóa. Bàng là tiếng đệm, tự nó không có nghĩa gì.

Bĩ-bàng : Đầy-dủ.

(3) Phút : Mau lẹ. Chợt.

(4) Tùng 從 : Theo.

(5) Cổ thi 古詩 : Thơ xưa.

(6) Câu này : chép theo bản Trương Vĩnh Ký trên đây, nghĩ ra rất hay. Ý nói : Chợt thấy ông quán vụt cười dài, mọi người đều lấy làm lạ mà tự hỏi : “Chẳng hay....vỗ tay...., cười dài.” Có nhiều bản chép là : Trục rằng : « Ông quán... » Nghe kém xa nguyên bản Trương Vĩnh Ký vậy.

(7) Bất tài 不才 : Chẳng có tài gì.

(8) Đồ thơ (thi) 塗詩 : Bôi lọ thơ.

« Cười người Tôn-Tần không lừa.

« Trước đã thấy máy chẳng ngừa Bàng-
Quyên (1).

471.— Trục rằng : « Lời nói hữu-duyên (2),

« Thế trong kinh-sử (3) có tuyền (4) cùng
chẳng » ?

Quán rằng : « Kinh-sử đã từng,

« Coi rồi lại khiến lòng hằng (5) xót-xa.

« Hỏi thời ta phải nói ra,

« Vì chung hay ghét cũng là hay thương.»

Tiên rằng : « Trong đục chưa tường,

« Chẳng hay thương ghét, ghét thương lẽ nào? »

Quán rằng : « Ghét việc tầm-phào,

« Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tới tâm.

(1) Tôn-Tần, Bàng-Quyên là hai nhân-vật đời Xuân-thu. Tôn, Bàng kết nghĩa, nhưng về sau Bàng mưu hại Tôn. Trước kia Thầy Tôn là Vương-Thuyền vẫn có nói cho Tôn biết nên ngăn-ngừa họ Bàng, mà Tôn vẫn thản-nhiên, đến nỗi còn bị hại về tay Bàng, vương cái họa chặt cụt mấy ngón chân.

Hai câu này, ý nói : Sự Vân-Tiên kết bạn với kẻ chẳng lành, e như Tôn, Bàng chuyện cũ.

(2) Hữu-duyên 有緣 : Có duyên.

(3) Kinh-sử 經史 : Kinh-diễn và lịch-sử

(4) Tuyền (Toàn) 全 : Trọn- vẹn. Tóm quát cả.

(5) Hằng : Có bản chép là *hưng*. Ở câu này, chữ *hằng* trong bản Trương Vĩnh Ký e kém hơn chữ *hưng* chẳng? Hằng là thường. Hừng là bùng lên, Chữ nào cũng hay, nhưng hừng nghe mạnh hơn.

LỤC VÂN TIÊN

- 481.**— « Ghét đời Kiệt, Trụ (1) mê dâm,
« Đê dân đến đổi sa hầm sầy hang.
« Ghét đời U, Lệ (2) đa-đoan (3),
« Khiến dân luống chịu lầm-than muôn phần.
« Ghét đời Ngũ-bá (4) phân-vân (5),
« Chuộng bề dối-trá (6) làm dân nhọc-nhăn.
« Ghét đời Thúc Quý (7) phân băng (8),
« Sớm dầu tối đánh lẳng-nhẳng rối dân.
« Thương là thương đức Thánh-nhân (9),
« Khi nơi Tống Vệ, lúc Trần, lúc Khuông.
- 491.**— « Thương thầy Nhan-tử (10) dở-dang,
« Ba-mươi-mốt tuổi, tách đảng công-danh (11).

(1) Kiệt Trụ 桀紂 : Vua Kiệt đời Hạ, Trụ đời Thương là hai vị vua sau rốt hai đời ấy, vì bạo-ngược mà mất ngôi. Đời sau người ta thường dùng chuyên danh-từ Kiệt Trụ để chỉ vua hung-bạo.

(2) U Lệ : Hai vua nhà Chu.

(3) Đa-đoan 多端 : Nhiều mối, lời thôi.

(4) Ngũ-bá 五霸 : Năm đời bá trong thời Chiến-quốc.

(5) Phân-vân 紛紜 : Nhiều người mà lộn-xộn bối-rối.

(6) Dối-trá : Lừa-phỉnh, gạt-gẫm.

(7) Thúc Quý : Hai họ ở đời Chiến-quốc thường gây rối, cậy mạnh bề đánh nhau, khổ dân.

(8) Phân băng 分崩 : Chia ra để mà đổ-nát hư-hỏng cả.

(9) Đây là nói Đức Khổng-tử trong lúc chu-du thiên-hạ, trăm phần khờ-sở vì dân vì đạo.

(10) Nhan-tử 顏子 : Tên là Hồi. Học-trò Khổng-tử. Nổi tiếng là hiền, được Khổng-tử khen đời.

(11) Công-danh 功名 : Có công-nghiệp và có danh-dự.

LỤC VÂN TIÊN

- « Thương ông Gia-cát (1) tài lành,
« Gặp cơn Hán mạt (2) đã đành phôi-pha.
« Thương thầy Đồng-tử (3) cao-xa,
« Chí thời có chí ngôi mà không ngôi.
« Thương người Nguyên-Lượng ngài-người,
« Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.
« Thương ông Hàn-Dũ (4) chẳng may,
« Sớm dâng lời biểu tổi đày đi xa.
- 501.**— « Thương thầy Liêm-Lạc đã ra,
« Bị lời xua-đuổi về nhà giáo dân (5).
« Xem qua kinh-sử mấy lần,
« Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương ».
Trực rằng : « Chùa rách phật vàng (6),

(1) Gia-cát 諸葛 : Hoặc đọc là Chư-cát tức Gia-cát Lục hiệu Khổng-Minh đời Tam-quốc hết sức khuông-phù nhà Hán cho thành nghiệp cả mà rốt cuộc vẫn phải chịu thua cơ trời : Cõi nước chia ba.

(2) Hán mạt 漢末 : Rốt đời nhà Hán.

(3) Đồng-tử 董子 : Đồng Trọng-Thư. Một bậc đại nho.

(4) Hàn-Dũ 韓愈 : Học-giả đời Đường, nghiên-cứu lục-kinh (Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân-thu) rất tinh, văn-chương tự thành một phái, rất phản-đối Phật-giáo. Cũng vì vậy mà khi dâng sớ bài Phật, vua không vừa ý, sớm dâng thì chiều có chiếu vua dạy bắt đi đày.

(5) Giáo dân 教民 : Dạy-dỗ dân-chúng.

(6) Chùa rách phật vàng : Thành-ngữ chỉ về sự nhân-tài sinh trong cửa nhà nghèo.

LỤC VĂN TIÊN

« Ai hay trong quán ẩn-tàng (1) kinh-luân (2).

« Thương dân sao chẳng lập thân,

« Đề khi nắng hạ toan phần làm mưa (3) ?».

Quán rằng : « Nghiêu Thuấn thuở xưa,

« Khó ngăn Sào-Phủ (4) khôn ngừa Hứa-Do (5),

511.— « Di, Tề (6) chẳng khứng giúp Châu,

« Một mình một núi, ai hầu chi ai.

(1) Ẩn-tàng 隱藏 : Ẩu-điểm.

(2) Kinh-luân 經綸 : Việc kéo tơ, lấy từng mối tơ mà chia ra gọi là kinh, so những sợi tơ một thứ mà họp lại là luân. Do đó, lấy nghĩa bóng : phạm sửa-sang sắp-đặt về chính-trị đều gọi là kinh-luân.

(3) Ý nói : Có tài, có lòng thương dân sao chẳng ra lập thân, đề khi dân khổ (nắng hạ) thì cứu (làm mưa).

(4-5) Sào-Phủ, Hứa-Do : Hai cao-sĩ đời Nghiêu, Thuấn. Vua Nghiêu nghe tiếng Phủ hiền, xin nhường ngôi cho, nhưng Sào-Phủ không nhận. Đến sau vua Thuấn lại nói chuyện nhường ngôi, bèn bỏ đi, xuống một con sông gần đó để rửa tai, có ý trút bỏ điều danh-lợi vừa nghe. Xảy gặp Hứa-Do. Do hỏi Phủ đi đâu mà lật-đật. Phủ thuật chuyện. Do đang dẫn trâu xuống sông cho uống nước bèn dắt trâu đi mà rằng : “Uống nước con sông này, e bản miệng trâu của tôi đi”.

(6) Di, Tề : Bá-Di 伯夷 Thúc Tề 叔齊 là hai người con vua nước Cô-trúc cuối đời Ân. Cha mất, anh em nhường ngôi lẫn nhau, rồi đều bỏ ngôi cùng đi cả. Đến sau, khi Võ-Vương phạt Trụ, anh em Di Tề bèn đến can-ngăn trước đầu ngựa. Sau Võ-Vương được nước, hai anh em không thềm ăn gạo nhà Châu, bỏ vào núi Thú-dương, ở ẩn ăn rau, đến sau chết đói.

LỤC VĂN TIÊN

- « Ông Y (1) ông Phó (2) ôm tài,
« Kể cày, người cuốc đoái-hoài chi đâu ?
« Thái-công (3) xura một cần câu,
« Sớm mai sông Vị (4) mặc dầu vui chơi.
« Nghiêm-Lăng (5) đã mấy đua bơi,
« Cày máy cần nguyệt tả-toi áo cầu (6).

(1-2) Y, Phó : Y Doãn 伊尹. Một vị khai-quốc công-hầu nhà Thương ở Trung-quốc.

Phó Duyệt 傅說. Một nhà chính-trị có tài ngang với Y Doãn.

(3) Thái-công 太公 : Tên Lữ-Vọng (hay Lã) 呂望. Thường ngày ngồi câu nơi sông Vị 渭. Vua nhà Chu nghe tiếng Lữ là bậc cao-hiền, đem xe đến rước, phong làm đến xưng tụng là Thái-công để tỏ lòng kính-trọng. Vì ngày xưa thường gọi cha là thái-công, Có khi cũng xưng tồ-phụ là thái-công, xưng tăng-tồ là thái-công.

(4) Sông Vị 渭 : Một con sông ở tỉnh Thiểm-tây.

(5) Nghiêm-Lăng 嚴陵 : Cao-sĩ đời Hán. Bạn của Lưu-Tú. Khi Lưu-Tú diệt được Vương-Mãng mà trang hưng nghiệp Hán, lên ngôi xưng là Quang-Vũ, có sai người đi rước Nghiêm nhiều lần. Nghiêm đều từ chối. Sau, Quang-Vũ khẩn-thiết yêu-cầu cho gặp mặt Nghiêm một đêm thôi để thoả lòng cùng nhau trò-chuyện, chớ không dám nài ép phong quan. Nghiêm nhận lời. Và chỉ nhận một ngày rồi đi. Đêm ấy, cùng vua Quang-Vũ ngủ chung giường, Nghiêm gát chân ngang bụng vua. Nhà vua vẫn vui-cười-

(6) Áo cầu 裘 : Áo bằng da.

LỤC VĂN TIÊN

« Trần-Đoàn (1) chẳng chút lo âu,
« Gió trắng một túi công-hầu chiêm-bao.

521.— « Người nay có khác xưa nào ?

« Muốn ra ai cấm, muốn vào ai ngăn »,

Kiếm rằng : « Lão quán nói nhăng,
« Dầu cho trái việc cũng thẳng bán cơm.

« Gói rom theo' phận gói rom,
« Có đầu ở thấp mà chồm lên cao ».

Quán rằng : « Sấm chớp mưa dào,
« Éch nằm đáy giếng thấy bao lăm trời (2).

« Sông trong cá lội thành-thời,
« Xem hai con mắt sáng ngời như châu.

531.— « Uổng thay đàn gảy tai trâu (3),

« Nước xao dầu vọt (4) nghĩ lâu nực cười ».

Tiên rằng : « Ông quán chớ cười,

(1) Trần Đoàn 陳搏 : Hiệu Hi-di. Một vị đại tiên. Gặp thời loạn, ngủ luôn 3 năm ở núi Hạ-sơn. Đến khi dậy, cười mừng cho thiên-hạ có thái-bình.

(2) Éch nằm đáy giếng : Thành-ngữ : không thấy được gì hết.

(3) ~~Đàn~~ gảy tai trâu : Trâu không biết nghe đàn. Thành-ngữ : Nói gì với người ngu cũng là thừa.

(4) Nước xao dầu vọt : Đem bao nhiêu nước mà xao động trước dầu vọt, rốt cũng như không. Thành-ngữ : Làm thế nào kẻ khờ cũng không biết sợ.

LỤC VÂN TIÊN

« Đây đà nhớ đặng bảy người Trước-lâm (1).
« Cùng nhau kết bạn đồng-tâm (2),
« Khi cờ, khi rượu, khi cầm, khi thi.
« Công-danh phú-quí (3) màng chi,
« Cho bằng thông-thả mặc khi vui lòng.
« Rừng nhu (4) biển thánh (5) mênh-mông.
« Để ai lặn-lội cho cùng vầy vay ».

541.— Quán rằng : « Đò biết lòng đây,
« Lời kia đã cạn rượu này thưởng cho ».
Kiệm, Hâm là đũa so-đo,
Thấy Tiên dường ấy âu lo trong lòng.
Khoa này Tiên ắt đầu công,
Hâm đầu có đậu cũng không xong rồi.

(1) Bảy người Trước-lâm (Trúc) : Trúc lâm thất hiền 竹林七賢 : Bảy người học-giả ở đời Tấn là : Kê-Khang, Nguyễn-Tịch, Sơn-Đào, Hương-Tú, Lưu-Linh, Nguyễn-Hàm, Vương-Nhung, cùng nhau đi chơi ở Trước-lâm (Rừng tre), đời mới xưng danh-hiệu ấy.

(2) Đồng-tâm 同心 : Cùng một lòng.

(3) Công-danh phú-quí 功名富貴 : Có công-nghiệp, có danh-dự, được giàu được sang.

(4) Rừng nhu (nho) : Do chữ Nho-lâm 儒林. Ý nói : Đạo nho thịnh-mậu.

(5) Biển thánh : Ý nói : Thánh-học rộng sâu như biển không mấy người thấu đến. Rừng nhu biển thánh : Thành-nữ chỉ về việc học phải khổ công lắm mới được.

LỤC VĂN TIÊN

Mảng còn nghĩ việc tới lui,
Xảy nghe trống đã giục thôi vào trường.
Kẻ thung người trấp đầy đường,
Lao-xao đoàn bầy, chàng-ràng (1) lũ ba.
551.— Văn-Tiên vừa bước chân ra,
Bỗng đâu xảy gặp tin nhà gửi thư.

(1) Chàng-ràng : Do chữ «Chăng thành hàng» thúc vào lại, biến ra «Chàng». Còn ràng : rõ-ràng. Ghép lại thành tiếng đôi. Chàng-ràng : Bày hàng trước mắt.

Tóm-thuật đoạn VIII. — Văn-Tiên lìa nhà cha mẹ vợ, lên đường vào trường. Đi được vài dặm gặp Vương Tử-Trực, đồng bọn vầy-đoàn, cùng nhau bàn-luận, lo nghĩ tương-lai.

Mặt trời xế bóng, Văn-Tiên cùng Tử-Trực ghé quán bên đường, xảy gặp bạn đi thi cũng vào trong quán. Cùng nhau hỏi thăm tên họ, biết được một người ở quận Phan-duong họ Trịnh tên Hâm, một người ở quận Dương-xuân, họ Bùi tên Kiệm.

Ài cũng tỏ ý trọng tài Văn-Tiên. Trịnh-Hâm chẳng phục, gay cuộc làm thơ, hỏi chủ quán dọn tiệc.

Trà rượu bĩ-bàng, bốn người ngồi lại trở tài. Văn-Tiên, Tử-Trực cao tài hừng bút. Trịnh-Hâm Bùi-Kiệm bó p óc không xong. Chủ quán cả cười. Mọi người chú-ý đến ông quán lạ.

Chủ quán nói-năng như nước chảy, nghe ra thông-thái khác thường.

LỤC VÂN TIÊN

Vân-Tiên Tử-Trực xưng-phục bậc kỳ-tài náu mình chốn lều tranh, xớm hỏi tài ấy sao đành bỏ dân mà đi ần. Quán-chủ lại thao-thao bất-tuyệt tình từ siêu-nhiên.

Nhưng Bùi-Kiểm nạt đùa lão quán : gỏi rơm theo phạn, có đâu ở thấp lại chồm lên cao.

Lão quán lại cợt-cười. Vân-Tiên biết ý, sợ bạn then nên nói xa gần xin lão quán nhẹ lời.

Ông Quán trọng-dãi Vân-Tiên. Trịnh-Hâm đã thấy áu lo trong lòng: sợ Vân-Tiên chiếm bằng khoa này, mà mình hết mong rồi.

Trống giục vào trường. Sĩ-lữ bốn phương lũ lượt kéo về tụ-tập.

Vân-Tiên vừa bước chân ra. Tin nhà đưa tới...

IX

VÂN-TIÊN ĐƯỢC TIN MẸ CHẾT QUÀY TRỞ VỀ

Khai phong (1) mới tỏ sự cơ (2),
Mình gieo xuống đất dật-dờ hồn hoa.

Hai hàng lục ngọc nhỏ sa,
Trời Nam đất Bắc (3) xót-xa đoạn-tràng (4).

(1) Khai phong 開封 : Mở bao thư đã đóng kín.

(2) Sự cơ 事機 : Có sự. Rõ việc đã xảy ra.

(3) Trời Nam đất Bắc : Cha mẹ Vân-Tiên ở trong Nam, Vân-Tiên ra Bắc đi thi. Rõ là Nam Bắc chia trời sầu chắt-ngắt.

(4) Đoạn-tràng (trường) 斷腸 : Đứt ruột. Thương-thâm.

LỤC VĂN TIÊN

Anh em ai nấy đều thương,
Trời ơi ! há nữ lấp đường công-danh.

Những lăm công toại danh thành (1),
Nào hay từ-mẫu (2) u-minh (3) sớm đời.

561.— Gắng vào trong quán an nơi,
Tớ thầy than-thở liệu lờn qui-lai (4).

Tiểu-đồng thử vấn than dài :

« Trời ơi ! trời nữ phụ tài người ngay ».

Trực rằng : « Đã đến nỗi này,

« Tiểu-đồng bậu hãy làm khuấy giải nhiên.

« Sớm mai thang-thuốc giữ-gìn,

« Chờ ta vài bữa ra trường sẽ hay.

« Bảy giờ kíp rước thợ may,

« Sắm đồ tang-phục (5) nội ngày cho xong.

571.— « Dây rơm, mù dạc, áo thùng,
« Cứ theo trong sách Văn-công mà làm ».

Tiên rằng : « Mẹ Bắc con Nam,

« Nước non vọi-vọi đã cam lỗi nghi.

« Trong mình không cánh không vi,

« Lấy chi lướt dậm, lấy chi bớt dưng ».

(1) Công toại danh thành 功遂名成 : Công-nghiệp được vừa lòng, danh-dự được nên tốt đẹp.

(2) Từ-mẫu 慈母 : Mẹ hiền.

(3) U-minh 幽冥 : Nơi sâu-kín tối-tăm. Âm-cảnh.

(4) Qui-lai 歸來 : Trở lại. Quay về.

(5) Tang-phục 喪服 : Quần-áo tang.

LỤC VÂN TIÊN

« Vào tràng phút lại gặp tang,
« Ngần-ngơ người ở, ngõ-ngang kẻ đi.
« Việc trong trời đất biết chi,
« Sao đời vật đổi còn gì mà trông.

581.— Hai hàng lụy ngọc rờng rờng,
Trưởng bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu.
Cánh buồm bao quản gió xiêu,
Ngàn trùng biển rộng, chín chiu ruột đau (1).
Thương thay chín chữ cù-lao (2),
Ba năm nhũ bộ (3) biết bao nhiêu tình.
Quán rằng : « Trời đất thịnh-linh,
« Gió mưa đâu phút gãy ngành thiên-hương(4).
Ai ai trông thấy cũng thương,
Lỡ bề báo hiếu (5), lỡ đường lập thân (6).

(1) Chín chiu ruột đau : Thành-ngữ : Sự thâm-thâm đau-dớn vì có việc khổ mắt người thân.

(2) Chín chữ cù-lao : Cửu tự cù-lao 九字劬勞 : Chín chữ nặng-nề là : Sinh 生 (cha sinh), cúc 鞠 (mẹ đẻ) phủ 撫 (vỗ-về), dục 育 (nuôi cho khôn) cổ 顧 (trông-nom), phục 復 (quản-quít), phủ 俯 (nâng nhắc), phúc 腹 (bồng-bế). Ấy là chín công khó-nhọc của cha mẹ đối với con.

(3) Ba năm nhũ bộ : Tam niên nhũ bộ : 三年乳哺 : ba năm bú mớm.

(4) Thiên-hương 天香 : Hương trời. Chỉ về con gái đẹp-đẽ.

Ở đây, nói về bà mẹ hiền của Vân-Tiên.

(5) Báo hiếu 報孝 : Lo đền ơn cho cha mẹ.

(6) Lập thân 立身 : Đề cho cái thân đứng được trên trời đất.

LỤC VÂN TIÊN

- 591.— Dầu cho chước quỷ mưu thần,
Phong-trần ai cũng phong-trần như ai.
Éo-l ai khéo đặt bày,
Chữ tai liền với chữ tai một vân.
Đường đi hơn thảng chẳng gần,
Khi qua khi lại mấy lần xông-pha.
Xảy đầu bạn-tác vừa ra,
Trực cùng Hàm Kiệm xúm mà đưa Tiên.
Hâm rằng : « Anh chớ ưu-phiên (1),
« Khoa này chẳng gặp ta nguyên khoa sau ».
- 601.— Thấy nhau khó nỡ giúp nhau,
Một vừng mây bạc, dầu-dầu khá thương (2).
Vân-Tiên cất gánh lên đường,
Trịnh-Hâm ngó lại đôi hàng nhỏ sa.
Đi vừa một dặm xa xa,
Phút nghe ông quán bốn-ba (3) theo cùng.
Quán rằng : « Thương đấng anh-hùng,
« Đưa ba hườn thuốc để phòng hộ thân (4).
« Chẳng may gặp lúc gian-truân (5).

(1) Ưu-phiên 憂煩 : Lo-rầu nhiều việc.

(2) Ý nói : Chặt-ngắt một trời sầu.

(3) Bốn-ba 奔波 : Chạy đuổi theo nước chảy. Ý nói :
Chạy-vạy lo-lắng công-việc không hở tay.

(4) Hộ thân 護身 : Che-chở cái thân.

(5) Gian-truân 艱難 : Lúc khó-khăn vất-vả.

LỤC VÂN TIÊN

« Đương khi quá đói, thuốc thần cũng no. »

611.— Tiên rằng : « Cúi đội ơn cho,
« Tắm lòng ngại-ngại hãy lo xa gần.»
Quán rằng : « Ta cũng bâng-khuâng,
« Thấy vậy nên mới tị-trần (1) đến đây.
« Non xanh nước bích vui-vây,
« Khi đêm rượu cúc khi ngày trà lan.
« Dẫn thân vào chốn an-nhàn (2),
« Thoát vòng danh-lợi(3) lánh đảng thị-phi (4).»
Nói rồi quày-quã ra đi,
Vân-Tiên xem thấy càng nghi trong lòng.

621.— Trông chừng dặm cũ thẳng xông,
Nghĩ đòi cơn lại nảo-nồng (5) đòi cơn.
Nên hư chút phận chi sồn,
Nhớ câu dưỡng-dục (6), lo ơn sinh-thành (7).
Mạng cầu bất hiếu (8) đã đành,
Nghĩ mình mà then cho mình làm con.

(1) Tị-trần 避塵 : Trốn nơi bụi-bặm. Tức trốn nơi trần tục, cuộc đời.

(2) An-nhàn 安閒 : Yên, nhẹ.

(3) Danh-lợi 名利 : Danh-dự và lợi-lộc. Tên tuổi và tiền của.

(4) Thị-phi 是非 : Phải trái.

(5) Nảo-nồng (nung) : nung-đốt cái óc. Ý nói : buồn-bã đến trí óc quay-cuồng.

(6) Dưỡng dục 養育 : Nuôi-nấng dạy-dỗ.

(7) Sinh-thành 生成 : Sinh và nên người.

(8) Bất hiếu 不孝 : Chẳng có hiếu. Chẳng nuôi được cha mẹ.

LỤC VÂN TIÊN

Trọn đời một tấm lòng son,
Chỉ lăm trả nợ nước-non cho rồi.

Nào hay nước chảy hoa trôi,
Nào hay phận bạc như vôi thế này.

631.— Một mình ngo-ngần đường mây (1),
Khác nào chiếc nhạn lạc bầy kêu sương.

Đến nay lăm (2) việc mới tương,
Hèn chi thầy dạy khoa-trường (3) còn xa.

Tiểu-dồng thấy vậy thừa qua :

« Gẫm đây cho đến quê nhà còn lâu.

« Thế sao chẳng ngớt cơn sầu,

« Minh đi đả mỗi, giòng châu thêm nhuần.

« E khi mang bệnh nửa chừng,

« Trong non khó liệu, giữa rừng khôn toan.

641.— Tiên rằng : « Khô héo lá gan ! »
Ôi thôi ! con mắt đã mang lấy sầu.

Mịt-mù nào thấy chi đâu,

Chân đi đả mỗi mình đau như dần.

Cò thân phải khổ với thân,

Thân ôi ! thân biết mấy lần chẳng may !

(1) Ý nói : Công-danh lỡ-dở. Trường thi đã chấm xong rồi, ai ai đã về nhà nấy, chỉ còn riêng mình lạc-lỡng kêu-gào trời đất.

(2) Lăm 臨 : Tới

(3) Khoa-trường 科場 : Trường thi.

LỤC VÂN TIÊN

Đồng rằng : « Trời đất có hay,
« Ra đi vừaặng mười ngày lại đau.
« Một mình nhắm trước xem sau,
« Xanh-xanh bờ cõi, dầu-dầu cỏ cây.

651.— « Vốn không làng xóm chi đây,
« Xin lần tới đó tìm thầy thuốc-thang ». thang.
Vừa may gặp khách qua đàng,
Người người đều chỉ vào làng Đồng-văn.
Dắt nhau khi ấy hỏi phăng,
Gặp thầy làm thuốc, hiệu là thầy Ngang.
Ngang rằng : « Khá tạm nghỉ an,
« Rạng ngày coi mạch đầu (1) thang mới dành.
« Gặp ta bệnh ấy ắt lành,
« Bạc tiền trong gói sẵn-dành bao nhiêu ?»

661.— Đồng rằng : « Tiến bạc chẳng nhiều,
« Xin thầy nghĩ lượng đặng điều (2) thuốc-
« May mà bệnh ấy đặng an,
« Bạc còn hai lượng trao sang cho thầy ».
Ngang rằng : « Ta ở chốn này,
« Ba đời nối nghiệp làm thầy vừa ba.

(1) Đầu 投 : Ném vào. Đầu thang : Do bệnh nào thì gieo vào thang thuốc ấy.

(2) Điều 調 : Hoà nhau.

LỤC VÂN TIÊN

- « Sách chi cũng đủ trong nhà,
« Nội-kinh (1) đã sẵn, ngoại-khoa (2) thêm
mẫu.
« Trước xem Y-học (3) làm đầu,
« Sau coi Thọ-Thế (4) thứ câu Đông-Y (5).
671.— « Gẫm trong Ngân-hải (6) Tinh-vi (9),
« Cùng là Cang - mục (7) thua gì Thanh-
nang (8),
« Gẫm trong Tập-nghiệm lương phang (9),
« Cùng là Ngự-Toản (10) trái đảng Hồi-xuân (11)
« Vị chi sẵn đặt quân-thần (12),
« Thuốc thời bào-chế (13) mười phần nở-nang.
« Mạch thời đọc mạch Lư-san (14),
« Đặt vào tay bệnh biết đảng tử sinh (15).
« Lục-quân, Tứ-vật thang danh (16),

(1) Nội-kinh 內經 : Tên sách thuốc chỉ về kinh, mạch

(2) Ngoại-khoa 外科 : Các khoa thuốc trị ở ngoài da.

(3-4-5-6-7-8-9-10-11) : Tên các sách thuốc.

(12) Quân-thần 君臣 : Vua tôi. Trong phép làm thuốc, các vị thuốc cũng có chia ra thứ vị của từng món.

(13) Bào-chế 炮製 : Sao và chế các vị thuốc.

(14) Lư-san 廬山 : Núi thuộc tỉnh Giang-tây nước Trung-hoa.

Mạch Lư-san : Tên một quyển sách dạy xem mạch đề là «Lư-san mạch phú».

(15) Tử sinh 死生 : Chết sống.

(16) Lục-quân, Tứ-vật 六君, 四物 : Tên hai thang thuốc

LỤC VẤN TIÊN

« Thập-toàn, Bát-vị (1), sãu dành nội thương(2)
681.— « Lại thông bát-trận tân phương (3),
« Lâm nhãm ngoại cảm (4) đầu thang Ngũ-sài (5).

Đồng rằng : « Thầy thiết có tài,
« Xin vào coi mạch luận bài thuốc chi ».
Ngang rằng : « Lục bộ (6) đều suy,
« Bộ quan bên tả mạch đi phù-hồng (7).
« Cú trong kinh lạc (8) mà thông (9),

(1) Thập-toàn, Bát-vị 十全八味 : Tên thang.

(2) Nội thương 內傷 : Bị thương ở trong thân. Bệnh về tính tình, tình-dục.

(3) Bát trận tân phương 八陣新方 : Phương-lược mới về bát-trận đồ. Bát-trận đồ : Do Khổng-Minh đời Tam-quốc lập ra, phép binh hay giỏi. Ở đây, thuộc về danh-từ y-học. Trong phép trị bệnh của khoa y-học phương đông, xem việc trị binh cũng như trị bệnh, nên mới đặt ra những danh-từ ấy.

(4) Ngoại-cảm 外感 : Bệnh do ở ngoài thân. Những bệnh vì phong-hàn thử thấp sinh ra.

(5) Ngũ-sài : Tên thang. Đầu thang Ngũ-sài : hốt thang Ngũ-sài.

(6) Lục bộ 六部 Sáu bộ phận trong người.

(7) Phù-hồng 浮洪 : Mạch nổi lớn.

(8) Kinh lạc 經絡 : Phép xem mạch của y-học Trung-hoa, chia các mạch trong thân-thê làm 12 kinh, các kinh ấy liên-lạc với nhau gọi là kinh lạc.

(9) Thông 通 : Suốt qua.

LỤC VĂN TIÊN

« Mạng môn tướng hỏa (1) đã xông lên đầu.

« Tam tiêu (2) tích nhiệt (3) đã lâu,

« Muốn cho giáng hỏa (4) phải đầu Tư-âm (5).

691.— « Huỳnh-liên, Huỳnh-bá, Huỳnh-cầm (6),

« Gia (7) vào cho bội (8) nhiệt tâm mới bình.

« Ngoài thời cho diễm vạn-linh,

« Trong thời cho ưỡng hoàn-tĩnh mới xong.

« Khả trao hai lượng bạc ròng,

« Bỏ thêm vị thuốc đề phòng dầu thang.

« Chẳng qua làm phúc cho chàng,

« Nào ai đòi cuộc đời đàn chi ai ».

Tiểu-đồng những ngỡ thiệt tài,

Vội-vàng mở gói chẳng nài liền trao.

701.— Mười ngày chẳng bớt chút nào,

Thêm đau trong dạ như bào như xoi.

(1) Mạng môn tướng hỏa 命門相火 : Khoảng giữa hai trái thận bị nóng quá.

(2) Tam tiêu 三焦 : Ba bộ phận trong thân người. Miệng trên dạ-dày là thượng tiêu 上焦, khoảng giữa dạ-dày là trung tiêu 中焦, miệng trên bàng-quang là hạ tiêu 下焦.

(3) Tích nhiệt 積熱 : Đồn chứa sức nóng.

(4) Giáng hỏa 降火 : Đem sức nóng xuống dần dần.

(5) Tư-âm : Danh-từ y-học.

(6) Tên các vị thuốc.

(7) Gia 加 : Thêm.

(8) Bội 倍 : Gấp lên nhiều lần.

LỤC VÂN TIÊN

Đồng rằng : « Vào đó thầy coi,
« Bệnh thời không giảm, thầy đòi tiền thêm ».

Ngang rằng : « Năm thấy khi đêm,
« Tiên-sư mách bảo một điềm chiêm-bao.

« Quỷ-thần người ở trên cao,
« E khi đường-sá lẽ nào biết đâu.

« Tiều-dồng người khá qua cầu (1),
« Cùng ông thầy bói ở đầu Tây-viên (2) ».

711.— Tiều-dồng nghe nói đi liền,
Gặp ông thầy bói đặt tiền mà coi.

Bói rằng : « Ta bói hẩn-hoi,
« Bói hay đã dầy, người coi đã đầy.

« Ta dầy nào phải các thầy,
« Bá-vơ, bá-vất nói nhây không nhằm.

« Ôn-nhuần (3) Châu-diệc (4) mấy năm,
« Sáu-mươi-bốn quẻ ba trăm dư hào.

« Huỳnh-kim (5) Dĩ-hạc (6) sách cao,
« Lục-nhâm, Lục-giáp (7) chỗ nào chẳng hay.

(1) Cầu 求 : Hết sức cậy người ta.

(2) Tây-viên 西園 : Vườn hoa phía tây.

(3) Ôn-nhuần 溫潤 : Xem đi xem lại đã nhuần-nhã.

(4) Châu-diệc 周易 : Sách nói về lẽ Dịch ở đời Châu.

Có đến ba bộ sách Dịch : sách Dịch đời Hạ gọi là Liên-sơn, sách Dịch đời Thương, Ân gọi là Qui-tàng.

(5-6) Tên hai quyển sách bói.

(7) Nói về phép bói-toán.

LỤC VÂN TIÊN

- 721.— « Can, chi (1), đều ở trong tay,
« Đã thông trời đất lại hay việc người.
« Đặt tiền quan một bốn mươi,
« Khay trầu chén rượu cho tươi mới thành.
« Thầy bèn gieo dặng quẻ linh,
« Chiếm tên tuổi ấy lộ-trình (2) mắc chi ?
« Ứng vào rùa, với cỏ thi (3),
« Rồi thầy coi quẻ một khi mới tường.»
Đồng rằng : « Người ở Đông-phương (4),
« Nhân đi buôn-bán giữa đường chẳng an.
- 721.— « Con nhà họ Lục là chàng,
« Tuổi vừa hai tám, còn đang thơ-ngây.»
Bói rằng : « Đinh-mão năm nay,
« Hèn chi giáp-tí ngày rày chẳng an.
« Mạng kim lại ở cung càn (5),
« Tuổi này là tuổi giàu-sang trong đời.

(1) Can, nhi 干支 : Mười dấu gọi là thiên can hoặc thập can hiệp với 12 dấu gọi là địa-chi hoặc thập-nhị chi, kết thành chuỗi ngày giờ năm tháng. Mười can là : Giáp, ất, bính, đinh, mậu, kị, canh, tân, nhâm, quý. Mười hai chi : tí, sửu, dần, meo, thìn, tị, ngọ, vị, thân, dậu, tuất, hợi. Rồi đem 1 chữ can ráp với 1 chữ chi. Như : giáp tí, ất sửu v. v...

(2) Lộ-trình 路程 : Bước đường. Trên đường trải qua.

(3) Cỏ-thi và mai rùa là vật dùng để bói.

(4) Ở phương đông.

(5) Càn 乾 : Nhà thuật số án theo bát quái chia 8 cung là : Càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài.

LỤC VÂN TIÊN

« Cầu tài quẻ ấy xa vời,

« Khen người khéo nói những lời trêu ta.»

Cầm tiền gieo xuống xem qua,

Một Giao, hai Sách, lại ba Hào trùng (1).

741.— Trang (2) thành là quẻ lục xung,

Thấy hào phụ-mẫu (3) khắc cùng tử-tôn (4).

Hóa ra làm quẻ du-hồn,

Lại thêm thể động khắc dồn hào-quang.

Cứ trong quẻ ấy mà bàn :

« Tuổi này mới chịu mẫu tang (5) trong mình.

« Xui nên phát bệnh thịnh-linh,

« Vì chùng ma quỷ lộ-trình rất thiêng.

« Muốn cho bệnh ấy dặng yên,

« Phải tìm thầy pháp chữa-chuyên ít ngày ».

751.— Đồng rằng : « Thầy pháp đâu đây ? »,

Bói rằng : « Cũng ở chốn này bước ra.

« Pháp hay tiếng dậy đồn xa,

« Tên là Đạo-sĩ ở Trà-hương thôn (6) ».

Tiểu-đồng mới chạy bôn-bôn,

Hỏi thăm đạo-sĩ hương-thôn chốn nào.

(1) Nói về cách bói.

(2) Trang : Mượn nghĩa tiếng trang trong chữ Hân là tô-diêm trau-giồi, dùng vào tiếng ta là : Trái xem kỹ-cang.

(3) Phụ-mẫu 父母 : Cha mẹ.

(4) Tử-tôn 子孫 : Con cháu.

(5) Mẫu tang 母喪 : Tang mẹ.

(6) Thôn 村 : làng.

LỤC VĂN TIÊN.

Chợ đông buôn-bán lao-xao,
Người ta liền chỉ nơi vào chẳng xa.

Đồng đi một buổi tới nhà,

Đạo-sĩ xem thấy lòng mà mừng thay !

761.— Đồng rằng : « Nghe tiếng thầy đây,
« Trừ ma, ếm quỷ, phép thầy rất hay.»

Pháp rằng : « Ân (1) đã cao tay,

« Lại thêm phù-chú (2) xưa nay ai bì.

« Qua sông cá thấy xếp vì,

« Vào rừng cọp thấy phải quỳ lạy đưa.

« Pháp hay hú gió kêu mưa,

« Sai chim, khiến vượn, đuổi lừa, vật trâu.

« Pháp hay miệng niệm một câu,

« Tóm thâu muôn vật vào bầu hồ-lynh.

771.— « Phép hay sai đậu thành binh (3),

« Bện hình làm tướng phá thành Diêm-
vương (4).

« Phép hay đạo hỏa (5) phó thang (6),

(1) Ân 印 : Phù-hiệu của bọn thầy pháp.

(2) Phù-chú 符咒 : Lá bùa và câu chú : Bí-quyết của đạo-gia dùng để đuổi ma quỷ.

(3) Sái đậu thành binh 洒豆成兵 : Rảy hạt đậu thành ra binh.

(4) Diêm-vương 阎王 : Theo thần-thoại, vua ở âm-phủ.

(5) Đạo hỏa 蹈火 : Đi trên lửa.

(6) Phó thang 赴湯 : Đi trên nước nóng.

LỤC VĂN TIÊN

« Ngồi grom đứng giáo mở dàng thiên-
hoang (1).

« Có ba lượng bạc trao sang,

« Đặng thầy sắm-sửa lập đàn (2) chữa cho.»

Đồng rằng : « Tôi chẳng so-đo,

« Khuyên thầy gắng sức chớ lo khó giàu.

« Bấy lâu thầy tở theo nhau,

« Bạc dành hai lượng phòng sau đi dàng.

781.— « Chữa-chuyên bệnh ấy dặng an,

« Rồi tôi sẽ lấy đem sang cho thầy.»

Pháp rằng : « Về lấy sang đây,

« Cho thầy toan-liệu lập rày đàn ra.»

Đồng rằng : « Tôi đã lo xa,

« Cực vì người bệnh ở nhà chẳng yên.

« Xin thầy gắng sức chịu phiền,

« Ra công bùa chú chữa-chuyên dượng nào.»

Pháp rằng : « Có khó chi sao,

« Người nằm ta chữa rồi trao phù (3) về.»

791.— Đồng rằng : « Tôi vốn thẳng hề,

« Bệnh chi mà khiến chịu bề chữa-chuyên ? »

Pháp rằng : « Ta biết kinh-quyền (4),

(1) Thiên-hoang 天荒 : Cõi trời còn hoang-vu ghê-rợn.

(2) Đàn 壇 : Cái đài dựng lên để làm nơi tế-lễ.

(3) Phù 符 : Bùa.

(4) Kinh-quyền 經權 : Kinh là đạo dùng khi thường.
Quyền là đạo dùng khi biến.

LỤC VÂN TIÊN

« Đau nam chữa bắc mà thuyên (1) mới tài.»

Tiểu-dồng nghe lọt vào tai,

Lòng mừng vội-vã năm dài chữa-chuyên.

Pháp bèn cất tiếng hét lên :

« Mời ông Bàn-cổ (2) tọa tiền (3) chứng miêng (4).

« Thỉnh ông Đại-thánh Tê-thiên,

« Thỉnh bà Võ-hậu đều liền đến đây.

801.— « Thỉnh ông Nguyễn-soái chinh tây,

« Cùng bà Vương-mẫu sum-vầy một khi.

« Thỉnh ông Phật-tổ A-di,

« Thập phương chư Phật phù-trì giúp công.

« Lại mời công-chúa Ngũ-long,

« Bình nam ngũ-hồ hội-dồng an dinh.

« Thỉnh trong thiên tướng thiên binh,

« Cùng là tam-phủ Động-dinh Xích-lân.

« Thỉnh trong khắp hết quỷ-thần,

« Cũng đều xuống chốn dương-trần (5) vui
chơi.

811.— « Cho người ba đạo phù trời,

« Uống vào khoẻ-mạnh như lời chẳng sai.»

(1) Thuyên 痊: Khỏi bệnh.

(2) Bàn-cổ 盤古: Theo cổ truyền của Trung-hoa thì Bàn-cổ là thủy-tổ của loài người, cũng như A-đam (Adam) trong thần-thoại giáo Cơ-đốc.

(3) Tọa tiền 座前: trước bàn thờ.

(4) Chứng miêng (minh) 證明: Chứng tỏ.

(5) Dương-trần 陽塵: Cối dương bụi-bặm. Cối đời này.

LỤC VÂN TIÊN

Tiểu-dồng vâng linh theo lời,

« Lấy phù trở lại toan bài thuốc-thang.

Vào nhà thưa với thầy Ngang :

« Pháp-phù (1) đã đủ thầy toan phương nào? »

Ngang rằng : « Còn bạc trong bao,

« Thời người khá lấy mà trao cho thầy. »

Đồng rằng : « Tôi hãy ở đây,

« Bệnh kia dầu khá mình này bán đi. »

821.— Triệu-Ngang biết chẳng còn chi,
Kiếm đường tráo-chác đuổi đi khỏi vòng :

« Ở đây làng xóm khó lòng,

« E khi mưa nắng ai cùng đỡ che. »

Đồng rằng : « Trong gói vắn hoe,

« Bời tin nên mắc, bời nghe nên lằm.

« Mỏi lo chạy hết một trăm,

« Minh ve khô xẹp ruột tằm héo don.

« Thương thay tiền mất tật còn,

« Bơ-vơ đất khách thôn-von thể này.

831.— « Thôi thôi gắng-gượng khỏi đây,
« Tôi đi khuyên-giáo (2) dỡ ngày gạo rau. »

Vân-Tiên chi tiết nỗi sầu,

Tiểu-dồng diu-dắt gần cầu Lá-buôn.

(1) Pháp-phù 法符 : Phép, bùa.

(2) Khuyên-giáo : Tức là đi khuyên, đi xin.

LỤC VÂN TIÊN

Đương khi mưa gió luông-tuồng,
Người buồn lại gặp kiềng (1) buồn khá thương.
Xiết bao ăn tuyết nằm sương,
Màn trời chiếu đất dậm trường lao-đao !
Dầu cho tài-tri bực nào,
Gặp cơn nguy-hiềm biết sao mà nhờ.

841.— Tiên rằng : « Đi đã ngắt-ngờ,
« Tìm nơi cây-cối bụi-bờ nghỉ chừ ».
Đồng rằng : « Chốc nữa khỏi rừng,
« Tìm nơi quán-xá (2) sẽ dừng nghỉ-ngoi. »
Non tây vừa khuất mặt trời,
Tờ thầy diu-dắt tới nơi Đại-đề.

(1) Kiềng : Cảnh.

(2) Quán-xá 館舍 : Nhà khách-trợ.

Tóm-thuật đoạn IX.— *Vân-Tiên hay tin mẹ chết, đau-khổ đến chết giấc. Mọi người lo cứu. Vân-Tiên tỉnh lại, than vẫn thở dài, lỡ-dở bước đường.*

Vân-Tiên cùng tiểu-dồng trở gót về quê. Đi được một đôi, xảy gặp ông quán theo dõi, trao cho Vân-Tiên ba hoản thuốc, dặn rằng : « Chẳng may gặp bước gian-truán. Đương khi quá đời thuốc thần cũng no. »

Vân-Tiên lãnh thuốc. Ông quán giả-từ. Vân-Tiên nghi ông quán là tiên.

Nổi sầu-khổ mệnh-móng, Vân-Tiên phát đau giữa đường, rồi : . . . khó héc lá gan ! Ôi thôi ! con mắt đã mang lấy sầu.

LỤC VÂN TIÊN

Tiểu-dồng diu-dắt Vân-Tiên đi chạy-chữa tật bệnh. Trước gặp lang băm, tiền mất tật còn. Lang băm lại đưa mỗi cho thầy bói. Thầy bói bói xong, đưa mỗi cho thầy pháp, bảo rằng bệnh Vân-Tiên phải chữa bằng bùa chú. Tiểu-dồng bèn đi cầu thầy pháp. Rốt ra : «Bởi tin nên mắc, bởi nghe nên lầm».

Thầy trò Vân-Tiên hết cả tiền ăn đường. Vân-Tiên vẫn mù không khỏi, bơ-vơ, màn trời chiếu đất.

Hai thầy trò hết sức cố gắng đem nhau về quê, tới nơi Đại-đề.

X

TRỊNH-HÂM HẠI VÂN-TIÊN. TRỜI TIỂU-ĐỒNG TRONG RỪNG, XÔ VÂN- TIÊN XUỐNG SÔNG

Trường thi một lũ vừa về,

Trịnh-Hâm xem thấy lại kẻ hỏi thăm :

« Anh về nay đã hai rằm,

« Có sao mang bệnh còn nằm nơi đây.

851.— Tiên rằng : « Tôi vốn chẳng may,

« Chẳng hay chừ hữu (1) khoa này thế nào ?».

Hâm rằng : « Tử-Trực đậu cao,

« Tôi cùng Bùi-Kiệm đều vào cử-nhân.

(1) Chư hữu 諸友 : Các bạn-bè.

LỤC VÁN TIÊN

« Một mình về trước viếng thân (1),

« Hai người trở việc còn lần đi sau.

« Đương cơn hoạn-nạn (2) gặp nhau.

« Người lành nỡ bỏ người đau sao đành.

« Từ đây tới quận Đông-thành,

« Trong mình có bệnh, bộ-hành (3) sao xong

361.— « Lần hồi đến chốn Giang-trung (4),

« Tìm thuyền ta sẽ tháp-tùng (5) với nhau.»

Tiền rằng : « Tình trước ngãi sau,

« Có thương xin khá giúp nhau phen này.»

Hâm rằng : « Anh tạm ngồi đây,

« Tiều-dồng người tới trước này cùng ta.

« Vào rừng kiếm thuốc ngoại-khoa (6),

« Phòng khi sóng biển phong-ba (7) bất kỳ (8)»

Tiều-dồng vội-vã ra đi,

Muốn cho dặng việc quản gì lao-đao.

371.— Trịnh-Hâm trong dạ gươm đao,

Bắt người đồng-tử trói vào gốc cây :

(1) Thân 親 : Cha mẹ.

(2) Hoạn-nạn 患難 : Khốn-khở gian-nan.

(3) Bộ-hành 步行 : Đi bộ.

(4) Giang-trung 江中 : Chốn sông nước.

(5) Tháp-tùng 搭從 : Nhập vào bọn mà đi theo.

(6) Ngoại-khoa 外科 : Thuốc ngoài.

(7) Phong-ba 風波 : Sóng gió.

(8) Bất kỳ 不期 : Chẳng có hẹn kỳ.

LỤC VÂN TIÊN

« Trước cho hùm cọp ăn mây,
Hai Tiên phải dụng mưu này mới xong ».

Vân-Tiên ngồi những đợi trông,
Trịnh-Hâm về nói tiểu-dồng cọp ăn.

Vân-Tiên than-khóc nằm lẩn :

« Có đâu địa hãm thiên băng (1) thình-linh.

« Bấy lâu đất khách lưu-linh (2),

« Một thầy một tớ lộ-trình (3) nuôi nhau.

881.— « Nay đã hai ngả phân nhau,

« Còn ai nâng-dỡ trước sau cho mình ».

Hâm rằng : « Anh chớ ngại tinh,

« Tôi xin đưa tới Đông-thành thời thôi ».

Vân-Tiên chi tiết lụy rơi,

Buồm đã theo gió chạy xuôi một bề.

Tiểu-dồng bị trời khôn về,

Kêu la chẳng thấu bốn bề rừng hoang :

« Phận mình đã mắc tai-nàn,

« Cảm thương họ Lục tuổi vàng (4) hơ-vơ.

891.— « Xiết bao những nỗi dật-dờ,

« Đò-giang nào biết, bụi-bờ nào hay.

(1) Địa hãm thiên băng 地陷天崩 : Đất sụp trời xiêu.

(2) Lưu-linh 流零 : Trời-nổi lạc-loài.

(3) Lộ-trình 路程 : Bước đường.

(4) Tuổi vàng : Do chữ hoàng-tuyền 黃泉 : Nơi âm-phủ. Cõi người chết ở.

LỤC VÂN TIÊN

« Vân-Tiên hồn có linh rày,
« Đem tôi theo với đỡ tay chun cùng! ».

Vái rồi lụy nhỏ rờng-rờng,
Đêm khuya ngồi dựa cột tòng ngủ quên.
Sơn-quân (1) ghé lại một bên,
Cắn dây mở trời cũng lên ra đàng.
Tiểu-đồng thức dậy mơ-màng,
Xem qua dấu đất ràng-ràng mới hay.

901.— Nửa mừng nửa lại sợ thay,
Chạy ra chốn cũ kiếm thầy Vân-Tiên.
Mặt trời vừa khỏi mái hiên,
Người buôn, kẻ bán, chợ phiên nhộn-nhàng.
Hỏi thăm bà quán giữa đàng,
Bữa qua có thấy người tang (2) chẳng là ?
Quán rằng : « Thôi đã ra ma,
« Khi mai làng xóm người đà đi chôn. »
Tiểu-đồng nghe nói kinh-hồn,
Hỏi rằng : « Biết chỗ nào chôn chỉ chừng. »

911.— Tay lau nước mắt rưng-rưng,
Xảy nghe tiếng nói đầu rừng lao-xao.
Tiểu-đồng vội-vã bước vào,
Xóm làng mới hỏi : « Thằng nào tới đây ? »
Đồng rằng : « Tớ tới kiếm thầy,
« Chẳng hay người thác mả này là ai ? »

(1) Sơn-quân 山君 : Sơn-thần. Thần núi. Con cọp.

(2) Người tang : Vân-Tiên để tang cho mẹ.

LỤC VÂN TIÊN

Người này : « Một gã con trai,
« Ở đâu khôn biết lạc-loài đến đây.
« Chân tay mặt mũi tốt thay,
« Đau chi nên nổi nước này khá thương.»

921.— Tiều-dồng chẳng kịp hỏi-han,
Năm lần bên mả khóc-than một hồi.
Người đều xem thấy thương ôi !
Kêu nhau vác cuốc đều lui ra đàng.
Tiều-dồng nằm giữa rừng hoang,
Che chời giữ mả lòng toàn trọn bề.
Một mình ở đất Đại-đề,
Sớm đi khuyển-giáo, tối về quỷ-đơ.
Dốc lòng trả nợ áo-cơm,
Sống mà trọn nghĩa, thác thơm danh hiền.

931.— Thử này đến thử Vân-Tiên,
Năm canh ngồi dựa be thuyền thử-than.
Trong khăn lụy nhỏ chứa-chan,
Cảm thương phận tớ mắc nạn khi không.
Lênh-đênh thuyền giữa biển đông,
Riêng than một tấm cô-bồng (1) ngàn-ngơ.
Đêm khuya lặng-lẽ như tờ,
Nghênh-ngang sao mọc, mịt-mờ sương bay.
Trịnh-Hâm khi ấy ra tay,
Vân-Tiên bị gã xô ngay xuống vời.

(1) Cô-bồng 孤篷 : Chiếc buồm lẻ-loi.

LỤC VÂN TIÊN

941.— *Trịnh-Hâm* giả tiếng kêu trời,
Cho người thức dậy lấy lời phôi-pha.
Trong thuyên ai nấy kêu la,
Đều thương họ *Lục*, xót-xa tấm lòng.

Tóm-thuật đoạn X.— Các thi-sinh ở trường thi tấp-nập về. *Vân-Tiên* xảy gặp *Trịnh-Hâm*.

Trịnh-Hâm cho hay *Tử-Trực* đậu cao, rồi tỏ ý than-tiếc cho *Vân-Tiên*, hết lòng toàn đũa *Vân-Tiên* về nhà bằng đường sông, vì lo-ngại *Vân-Tiên* đi đường bộ e khó-khăn.

Vân-Tiên cảm-tạ *Trịnh-Hâm*. *Trịnh* bèn bảo *tiểu-đồng* hãy cùng đi vào rừng để kiếm thuốc ngoại-khoa, phòng khi đi đường sông biển bất kỳ vướng bệnh.

Tiểu-đồng vâng lời đi theo. *Trịnh-Hâm* bắt *tiểu-đồng* trói vào một cội cây ở giữa rừng; định để cộp ăn, rồi quảy-quả trở lại nói với *Vân-Tiên*: *Tiểu-đồng* đã rủ bị cộp ăn rồi.

Vân-Tiên vật mình than-khóc. *Trịnh-Hâm* khuyên-giải, xin sẽ đưa *Vân-Tiên* về đến quê nhà.

Trong khi ấy, *tiểu-đồng* than-khóc giữa rừng, lại lo sợ cho *Vân-Tiên* bơ-vơ. Đêm khuya mệt-mỏi, *tiểu-đồng* ngủ quên. Chợt chúa sơn-lâm ra cắn dây cộp *tiểu-đồng* đem bỏ ngoài đường.

Tiểu-đồng thức giấc, xem qua dấu đất, biết là có cộp, nửa mừng nửa sợ, bèn chạy riết ra chợ hỏi thăm tin người mặc đồ tang.

Nghe thiên-hạ nói có một chàng trai-trẻ lạc-loài chết đường đã được đem chôn, *tiểu-đồng* chẳng kịp

LỤC VÂN TIÊN

hỏi-han, chạy ra mộ nằm lăn than-khóc, rồi che chòi giữ mũ, cho trọn nghĩa tứ thầy.

Bấy giờ, Trịnh-Hâm đem thuyền đưa Vân-Tiên đi, đến đêm khuya lại ra tay xô Vân-Tiên chìm đáy nước !

XI

**NGƯ-ÔNG VỚT VÂN-TIÊN LÊN,
ĐƯA VỀ NHÀ VÕ-CÔNG**

Vân-Tiên mình lụy (1) giữa dòng,
Giao-long (2) diu-dắt vào trong bọc rày.

May vừa trời đã sáng ngày,

Thuyền chài xem thấy vớt ngay lên bờ.

Khiến con vầy lửa một giờ,

Ông hơ bụng dạ, mụ hơ mặt mày.

951.— Vân-Tiên vừa ấm chân tay,

Ngần-ngờ hồn phách như say mới rồi.

Ngỡ than mình phải nước trôi,

Hay đâu mình hãy đặng ngồi dương-gian (3).

Ngư-ông khi ấy hỏi-han,

Vân-Tiên thưa hết mọi đàng gần xa.

(1) Lụy 累 : Gặp hại. Bó buộc.

(2) Giao-long 蛟龍 : Rồng.

(3) Dương-gian 陽間 : Khoản dương. Cõi dương. Tức cõi đời này.

LỤC VÂN TIÊN

Ngư rằng : « Người ở cùng ta,
« Sớm mai hăm-hút một nhà cho vui ».

Tiên rằng : « Ông lấy chi nuôi,
« Thân tôi như thể trái mùi trên cây.

961.— « May đà trời nổi đến đây,
« Không chi báo đáp mình này tro-tơ ».

Ngư rằng : « Lòng lão chẳng mơ,
« Dốc lòng nhân-nghĩa há chờ trả ơn ?

« Nước trong rửa ruột sạch trơn,
« Một câu danh-lợi chi sồn lòng đây.
« Rày doi, mai vịnh vui-vầy,
« Ngày kia hứng gió, đêm này chơi trăng.

« Một mình thông-thả làm ăn,
« Khoẻ quơ chài kéo, mệt quăng câu dầm.

971.— « Nghêu-ngao nay chích mai dầm,
« Một bầu trời đất vui thăm ai hay.
« Kinh-luân (1) đã sẵn trong tay,
« Thung-dung (2) dưới thế vui say trong trời.

« Thuyền nan một chiếc ở đời,
« Tắm mưa chải gió trong vôi Hàn-giang ».

Tiên rằng : « Vậy cũng một làng,
« Võ-công người ở gần đàng đây chăng ? »

Ngư rằng : « Nhà ở cũng gần,
« Khỏi ba khúc vịnh thời lần đến nơi. »

(1) Kinh-luân 經綸 : Giải việc chính-trị.

(2) Thung-dung 從容 : Thư-thái, thông-thả.

LỤC VÂN TIÊN

981.— Tiên rằng : « Xưa đã gá lời,
« Sui-gia bao nữ đổi đời chẳng thương.
« Vợ chồng là đạo tào-khương (1),
« Chi bằng tôi đó tìm phương gửi mình.
« Trăm năm muốn trọn ân-tình (2),
« Đương khi hoạn-nạn ai đành bỏ nhau.
« Chút nhờ cứu tử (3) ơn sâu,
« Xin đem tôi đó trước sau cho tròn.»
Ngư rằng : « Làm đạo rề con,
« Cũng như sợi chỉ mà lòn tròn kim.

991.— « Sợ bay mà mỗi sức chim,
« Bơ-vơ cảnh lạ khôn tìm cây xưa.
« E khi chậm bước tới trưa,
« Chớ đi sông cũ bến xưa mà lằm.
« Mấy ai ở đặng hảo-tâm (4),
« Nắng đun chóp nón, mưa dầm áo tôi (5).
« Mấy ai hay nghĩ việc đời,
« Nhớ nơi nghèo-khổ quên nơi sang-giàu.

(1) Tào-khương 糟糠 : Tấm mẫn. Ý nói : vợ chồng lúc khó có nhau, giàu chẳng nên phụ, phải nhớ cái hồi tấm mẫn hãm-hút.

(2) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ.

(3) Cứu tử 救死 : Cứu cho khỏi chết.

(4) Hảo-tâm 好心 : Tấm lòng tốt đẹp,

(5) Có nhiều bản chép là : *Nắng toan giúp nón, mưa dầm giúp tôi.* Tuy nhiên xét kỹ, câu của bản Trương Vĩnh Ký vẫn hay hơn.

LỤC VÂN TIÊN

« Đã ba thứ tóc trên đầu,

« Gắm trong sự thế thêm âu (1) cho đời.»

1.001.—Vân-Tiên thừa đã hết lời,

Ngư-ông chẳng-đã (2) tách vôi đưa sang.

Dắt Tiên vào chốn hậu-dàng (3),

Vô-công xem thấy lòng càng hổ người.

Chẳng qua sự thế-gian (4) cười,

Một lời gương-gạo chào người ngày xưa :

« Ngư-ông đã có công đưa,

« Tôi ngày sau sẽ lo lừa đèn ọn ».

Ngư rằng : « Tôi chẳng lòng sồn (5),

« Xin tròn nhân-ngãi còn hơn bạc vàng.

1011.— « Nhớ xưa trong núi Lư-san,

« Có ông Ngư-phủ đưa chàng Ngũ-Viên (6).

(1) Âu : Do chữ Ưu 憂 : Lo-buồn.

(2) Chẳng-đã : Ý nói cực-chẳng-đã mới phải đưa Vân-Tiên đi qua nhà Vô-công, vì Vân-Tiên năng-năng kêu cầu, chớ thật lòng ông chài vốn đã thấy xa về tình đời, không dám tin ở lòng tốt của người ta như Vân-Tiên.

(3) Hậu-dàng (đường) 後堂 : Nhà sau.

(4) Thế-gian 世間 : Cõi đời.

(5) Có nhiều bản chép : “ . . . Lòng lão chẳng sồn”. E không được hay như bản của Trương Vĩnh-Ký chép như trên.

(6) Ngũ-Viên : Một danh-tướng vì cứu cha anh bị giết về tay Sở Bình-Vương, mà bỏ Sở sang Ngô. Trong khi ra đi, bị vua Sở tập-nã gắt-gao, may được nhiều bậc cao-sĩ cứu giúp.

LỤC VÂN TIÊN

« Tới sau đình-trưởng đổ thuyền,
« Giúp người Hạng-Võ (1) qua miền Ô-giang.
« Xưa còn thương kẻ mắc nạn,
« Huống nay ai nỡ quên đảng ngãi-nhân.
« Một lời gắng giúp keo-sơn,
« Ngư-ông từ-giã lui chân xuống thuyền.

(1) Hạng-Võ : Người đã dựng ra nước Tây Sở, hiệu là Bá-Vương, đương đầu với Hán Lưu-Bang, gây nên cuộc Hán Sở tranh-hùng, sau khi dứt nhà Trần. Về sau, Hạng-Võ quân thua lui về Ô-giang, có người đình-trưởng (đời Hán, cứ 10 dặm đất thì gọi là một đình, đặt người đình-trưởng để phòng giữ trộm cướp) chèo thuyền rước Hạng-Võ. Nhưng đi đến giữa sông, Hạng-Võ nghĩ thẹn, cắt đầu tự-vẫn.

Tóm-thuật đoạn XI.— *Vân-Tiên bị hại giữa dòng. Nhờ có rồng đưa vào bực. Gia-đình ông chài vớt lên được.*

Vân-Tiên được cứu, tỉnh lại, thăm nỗi mình. Ông chài hỏi-hạn, Vân-Tiên tỏ-bày tình đầu.

Ông chài là người khác thường, tính tình cao-thượng, kinh-luân chứa đễ đầy lòng, nhưng quyết lánh xa danh-lợi, sống trong rửa ruột sạch trơn.

Nghe ông chài nhà cửa ở Hàn-giang, Vân-Tiên mừng, xin đưa giùm về nhà Võ-công cũng ở gần đó.

Ông chài khuyên-bảo không nên. Vân-Tiên nằng-nằng xin đưa giùm đến đó. Ông chài cực chẳng-đã phải đưa, mà có ý thương lo.

LỤC VÂN TIÊN

Tới nhà Võ-công, ông chài từ-giã với lời bóng gió xin hãy thương Vân-Tiên mà đừng phụ-bạc. Võ-công đã có ý hồ người vì Vân-Tiên mà, nhưng gượng-gao.

XII

VÕ-CÔNG GIẢ ĐƯA VỀ ĐÔNG-THÀNH, ĐEM VÂN-TIÊN BỎ TRONG HANG THƯƠNG-TÔNG

Võ-công không ngọt lòng hiền,
Ân tình thế lợi (1) khó tuyền dặng vay.

1021.— Dạy Tiên : « Người hãy ngồi đây,
« Cho ta trở lại sau này liệu toan ».

Công rằng : « Hỡi mẹ Quỳnh-Trang,
« Dò lòng ái-nữ (2) Thê-Loan thê nào?

« Mặc con toan liệu làm sao,
« Vốn không ép vợ, nữ nào ép con ».

Loan rằng : « Gót đỏ như son,
« Xưa nay ai nữ đem chôn xuống bùn ?

« Ai cho sen muống một bồn,
« Ai từng chanh khế sánh phồn lựu-lê.

1031.— « Thà không trót chịu một bề,
« Nữ đem mình ngọc dựa kê thất-phu (3).

(1) Ân-tình thế-lợi 恩情勢利 : Ân-huệ và tình-cảm đối chọi với quyền-thế và lợi-lộc.

(2) Ái-nữ 愛女 : Con gái yêu.

(3) Thất-phu 匹夫 : Kẻ chẳng ra gì.

LỤC VÂN TIÊN

« Đã công chờ đợi danh-nhu (1),

« Rễ đâu có rễ đui mù thế ni.

« Đã nghe người nói hội này,

« Rằng: Vương Tử-Trực chiếm rày thủ-khoa(2).

« Ta (3) dầu muốn kết sui-gia,

« Họ Vương họ Võ một nhà mới xinh ».

Công rằng : « Muốn trọn việc mình,

« Phải toan một chước dứt tình mới xong.

1041.— « Nghe rằng : Trong núi Thương-tòng,

« Có hang thăm-thẳm bịt-bùng khôn ra.

« Đông-thành ngàn dặm còn xa,

« Đem chàng bỏ đó ai mà biết đâu ? »

Phút vừa trăng đã đứng đầu,

Vân-Tiên ngồi trước nhà cầu (4) thở-than.

Võ-công ra trước dỗ chàng :

« Xuống thuyền rồi sẽ đưa sang Đông-thành.»

Ra đi đương lúc tam-canh (5),

Dắt vào hang tối bỏ đành Vân-Tiên.

(1) Danh-nhu 名儒 : Người học-trò có danh.

(2) Thủ-khoa 首科 : Người đầu đầu trong khoa thi hương.

(3) Ta : Có bản chép là Cha. Nhưng nghĩ kỹ Ta thì đúng hơn.

(4) Nhà cầu : Nhà cất ở dưới mé sông để ngồi hóng gió mát.

(5) Tam canh 三更 : Canh ba.

Có bản chép là : *Tan canh*.

1051.—Bỏ rời rón-rén bước liền,
Xuống gay chèo quế đời thuyền tách xa.
Tiên rằng : « Các chú đưa ta,
« Xin đưa tôi tới quê nhà sẽ hay.
« Ghi lòng dốc trọn thảo ngay,
« Một phen mà khỏi ngàn ngày chẳng quên.»
Lặng nghe vắng tiếng hai bên,
Trong hang tăm-tối đá trên chập-chồng.
Vân-Tiên khi ấy hãi-hùng,
Nghĩ ra mới biết Võ-công hại mình.

1061.—Nực cười con tạo trớ-trình,
Chữ duyên tráo-chác, chữ tình lãng-xao.
Nghĩ mình tai-hại biết bao,
Mới lên khỏi biển lại vào trong hang.
Dây sần ai khéo vướng mang,
Tránh nơi lưới thỏ, gập đàng bầy cheo.
Trong hang sau trước quạnh-hiu,
Muốn ra cho khỏi ai diu-dắt đi ?
Oan-gia nợ đả khéo gây,
Ôi thôi thân-thể còn gì mà toan.

1071.—Đã đành xa cõi nhân-gian (1),
Dựa mình vào chốn thạch-bàn (2) nằm co.

(1) Nhân-gian 人間 : Khoản con người ở. Cõi đời.

(2) Thạch-bàn 石磐 : Hòn đá lớn.

LỤC VÂN TIÊN

Đêm khuya ngọn gió thổi lò,
Sương-sa lác-đác mưa tro lạnh-lùng.
Năm ngày chịu đói-khát rờng,
Nhờ ba huồn thuốc đỡ lòng hôm mai.

Tóm-thuật đoạn XII.— *Võ-công đã chẳng vừa lòng Vân-Tiên, hỏi lại ý-kiến vợ con. Võ Thễ-Loan chẳng tiếc lời nặng nhẹ dứt tình.*

Nhà họ Võ quyết đem Vân-Tiên bỏ; dối đem Vân-Tiên xuống thuyền đưa về Đông-thành, rồi đưa tuốt đến hang Thương-tòng mà bỏ đó, rón-rén ra về.

Vân-Tiên biết ra, cay-đắng trong lòng, than phận buồn duyên. Năm ngày ở trong hang, may nhờ có ba huồn thuốc của ông quán cho khi trước, mà được sống còn trong cơn đói-khát.

XIII

DU-THẦN CỨU RA KHỎI HANG, GẶP LÃO TIÊU CÔNG VÂN-TIÊN VỀ NHÀ

Du-thần (1) xem thấy ai-hoài (2),
Xét trong mình gã có bài phù-tiên (3).
Mới hay là Lục Vân-Tiên,
Cùng nhau diu-dắt đều liền đem ra.

(1) Du-thần 遊神: Thần đi rong các nơi để xem-xét mọi việc.

(2) Ai-hoài 哀懷: Ôm-ấp sự buồn-thảm.

(3) Phù-tiên: Tiên-phù 仙符: Bùa tiên.

LỤC VĂN TIÊN

1081.— Khởi hang một dặm vừa xa,
Đến nơi đại-lộ (1) trời đã hùng đông.
Du-thần trở lại sơn-trung (2),
Vân-Tiên còn hãy giấc nồng mê-mang.
Lão tiều cơm gói sẵn-sàng,
Sớm mai xách búa đi ngang vào rừng.
Tới đường đại-lộ là chừng (3),
Xảy nghe có tiếng trong rừng thở-than.
Hay là yêu-quái tà-gian (4),
Rung cây nhát lão làm đường hại nhân (5).

1091.— Lão tiều liền bước lại gần,
Thiệt là một gã văn-nhân (6) mắc nạn.
Chi bằng lên tiếng hỏi-han :
« Nhân sao mắc việc tai-nàn thế này (7) ? ».
Vân-Tiên nghe tiếng mừng thay,
Vội-vàng gượng dậy trình-bày trước sau.
Lão tiều nghe nói giờ lâu,
Gẫm trong thế-sự gặt đầu thở-than :

(1) Đại-lộ 大路 : Đường lớn

(2) Sơn trung 山中 : Trong núi.

(3) Có bản chép : *Nhằm đường đại-lộ dè chừng.*

(4) Tà-gian 邪奸 : Vạ-vọ, xảo-trá.

(5) Hại nhân 害人 : Hại người.

(6) Văn-nhân 文人 : Người có văn-học.

(7) Nây : Do chữ ni chuyển ra, viết là này để cho
ăn vần.

LỤC VÂN TIÊN

« Ít người trong tuyết đưa than,

« Khó ngồi giữa chợ ai màng đoái thương.»

1101.— Vân-Tiên nghe nói mới tường,

Cũng trang ẩn-dật (1) biết đường thảo-ngay.

« Ngửa trông lượng cả cao-dày,

« Cứu trong một buổi, ơn tày tái sinh (2).

« Mai sau về tới Đông-thành,

« Đền ơn cứu khổ mới đành dạ tôi.»

Lão tiều mới nói : « Thôi thôi,

« Làm ơn mà lại trông người sao hay ?

« Già hay thương kẻ thảo-ngay,

« Này thôi để lão dắt ngay về nhà.»

1.111.—Tiên rằng : « Trong dạ xót-xa,

« Nay đà sáu bữa không hòa mùi chi.

« Lại thêm rũ liệt tứ chi (3),

« Muốn đi theo đó mà đi khôn rồi.»

« Lão tiều này ngỡ nực cười,

Mở com trong gói miệng mời Vân-Tiên :

« Gắng mà ăn uống cho yên,

« Lão ra sức lão công Tiên về nhà.»

(1) Ẩn-dật 隱逸 : Ở ẩn mà tự vui.

(2) Tái-sinh 再生 : Làm sống lại lần nữa.

(3) Tứ chi 四肢 : Hai tay và hai chân.

Tóm-thuật đoạn XIII. — Vị thần đi xem-xét mọi việc trong đời, ngang qua hang Thương-tòng,

LỤC VÂN TIÊN

thấy một gã trai sâu-thâm thì có lòng thương ; xem xét kỹ lại thấy có lá bùa tiên, mới hay là Lục Vân-Tiên. Du-thần bèn cứu Vân-Tiên ra khỏi hang Thương-tòng, đem về ngoài đường lớn.

Ông tiều xách búa lên rừng, vừa hừng đông, xảy nghe có tiếng thở-than trên đường. Lăn tới nơi, ông tiều nghe thấy Vân-Tiên tỏ-bày cảnh-ngộ thì động lòng. bèn lãnh đưa Vân-Tiên về nhà.

Vân-Tiên than đói mệt. Ông tiều mở gói cho cơm, an-ủi, rồi ghé vai cõng Vân-Tiên đi thẳng lên đường về quê-hương họ Lục.

XIV

HỚN-MINH ĐEM VỀ CHÙA

Khỏi rừng ra tới ngã ba,

May đâu gặp một chàng là Hớn-Minh.

1121. — Lão tiều lặt-dặt bốn-trình (1),

Hớn-Minh theo hỏi sự tình một khi.

Vân-Tiên nghe tiếng cố-tri (2),

Vội mừng bạn cũ còn nghi nỗi mình.

Minh rằng : « Dám hỏi nhân-huynh (3),

« Cớ sao nên nỗi thân hình thể ni ? »

(1) Bốn trình 奔程 : Đi gấp trên đường.

(2) Cố-tri 故知 : Quen biết cũ.

(3) Nhân-huynh 仁兄 : Người anh có nhân. Tiếng xưng hô.

LỤC VÂN TIÊN

Tiên rằng : « Chẳng xiết nói chi,
« Thân này nào có khác gì cây trời.
« Lênh-dênh (1) gió đập sóng đời,
« Rày đây mai đó khôn rồi gian-nan (2) ».

1131.— Minh rằng : « Đây khó hỏi-han,
« Xin vào chùa sẽ luận-bàn cùng nhau ».

Tiêu rằng : « Chẳng dám ngồi lâu,
« Vào rừng đốn củi bán châu chợ phiên ».

Hơn-Minh quý gói lạy liền :
« Ông cứu đặng Vân-Tiên bạn lành,
« Đây hai lượng bạc trong mình,
« Tôi xin báo-đáp (3) chút tình cho ông ».

Tiêu rằng : « Vốn lão tình không,
« Một mình ngo-ngẩn non tòng hôm mai.

1141.— « Tấm lòng chẳng muốn của ai,
« Lánh nơi danh-lợi chông-gai cực lòng.

« Kia non, nọ nước thông-dong,
« Trăng thanh gió mát bạn cùng hươu nai.

« Công-hầu phú-quí mặc ai,
« Lộc rừng gánh vác hai vai tháng ngày.»

Vân-Tiên nghe biết người ngay,
Hỏi thăm tên họ phòng ngày đến ơn.

(1) Lênh-dênh 伶仃 : Cô-đơn. Một mình bơ-vơ, không có ai nhờ cậy.

(2) Gian-nan 艱難 : Khốn-khò, khó-khăn.

(3) Báo đáp 報答 : Đền bù lại.

Lão tiều trở lại lâm-sơn (1),

Tiên; Minh hai gã đều hoàn (2) am mây.

1151.— Tiên rằng : « Đã gặp khoa này,
« Có sao ngọc-hữu (3) ở đây làm gì ? ».

Minh rằng : « Xưa đốc xuống thi,
« Gặp nơi miếu võ đều đi một lần.

« Anh thi về trước tỉnh thân (4),
« Tôi thi mang gói sau lần ra Kinh.

« Đi vừa tới huyện Loạn-minh,
« Gặp con quan huyện Đặng-sinh là chàng.

« Giàu-sang ý thế dọc ngang,
« Gặp con gái tốt cường-gian (5) không nghi (6).

1161.— « Tôi bèn nổi giận một khi,

« Vặt chàng xuống đó bẻ đi một giò.

« Minh làm nữ để ai lo,

« Bó tay chịu trời nộ cho huyện-dàng (7).

« Ân dày ra quận Sóc-phang,

« Tôi bèn vượt ngục lánh dàng đến đây.

(1) Lâm-sơn 林山 : Rừng núi.

(2) Hoàn 還 : Trở về.

(3) Ngọc-hữu 玉友 : Bạn ngọc.

(4) Tỉnh thân 省親 : Thăm-nom cha mẹ.

(5) Cường-gian 強奸 : Lấy sức mạnh mà làm điều trái.

(6) Nghi : Do chữ nghĩa biến ra.

(7) Huyện-dàng (đường) 縣堂 . Quan huyện. Nhà quan huyện.

« Vừa may mà gặp chùa này,
« Mai danh ần tích (1) bấy-chầy nấu-nương ».
Vân-Tiên nghe nói thăm-thương,
Lại bày một khúc tai-ương (2) phận mình.

1171.— Minh nghe Tiên nói động tình,
Hai hàng châu lụy như bình nước nghiêng.
Tiên rằng : « Thương cội xuân-huyên (3),
« Tuổi cao tác lớn chịu phiền lao-đao.
« Trong con như cá trông dào (4),
« Minh này trôi-nổi phương nào biết đâu.
« Vầng mây giăng bạc trên đầu,
« Ba năm chưa trọn một câu sinh-thành (5).
« Hữu tam bất hiếu (6) đã đành,
« Tiều-dồng trước đã vì mình thác oan.

1181.— « Tưởng thôi như cắt ruột gan,
« Quận đau chín khúc, chữa-chan mấy lần.»

(1) ần tích 陰蹟 : Dấu-diểm dấu vết.

(2) Tai-ương : 災殃 Tai-nạn, họa hại.

(3) Xuân-huyên 春萱 : Mẹ.

(4) Cá bản chép : ... hạn trông dào.

(5) Sinh-thành 生成 : Sinh ra nuôi-nấng cho nên người.

(6) Bất hiếu hữu tam 不孝有三 : Bất hiếu có ba :
(Không con là tội trọng 無後爲大). Câu này ý nói : Chưa
kịp lập gia-đình thì mẹ đã chết, đáng tội bất hiếu.

LỤC VÂN TIÊN

Minh rằng : « Người ở trong trần,
« Có khi phú-quí (1) có lần gian-nan (2).
« Thấp cao vàng biết tuổi vàng,
« Gặp khi lửa đỏ máu càng thêm xuê.
« Thôi thôi anh chớ vội về,
« Ở đây nung-nấu toan bề thuốc thang.
« Bao giờ hết lúc tai-nàn,
« Đem nhau ta sẽ lập đảng công-danh.

1.191.—« Cam-La (3) sớm gặp cũng xinh,
« Muộn mà Khương-tử (4) cũng vinh một đời.
« Nên hư có số ở trời,
« Bôn-chôn sao khỏi đời đời sao xong.»
Vân-Tiên khi ấy an lòng,
Ở nơi am-tự (5) bạn cùng Hớn-Minh.
Võ-công làm việc trở-trình,
Dứt tình họ Lục, mến tình họ Vương.
Kể từ định chước hại chàng,
Thề-Loan hớn-hở lòng càng thêm vui.

1.201.—Ngày ngày trang-diêm phấn dôi,
Phòng khi gặp-gỡ đứng ngồi cho xuê.

(1) Phú-quí 富貴 : Giàu sang.

(2) Gian-nan 艱難 : Khốn khổ, khó khăn.

(3-4) Cam-La 12 tuổi làm Tướng-quốc ở Tần. Khương-tử 81 tuổi mới nên danh hiển-dật.

(5) Am-tự 庵寺 : Chùa, am.

LỤC VÂN TIÊN

Xảy đâu Tử-Trực vừa về,
Vào nhà họ Võ thăm bề Vân-Tiên.
Công rằng : « Chớ hỏi thêm phiền,
« Trước đà lâm bệnh (1) huỳnh-tuyền (2) xa
chơi.

« Thương chàng phận bạc trong đời,
« Cũng vì Nguyệt-lão (3) xe lơi mối hồng (4) ».

Nghe qua Tử-Trực chạnh lòng,
Hai hàng nước mắt rùng-rùng như mưa.

1211.— Than rằng : « Chạnh nhớ linh xưa,
« Nghĩa đà kết nghĩa, tình chưa phỉ tình.

« Trời sao nữ phụ tài lành,
« Bảng vàng chưa thấy, ngày xanh đã mòn.

« Cùng nhau chưa dặng vương tròn,
« Người đà sớm thác ta còn làm chi ?

« Trong đời mấy bức cổ-tri (5),
« Mấy trang đồng đạo (6), mấy người đồng
tâm (7) ? ».

(1) Lâm bệnh 臨病 : Bị bệnh.

(2) Huỳnh (Hoàng-tuyền) 黃泉 : Suối vàng.

(3) Nguyệt-lão : Nguyệt-hạ lão nhân 月下老人 : Ông già dưới Nguyệt. Người chủ-trương việc định đời cho người ở thế-gian.

(4) Mối hồng : Dây tơ đỏ buộc chân những cặp cề nhân-duyên với nhau.

(5) Cổ-tri 故知 : Quen biết cũ.

(6) Đồng đạo 同道 : Cùng cùng-phụng một lẽ phải.

(7) Đồng tâm 同心 : Cùng lòng.

LỤC VÂM TIÊN

Công rằng : « Ta cũng thương thầm,
« Tủ duyên con trẻ sắt-cầm (1) dở-dang.

1221.— « Thôi thôi khuyên chớ thở-than,
« Đầy đà tính dặng một đàng rất hay.
« Tời đây thì ở lại đây,
« Cùng con gái lão sum-vầy thất-gia (2).
« Phòng khi hôm sớm vào ra,
« Thấy người Tử-Trực cũng là thấy Tiên ».

Trực rằng : « Ngồi viết đĩa nghiên,
« Anh em xưa có thề-nguyên cùng nhau.

« Vợ Tiên là Trực chi dâu,
« Chi dâu, em bạn dám đâu lỗi nghi.

1231.— « Chẳng hay người học sách chi,
« Nòi sao những tiếng dị-kỳ khó nghe ?
« Hay là học thói nước Tề,
« Vợ người Tử-Cử đưa về Hoàn-Công (3).
« Hay là học thói Đường-cung (4).
« Vợ người Tiều-Lạc sánh cùng Thế-Dân.

(1) Sắt cầm 瑟琴 : Đàn sắt và đàn cầm, hai thứ hòa với nhau rất hiệp. Nói về việc vợ chồng.

(2) Thất-gia 室家 : Nhà cửa. Nói về việc định đôi lứa.

(3) Vua Hoàn-công nước Tề cưới vợ cho con là Tử-Cử, đến khi rước dâu về, thấy người đẹp lại sinh lòng chẳng phải.

(4) Đường cung 唐宮 : Cung nhà Đường.

LỤC VÂN TIÊN

« Người nay nào phải nhà Tần,
« Bất-Vi gả vợ Dị-Nhân lấy làm (1).
« Nói sao chẳng biết hồ thăm,
« Người ta há phải là cảm-thú sao ?»

1.241.—Võ-công hồ-thẹn xiết bao,
Ngồi trên khôn cãi lẽ nào cho qua.
Thê-Loan trong cửa bước ra,
Miệng chào : « Thầy Cử tân-khoa mới về.
« Thiếp đã chẳng trọn lời thê,
« Lỡ bề sửa tráp, lỡ bề nâng khăn.
« Tiếc thay dạ thổ nằng-nặng,
« Đêm thu chờ đời bóng trăng bấy-chầy.
« Chẳng ưng thì cũng làm khuây,
« Nữ buông lời nói chẳng vì chẳng kiêng ?»

1.251.—Trực rằng : « Ai Lữ Phụng-Tiên (2),
« Phòng toan đem thối Điêu-Thuyền trêu người?
« Mồ chồng ngọn cỏ còn tươi,
« Lòng sao mà nữ buông lời nguyệt-hoa ? (3)
« Hồ-hang vậy cũng người ta,
« So loài cảm-thú vậy mà khác chi ?

(1) Lữ Bất Vi coi tướng giỏi, biết Đinh Dị Nhân về sau có tướng làm vua, bèn đem người vợ có thai được mấy tháng mà gả cho Đinh để toan chiếm-đoạt, lấy họ Lữ dứt họ Đinh.

(2) Lữ-Bố bị sắc Điêu-Thuyền mà hư.

(3) Nguyệt-hoa 月花 : Trăng và hoa là hai vẻ đẹp đáng yêu. Chỉ về lòng ham-muốn tình-dục.

LỤC VÂN TIÊN

« Vân-Tiên anh hỡi cố-trì,
« Suối vàng có biết sự ni chẳng là ? »
Tay lau nước mắt trở ra,
Về nhà sấm-sửa tìm qua Đông-thành.

1.261.—Võ-công hồ-thẹn trong lòng,
Năm ngày nhuộm bệnh thất tình (1) chết oan.
Thê-Loan cùng mộ Quỳnh-Trang,
Mẹ con đóng cửa cư-tang (2) trong nhà.

(1) Thất tình 失情 : Trái mất tình duyên-ái của mình.

(2) Cư tang 居喪 : Ở vậy chịu tang.

Tóm-thuật đoạn XIV.— Ông tiều công Vân-Tiên ra khỏi rừng, tới ngã ba thì gặp Hớn-Minh. Ông tiều làm-lũ đi riết. Hớn-Minh chạy theo hỏi. Vân-Tiên nghe tiếng biết Hớn-Minh. Anh em gặp nhau; mừng-rỡ. Tuy nhiên, Vân-Tiên vẫn còn sợ cái vợ Trịnh-Hám, Võ-công : « Vội mừng bạn cũ, còn ngại nỗi mình ».

Vân-Tiên thuật chuyện. Hớn-Minh cảm ơn ông tiều, ông tiều cao-thượng chối-từ ân-nghĩa, giao Vân-Tiên cho Hớn-Minh.

Anh em đem nhau về chùa — nơi Hớn-Minh ở. Thì ra Hớn-Minh không xuống thi được, chỉ vì đã gặp con một quan huyện là chàng họ Đặng, ý thể dọc ngang, bất hiệp con gái người ; nóng máu không dằn trước cảnh gai mắt trái tai, Hớn-Minh bắt Đặng-sinh vật xuống mà bẻ đi một giò, rồi ra thú

LỤC VẬN TIÊN

tội trước mặt quan huyện. Ân dày ra quận Sóc-phang. Hôn-Minh vượt ngục, rồi đem thân đã chôn tên lấp tuổi ẩn nơi chốn cửa thiền.

Vân-Tiên nghe chuyện thêm thương. Từ đó an lòng ở nơi chùa với Hôn-Minh.

Bấy giờ, nhà họ Võ đã dứt tình được với họ Lục thì lấy làm vui. Nhất là Võ Thê-Loan thì rất bằng lòng khi bỏ được Vân-Tiên; lại ao-ước sánh duyên cùng Vương Tử-Trực, ngày ngày đổi phẩn để phòng ngày bán dạng mua tình.

Vương Tử-Trực thì đau, về ghé viếng Võ-công, hỏi thăm bệnh Vân-Tiên. Họ Võ tỏ lòng thương-tiếc họ Lục đã mạng chung ! Tử-Trực đau lòng. Võ-công lại wớm ý, bày màu con gái. Tử-Trực xằng-xớm phản-đối lời lẽ bất chính. Võ-công then gục mặt cúi đầu. Võ Thê-Loan lại bước ra trêu-gheo. Tử-Trực nặng tiếng chê bai, rồi : « Tay lau nước mắt trở ra, Về nhà sắm-sửa tìm qua Đông-thành ».

Võ Thê-Loan mất mặt. Võ-công thất tình chết oan vì hồ-thẹn.

Mẹ con Thê-Loan đóng cửa chịu tang.

XV

**NGUYỆT-NGA NHÂN CỐ LỤC-ÔNG
KIỀU-CÔNG MỜI QUA, NGHE TIN
VÂN-TIÊN MẤT, BUỒN-RẦU KHÓC-THAN**

Đoạn này đến thứ Nguyệt-Nga,
Hà-khe phủ ấy theo cha học-hành.

LỤC VÂN TIÊN

Kiều-công lên chức Thái-khanh,
Chỉ sai ra quận Đông-thành chặn dân.
Ra lò khắp hết xa gần,
Hỏi thăm họ Lục tìm lần đến nơi.

1.271.—Khiến quân đem bức thư mời,
Lục-ông vâng lệnh tới nơi dinh-tiền (1).

Kiều-công hỏi Lục Vân-Tiên,
Lục-ông thấy hỏi bỗng liền khóc-than.

Thưa rằng : « Nghe tiếng đồn vang,
« Con tôi nhuộm bệnh giữa đảng bỏ thầy.
« Biệt tin từ ấy nhẫu nay,

« Phút nghe người nói châu mày lại thương ! »

Kiều-công trong dạ bàng-hoàng (2),
Trở vào nói lại cùng nàng Nguyệt-Nga :

1.281.—« Lục-ông nói lại cùng cha,
« Duyên con rày đã trời hoa đạt bèo. »

Riêng than chút phận tơ-diều,
Hàn-giang chưa gặp, Ô-kiều lại rơi !

Nàng rằng : « Phải thiệt như lời,
« Xin cha sai kẻ mời người vào trong. »

Nguyệt-Nga đứng dựa bên phòng,
Tay ôm bức tượng khóc rờng như mưa.

Công rằng : « Nào bức tượng xưa ?
« Nguyệt-Nga con khá đem đưa người nhìn. »

(1) Dinh-tiền : Trước dinh.

(2) Bàng-hoàng 傍徨 : Ý nghi-hoặc, không chủ-định.

LỤC VĂN TIÊN

1.291.—Luc-ông một buổi ngồi nhìn,
Tay-chân, vác-vác đều in con mình.
Chuyện-trò sau trước phân-minh (1),
Luc-ông khi ấy sự-tình mới hay :
« Thương con phận bạc lắm thay,
« Nguyễn xưa còn đó, con rày đi đâu ? »
Kiều-công chi xiết nỗi sầu,
Luc-ông thấy vậy thêm đau gan vàng.
Kiếm lời khuyên-giải với nàng :
« Giải cơn phiền-não (2) kéo mang lấy sầu.

1301.— « Người đời như bóng phù-du (3),
« Sớm còn tối mất, công-phu (4) lỡ-làng.
« Cũng chưa đồng-tịch, đồng-sàng (5),
« Cũng chưa nên nghĩa tào-khang (6) đâu mà !
« Cũng như cửa sổ ngựa qua,
« Nghĩ nào mà ủ mặt hoa cho phiền ? ».
Nàng rằng : « Trước đã trọn nguyên,
« Dầu thay mái tóc phải nhìn mối tơ ».

(1) Phân-minh 分明 : Rõ-ràng đầu đuôi gốc ngọn.

(2) Phiền-não 煩惱 : Buồn-rầu.

(3) Phù-du 浮屠 : Một thứ trùng nhỏ, đầu như đầu chuồn-chuồn mà nhỏ, hay bay ở gần nước, tối thì hay bay ở quanh bóng đèn, mau chết lắm.

(4) Công-phu 功夫 : Sức dùng để làm việc.

(5) Đồng tịch đồng sàng 同席同床 : Chung chiếu chung giường.

(6) Tào-khang 糟糠 : Tắm máu. Nói về đạo vợ chồng.

LỤC VÂN TIÊN

Công rằng : Chút nặng tình xưa,
Bèn đem tiền bạc tạ đưa cho người.

1811.— Lục-ông cáo-tạ (1) xin lui :

« Tôi đâu dám chịu của người làm chi ?
« Ngõ là còn trẻ mất đi,
« Hay đâu cốt-cách (2) còn ghi tượng này.
« Bây giờ con lại thấy đây,
« Tấm lòng thương nhớ dễ khuấy đặng nào ?».

Ngửa than : « Đắt rộng trời cao,
« Tre còn măng mắt lẽ nào cho cật ».

Lục-ông từ-tạ (3) lui chân,
Kiêu-công sai kẻ gia-thần (4) đưa sang.

1821.— Nguyệt-Nga nhuộm bệnh thổ-than,
Năm canh lụy ngọc xoắn-xang lòng vàng.

Nhớ khi thề-thốt giữa đàng,
Chưa người nổi thắm, lại vương lấy sầu.
Công đà chờ đợi bấy lâu,
Thà không cho gặp buổi đầu thì thôi.

Biết nhau chưa đặng mấy hồi,
Kẻ còn người mất, trời ôi là trời !
Thuở xưa giữ dạ ghi lời,
Thương người quân-tử biết đời nào phai?.

(1) Cáo-tạ 告謝 : Xin cảm ơn mà từ-chối ra về.

(2) Cốt-cách 骨格 : Dáng-diệu.

(3) Từ-tạ 辭謝 : Từ-chối, cảm ơn.

(4) Gia-thần 家臣 : Tớ nhà quan.

LỤC VÂN TIÊN

1.331.—Tiếc thay một dự anh-tài,

Việc văn, việc võ, nào ai dám bi ?

Thương vì đèn sách lòng ghi,

Uổng công nào thấy tiếng gì là đầu !

Thương vì hai tám trên đầu,

Người đời như bóng phù-du (1) lữ-làng. . .

Thương vì chưa đặng hiền-vang,

Nước trôi sự nghiệp, hoa tàn công-danh.

Thương vì đôi lứa chưa thành,

Vua hương bát nước ai dành ngày sau.

1.341.—Năm canh chẳng ngọt giọt châu,

Mặt nhìn bức tượng ruột đau như dẫu.

Dương-gian (2) nay chẳng đặng gần,

Âm-cung (3) biết có thành thân chẳng là ?

Kiều-công thức dậy bước ra,

Nghè con than-khóc xót-xa lòng vàng.

Khuyên rằng : « Con chờ cứu-mang,

« Gẫm trong còn mắt là đường xưa nay.

« Đàn cầm ai khéo dứt dây,

« Chẳng qua con tạo đời xây không thường.»

1.351.—Nàng rằng : « Khôn xiết nỗi thương,

« Khi không gãy cánh giữa đường ai hay.

(1) Phù-du : Xem chú-thích 3 trang 116.

(2) Dương-gian 陽間 : Khoảng dương. Cõi dương.
Cõi đời.

(3) Âm-Cung 陰宮 : Cõi âm.

LỤC VÂN TIÊN

« Nay đà loan-phụng (1) rẽ bầy,
« Nệm nghiêng gối chích phận này đã cam.
« Trăm năm thề chẳng lòng phàm,
« Sông Ngân (2) đưa bạn cầu Lam (3) rước
người.
• « Thân con còn đứng giữa trời,
« Xin thờ bức tượng trọn đời thời thôi.»
Kiều-công trong dạ chẳng vui :
« Con đành giữ tiết trọn đời hay sao ? »

(1) Loan-phụng 鸞鳳 : Chim loan và chim phượng, thường dùng để ví vợ chồng đẹp lứa.

(2) Sông Ngân : Nơi quạ đen bắc cầu cho Ngưu-Lang Chức-nữ gặp nhau, mỗi năm vào đêm mồng 7 tháng 7.

(3) Cầu Lam : Nơi Bùi-Hàng gặp nàng tiên Vân-Anh.

Tóm-thuật đoạn XV. — Đây nói về Nguyệt-Nga từ xa cách Vân-Tiên, lòng vẫn thương nhớ họ Lục.

Kiều-công được lên chức Thái-khanh, chỉ sai ra chẵn dân ở quận Đông-thành. Nhân dịp, Kiều-công bèn ra tờ hỏi thăm nhà họ Lục, tìm lần đến nơi, đưa thư mời.

Lục-ông đến viếng Kiều-công. Kiều-công hỏi Lục Vân-Tiên. Lục-ông khóc, bày-tỏ sự nghe đồn-dãi Vân-Tiên đã chết. Từ ấy đến nay bất tin.

Kiều-công vào trong nói lại cho Nguyệt-Nga hay. Nguyệt-Nga xin cha cho rước Lục-ông vào trong,

LỤC VÂN TIÊN

rồi tay ôm bức tượng Vân-Tiên, đứng dựa bên phòng mà khóc ròng.

Lục-ông thấy tượng thêm nhờ con, biết cái tình của Nguyệt-Nga, lại thêm cảm-dộng.

Kiều-công định đem vàng bạc tạ ơn. Lục-ông chối-từ không nhận, xin về.

Nguyệt-Nga đêm ngày phiền-não thổ-than. Kiêu-công lo sợ cho con, hết lòng khuyên-giải.

Nguyệt-Nga chỉ quyết ngổ tâm-sự cùng cha :

« Thân con còn đứng giữa trời,

« Xin thờ bức tượng trọn đời thời thời ».

Thấy con đành giữ tiết trọn đời, Kiêu-công trong dạ ngậm-ngùi.

XVI

**THÁI-SƯ ĐI NÓI NGUYỆT-NGA CHO
CON KHÔNG ĐƯỢC, NÊN OÁN MÀ XIN VUA
ĐÒI ĐI CÔNG-HỒ BÊN NƯỚC Ô-QUA**

1.361.—Có người sang cả ngôi cao,
Thái-sư chức trọng trong trào sắc phong;
Nghe đồn con gái Kiêu-công,
Nay mười sáu tuổi tư-hồng chưa vương.
Thái-sư dùng lễ-vật sang,
Mượn người mai-chước (1) kết đảng sui-gia.

(1) Mai-chước : Môi-chước 媒妁 : Người làm mối trong cuộc hôn-nhân.

LỤC VĂN TIÊN

Kiều-công khôn ép Nguyệt-Nga,
Lễ-nghi (1) đưa lại về nhà Thái-sư.

Thái-sư chẳng biết rộng suy,
Đem lòng oán-hận sớm ghi vào lòng.

1.871.—Phút đầu giặc mọi làm hung,
Lung-lăng nét dữ binh-nhung dấy-loàn.

Đánh vào tới ải Đồng-quan,
Sở-vương phán hỏi lưỡng ban quân-thần (2)
Sao cho vững nước an-dân,

Các quan ai biết mưu thần bày ra.

Thái-sư nhớ việc cừu (3) nhà,
Vội-vàng qui xuống tàu qua ngai vàng :

« Thuở xưa giặc mọi dấy-loàn,
« Vì ham sắc tốt phá tàn Trung-hoa.

1.881—« Muốn cho khỏi giặc Ô-qua,
« Đưa con gái tốt giao-hoà thời xong.

« Nguyệt-Nga là gái Kiều-công,
« Tuổi vừa hai tám má hồng đương xinh.

« Nàng đã có sắc khuynh-thành (4),
« Lại thêm rất bậc tài-tình hào-hoa (5).

(1) Lễ-nghi 禮儀 : Nghi-thức về việc lễ.

(2) Lưỡng ban quân-thần 兩班羣臣 : Bầy tôi trong hai ban (văn, võ).

(3) Cừu 仇 : Thù-hận.

(4) Khuynh-thành 傾城 : Nghiêng thành.

(5) Hào-hoa 豪華 : Hào-phóng.

LỤC VÂN TIÊN

« Đưa nàng về nước Ô-qua,

« Phiên-vương ưng dạ ắt là bãi binh (1) ».

Sở-vương nghe tấu thuận tình,

Châu phê dạy sứ ra dinh Đông-thành.

1.391.— Sắc phong Kiều-lão Thái-khanh :

« Việc trong nhà nước đã dành cậy người.

« Nguyệt-Nga nàng ấy nên người,

« Lựa ngày tháng chín, hai-mươi cống Hồ ».

Kiều-công vâng lệnh nhà vua,

Lẽ nào mà dám nói phô điều nào.

Nguyệt-Nga trong dạ như bào,

Canh chầy chẳng ngủ những thao-thức hoài.

Thất tình (2) trăm nọ biếng cái,

Dựa mình bỏ xả tóc dài ngồi lo :

1.401.— « Chiêu-quân xưa cũng cống Hồ,

« Bởi người Diên-Thọ họa đồ gây nên.

« Hạnh-Ngươn sau cũng khỏi miền,

« Bởi chưng Lưu-Kỷ cự hiềm (3) còn ghi.

« Hai nàng chẳng-đã phải đi,

« Một là ngay chúa, một vì thảo cha.

« Chiêu-quân nhảy xuống giang-hà (4),

« Thương vua nhà Hớn, vốn đã quyền sinh (5).

(1) Bãi binh 罷兵 : Không tiến binh nữa.

(2) Thất tình 失情 : Mất sự luyện-ái đâm ra ngo-ngân.

(3) Cự-hiềm 舊嫌 : Mối hiềm khích cũ.

(4) Giang-hà 江河 : Sông.

(5) Quyền-sinh 捐生 : Quên, bỏ cái sống.

« Hạnh-Nguồn nhảy xuống Tri-linh,
« Thương người Lương-Ngọc duyên lành phối-
pha.

1.411.— « Tôi nay phận bạc là ta,

«Nguyện cùng bức tượng trót đã chung thân (1).

« Tình phu-phụ (2), nghĩa quân-thần (3),

« Nghĩa xa cũng trọn, ơn gần cũng nên.

« Nghĩa tình nặng cả hai bên,

« Nếu ngay cùng chúa lại quên ơn chồng.

« Sao sao một thác thời xong,

« Lấy mình báo chúa (4), lấy lòng sự phu (5)».

Kiều-công nương gối đang lo,

Nghे con than-thở mấy câu thêm phiền.

1.421.—Kêu vào ngồi dựa trước tiên (6),

Lấy lời dạy-dỗ cho tuyền (7) thân-danh (8).

« Chẳng hay là việc triều-đình,

« Nào cha có muốn ép tình chi con?»

Nàng rằng : « Còn kẻ chi con,

« Bơ-vơ chút phận mắt còn quần bao.

(1) Chung thân 終身 : Trọn đời.

(2) Phu-phụ 夫婦 : Vợ chồng.

(3) Quân-thần 君臣 : Vua tôi.

(4) Báo chúa 報主 : Đền ơn chúa.

(5) Sự phu 事夫 : Thờ chồng.

(6) Trước tiên 帳前 : Trước trước.

(7) Tuyền (Toàn) 全 : Trọn vẹn.

(8) Thân-danh 身名 : Cái thân và danh-dự.

« Thường cha tuổi-tác đã cao,
« E khi ấm-lạnh buổi nào biết đâu.
« Tuổi già bóng xế nhánh dâu,
« Sớm xem tối xét ai hầu cho cha ?»

1.431.— Công rằng : « Chẳng sá việc nhà,
« Hãy an dạ trẻ mà qua nước người.
« Hôm nay đã tới mồng mười,
« Khá toan sắm-sửa hai mươi tống-hành.» (1)
Nàng rằng : « Việc ấy đã đành,
« Còn lo hai chữ ân-tình (2) cho xong.
« Con xin sang lạy Lục-ông,
« Làm chay bảy bữa trọn cùng Vân-Tiên.
« Ngổ cho nhân-nghĩa vẹn tuyền (3),
« Phòng sau xuống chốn huỳnh-tuyền (4) gặp
nhau ».

1.441.—Kiều-công biết nghĩ trước sau,
Dạy đem tiền bạc cấp hầu (5) đưa đi.
Lục-ông ra rước một khi,
Nguyệt-Nga vào đặt lễ-nghi (6) sẵn-sàng.

(1) Tống-hành 送行 : Tiến đi.

(2) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ và tình-cảm.

(3) Tuyền (Toàn).

(4) Huỳnh-tuyền 黃泉 : Suối vàng.

(5) Hầu : Người theo hầu-hạ.

(6) Lễ-nghi : Xem chú-thích 1 ở trang 121.

LỤC VÂN TIÊN

Ngày lành giờ ngo dăng đàn (1),
Ăn chay nằm đất cho chàng Vân-Tiên.
Mở ra bức tượng treo lên,
Trong nhà cho tới láng-giềng đều thương.
Nguyệt-Nga cất tiếng khóc-than :
« Vân-Tiên anh hỡi tuổi vàng có hay ? »

1.451.— Bấy ngày rồi việc làm chay,
Lại đem tiền bạc tạ rày Lục-ông :
« Trông chồng mà chẳng thấy chồng,
« Đã dành một chữ má hồng vô duyên.
« Rày vua gả thiệp về Phiên,
« Quyết lòng xuống chốn cửu-tuyền (2) thấy
nhau.

« Chẳng chi cũng gọi là dân,
« Muốn lo việc nước, phải âu đạo nhà.
« Một ngày một bước một xa,
« Cửa này để lại cho cha dưỡng già ».

1.461.— Lạy rồi nước mắt nhỏ sa,
Ngùi-ngùi lạy tạ bước ra trở về.
Các quan xe-giá bộn-bề,
Năm-mươi thê-nữ (3) hầu kẻ chun tay.

(1) Dăng-dàn 登壇 : Lên đài tế-lễ.

(2) Cửu-tuyền 九泉 : Chín suối. Âm-phủ.

(3) Thê-nữ 彩女 : Con gái hầu-hạ ở trong cung nhà vua

LỤC VÂN TIÊN

Hai-mươi nay đã đến ngày,
Các quan bảo-hộ (1) đưa ngay xuống thuyền.
Nguyệt-Nga vội khiến Kim-Liên,
Lên mời thân-phụ (2) xuống thuyền xem qua.
Công rằng : « Thật dạ xót-xa,
« Con còn dùng-thẳng cho cha thăm-sầu ».

1471.— Nàng rằng : « Non nước cao sâu,
« Từ đây cách khỏi, khôn hầu thấy cha.
« Thân con về nước Ô-qua,
« Đã đành một nỗi làm ma đất người.
« Hai phương nam bắc cách vời,
« Chút xin gửi lại một lời làm khuây.
« Hiu-hiu gió thổi ngọn cây,
« Ấy là hồn trẻ về rày thăm cha ».
Kiều-công hạt lụy uỏ sa,
Các quan ai nấy cũng là tình thương.

1481.— Chẳng qua việc ở quân-vương (3),
Cho nên phụ-tử (4) hai đường xa-xuôi.
Buồm trương, thuyền vội tách vời,
Các quan đưa-đón người người đứng trông.

(1) Bảo-hộ 保護 : Che-chở giữ-gìn.

(2) Thân-phụ 親父 : Cha.

(3) Quân-vương 君王 : Vua.

(4) Phụ-tử 父子 : Cha con.

LỤC VÂN TIÊN

Mười ngày đã tới ải Đồng,
Mênh-mông biển rộng ùng-ùng sóng xao.

Tóm-thuật đoạn XVI.— Nghe đồn con gái Kiều-công là nàng Kiều Nguyệt-Nga sắc nước hương trời, Thái-sư bèn cầu hôn. Kiều-công không ép con. Thái-sư hôn.

Xảy có giặc Ô-qua dấy-loạn. Sở-vương truyền chỉ cho các quan lo mưu.

Thái-sư nhớ hiềm-khích cũ, tâu xin vua bảo Kiều-công đưa Nguyệt-Nga cống Hồ.

Nguyệt-Nga ngùn-ngụt thảm-sầu. Trước ngày ra đi, nàng xin cha cho sang nhà Lục-ông, trải tượng Vân-Tiên treo lên, lên đài tế-lễ, ăn chay năm đất, khóc bạn tình trọn bảy ngày, rồi lại đem tiền-bạc dâng lên Lục-ông :

« . . . Chẳng chi cũng gọi là dâu,

Của này để lại cho cha dưỡng già.»

Ai nấy đều thương.

Ngày hai-mươi, thuyền đưa Nguyệt-Nga và tó gái thân-tín là Kim-Liên, cùng năm-mươi thê-nữ lên đường cống Hồ.

Kiều-công mủi lòng. Nguyệt-Nga tan-nát tâm-tinh.

Trải mười ngày, thuyền tới ải Đồng-quan.

XVII

NGUYỆT-NGA NHẢY XUỐNG SÔNG
NHỜ QUAN-ÂM ĐEM VÔ BỜ, VÀO VƯỜN
GẶP BÙI-ÔNG ĐEM VỀ NUÔI,
BỊ BÙI-KIỆM DỠ NGON DỠ NGỌT.

Đêm nay chẳng biết đêm nào,
Bóng trăng vặc-vặc, bóng sao mờ-mờ.

Trên trời lặng-lẽ như tờ,
Nguyệt-Nga nhớ nổi tóc-ơ chẳng tròn.

1.491.—Than rằng : « Nọ nước kia non,
« Cảnh thời thấy đó, người còn về đâu ? »
Quân hầu đều ngủ đã lâu.

Lén ra mở bức rèm châu một mình :

« Vắng người có bóng trăng thanh,
« Trăm năm xin gửi chút tình lại đây.
« Vân-Tiên anh hỏi có hay,
« Thiếp nguyện một tấm lòng ngay với chàng.»

Than rồi lấy tượng vai mang.

Nhắm chừng nước chảy vội-vàng nhảy ngay

1.501.—Kim-Liên thức dậy mới hay,
Cùng quân thế-nữ một bài đều lo.
Cùng nhau lặng chẳng dám ho,
Thăm toan mưu-kẻ chẳng cho lậu (1) tình.

(1) Lậu 滲 · Tiết-lộ việc kín.

LỤC VÂN TIÊN

Việc này là việc triều-dinh,
Đốc-quan hay dặng ắt mình thác oan.

Muốn cho cần-nhiệm (1) trăm đà ng,
Kim-Liên thế lấy làm nàng Nguyệt-Nga.

Trá hôn (2) về nước Ô-qua,
Ai mà vạch lá, ai mà tìm sâu ?

1.511.—Tỉnh rồi xong-xả chước mầu,
Phút nghe thuyền đã đến đầu Ái-quan.

Đốc-quan xe giá (3) sửa-sang,
Kiệu trương lọng phụng rước nàng về Phiên.

Nào hay tử-tất Kim-Liên,
Đặng làm Hoàng-Hậu (4) nước Phiên một đời.

Nguyệt-Nga nhảy xuống giữa vời,
Sóng thần đưa-đẩy vào nơi bãi rày.

Bóng trắng vừa khuất ngọn cây,
Nguyệt-Nga hồn hãy chơi rày Âm-cung (5).

1.521.— Xiết bao sương tuyết đêm đông,
Mình nằm giữa bãi lạnh-lùng ai hay ?

Quan-âm thương đứng thảo ngay,
Bèn đem nàng lại bỏ rày vườn hoa.

(1) Cần-nhiệm 謹任 : Cần-thận, nhiệm-nhật.

(2) Trá hôn 詐婚 : Cưới gả không có người thật đã định.

(3) Giá : Xe dùng cho bậc cao-cả.

(4) Hoàng-hậu 皇后 : Vợ vua.

(5) Âm-cung 陰宮 : Cõi âm. Cõi chết.

LỤC VÂN TIÊN

Dẫn rằng : « Nàng hỏi Nguyệt-Nga !

« Tìm nơi nương-náu cho qua tháng ngày.

« Đồi ba năm nữa gần đây,

« Vợ chồng sao cũng sum-vầy một nơi ».

Nguyệt-Nga giây phút tỉnh hơi,

Định hồn (1) mới nghĩ mấy lời chiêm-bao.

1.531.— Nên hư chưa biết làm sao,

Bây giờ biết kiếm chốn nào dung thân (2) ?

Một mình luống những bàng-khuàng,

Phút đầu trời đã rạng hừng vừng đông.

Một mình mang bức tượng chồng,

Xảy đầu lại gặp Bùi-ông dạo vườn.

Ông rằng : « Nàng ở hà phương,

« Việc chi mà tới trong vườn hoa ta ? ».

Nàng rằng : « Trận gió thổi qua,

« Chim thuyền nên nổi mình ra thế này.

1.541.— « Tối-tăm sây bước tới đây,

« Xin soi-xét tới thơ-ngây lạc đường ».

Bùi-ông đứng nhắm tưởng nàng,

Chẳng phen đài-các (3) cũng hàng trâm-anh (4)

(1) Định hồn 定魂 : Hồn được yên-lặng lại.

(2) Dung thân 容身 : Yên thân.

(3) Đài-các 臺閣 : Cái nền cao và cái lầu cao. Người giàu-sang.

(4) Trâm-anh 簪纓 : Cái gài tóc và cái giải mũ. Nhà sang-cả.

LỤC VĂN TIÊN

Đầu đuôi han-hỏi sự tình,
Nàng bèn lời thiệt việc mình bày qua.

Bùi-ông mừng rước về nhà,
Thay xiêm đổi áo nuôi mà làm con :

« Ta cũng sinh một chồi non,
« Tên là Bùi-Kiệm hãy còn ở kinh.

1.551.—« Trong nhà không gái hậu-sinh (1),
« Ngày nay lại gặp minh-linh (2) phước trời.»

Nguyệt-Nga ở đã an nơi,
Đêm-dêm ughĩ lượng việc đời gần xa.

Một lo về nước Ô-qua,
E vua bắt tội cha già rất oan.

Hai lo phận gái hồng-nhan,
Sợ khi bảo-dưỡng (3) mưu-toan lẽ gì,
Nguyệt-nga lưỡng những sầu bi (4),
Xảy đâu Bùi-Kiệm tới khi về nhà.

1.561.—Từ ngày thấy mặt Nguyệt-Nga,
Đêm-dêm trần-trọc phòng hoa mấy lần.

Thấy nàng thờ bức tượng nhân (5),
Nghiệm trong tình-ý dần-lân hỏi liền :

(1) Hậu-sinh 後生 : Trẻ sinh sau.

(2) Minh-linh 螟蛉 : Con nuôi.

(3) Bảo-dưỡng 保養 : Giữ-gìn nuôi-nấng.

(4) Sầu-bi 愁悲 : Rầu-buồn.

(5) Tượng-nhân 像人 : Tượng người ta.

LỤC VÂN TIÊN

« Tượng này sao giống Vân-Tiên ?

« Bấy lâu thờ có linh-thiên điều gì ? »

Nàng rằng : « Làm phận nữ-nhi (1),

« Một câu chánh-tiết (2) phải ghi vào lòng.

« Trăm năm cho trọn đạo tông (3),

« Sống sao thác vậy một chồng mà thôi ».

1.571.— Kiệm rằng : « Nàng nói sai rồi,

« Ai từng bán đất mà ngồi chợ trưa ?

« Làm người trong cõi gió mưa,

« Bảy-mươi mấy mặt người xưa thể nào.

« Chúa xuân còn ở vườn đào,

« Ong qua bướm lại biết bao nhiêu lần.

« Chúa đông ra khỏi vườn xuân,

« Hoa tàn nhụy rữa như rừng bỏ hoang.

« Ở đời ai cậy giàu-sang,

« Ba xuân dẫu hết ngàn vàng khôn mua.

1.581.— « Hay chi như vãi ở chùa,

« Một căn cửa khép bốn mùa lạnh-tanh.

« Lênh-dênh một chiếc thuyền tình,

(1) Nữ-nhi 女兒 : Con gái.

(2) Chánh-tiết 正節 : Tiết ngay-thẳng, trong-sạch.

(3) Tông 從 : Tam tông : nhỏ theo cha, lớn theo chồng, chồng chết theo con.

LỤC VÂN TIÊN

« Mười hai bến nước (1) biết mình vào đâu ?

« Ai từng mặc áo không bầu,

« Ăn cơm không đũa, ăn trà không cau ?

« Nàng sao chẳng nghĩ trước sau,

« Giữ ôm bức tượng bấy lâu thiệt mình ».

Nàng rằng : « Xưa học sử-kinh (2),

« Làm thân con gái chữ trinh làm đầu.

1.591.— « Chẳng phen thói nước Trịnh đầu (3),

« Hẹn người tới cửa vườn dâu tư-tình (4) ».

Kiểm rằng : « Đã biết sử-kinh,

« Sao không soi-xét đề mình ngồi không.

« Hồ-vương xưa mới góa chồng,

« Còn mơ nhan-sắc Tống-công cũng vừa.

« Hạ-Cơ lớn nhỏ cũng tra,

« Sớm đưa Doãn-Phủ tới ngựa Trần-quân.

« Hán xưa Lữ-hậu thanh-xuân (5),

« Còn vừa Cao-tổ mấy đành Dị-Ky.

(1) Mười-hai bến nước : Ý nói 12 hạng người trong xã-hội mà thời xưa đã sắp : Sĩ, nông, công, thương ; ngư, tiều, canh, mục ; công, hầu, bá, tử. Nói gồm lại là chỉ về các hạng, mà may rủi cho đời người con gái, trong nhờ đục chịu.

(2) Sử-kinh 史經 : Lịch-sử và kinh sách.

(3, 4) Thói dâm.

(5) Thanh-xuân 青春 : Tuổi trẻ. Tuổi xanh. Xuân-xanh.

LỤC VĂN TIÊN

1.601.— « Đường xưa Võ-hậu thiết gì,

« Di-tôn khi trẻ, Tam-Tur lúc già.

« Cừ trong sách-vở nói ra,

« Một đời sung-sướng cũng qua một đời.

« Chính-chuyên làm sự đời đời,

« Lãng vãn trác nét hết đời cũng ma.

« Người ta chẳng lấy người ta,

« Người ta đâu lấy những là tượng-nhân (1) ?

« Cho nên tiếc phận hồng-nhan,

« Học đời Như-Ý vẽ chàng Văn-Quân ».

1.611.— Nguyệt-Nga biết đưa tiểu nhân (2),

Làm thình toan chước thoát thân (3) cho rồi.

Bùi-ông ngon-ngọt trau-dồi,

Muốn nàng cho đặng sánh đôi con mình.

« Làm người chấp-nhất (4) sao đành,

« Hễ là lịch-sự (5) có kinh (6), có quyền (7).

« Tới đây duyên đã bén duyên,

« Trăng thanh gió mát cảm thuyền chờ ai ?

(1) Tượng người.

(2) Tiểu-nhân 小人 : Người nhỏ-mọn.

(3) Thoát thân 脫身 : Đem thân ra khỏi cảnh nghịch.

(4) Chấp nhất 執壹 : Cố-chấp không đổi ý-kiến.

(5) Lịch-sự 歷事 : Trải việc đời, việc gì cũng biết. Nay ta thường dùng theo nghĩa sắc-đẹp, hoặc giao-thiệp khôn-khéo.

(6) Kinh 經 : Đạo dùng khi thường.

(7) Quyền 權 : Đạo dùng khi biến.

LỤC VÂN TIÊN

« Nhớ câu : Xuân bất tái-lai (1),

« Ngày nay hoa nở, e mai hoa tàn.

1.621.— « Làm chi thiệt mạng hồng-nhan,

« Năm canh gối phụng, màn loan lạnh-lùng.

« Vọng-Phu xưa cũng trông chông,

« Ngày xanh mòn-mỏi má hồng phôi-pha.

« Thôi thôi khuyên chớ thử ra,

« Vầy cùng con lão một nhà cho xuôi ».

Nguyệt-Nga giả dạng mừng-vui,

Thưa rằng : « Người có công nuôi bấy chầy.

« Tôi xin dám gởi lời này,

« Hãy tua chậm-chậm sẽ vầy nhân-duyên.

1.631.— « Tôi vào lay tạ Vân-Tiên,

« Chạy đàn bảy bữa cho tuyền thi-chung ».

Cha con thấy nói mừng lòng,

Dọn nhà sửa chỗ động phòng (2) cho xuê.

Chiếu hoa gối sách bện-bề,

Cổ đồ bát bửu (3) mượn về chung ra.

(1) Xuân bất tái-lai 春不再來 : Xuân chẳng trở lại.

(2) Động phòng 洞房 : Cái phòng sâu-kín. Cái phòng của vợ chồng mới cưới.

(3) Bát-bửu : Tám món báu.

Tóm-thuật đoạn XVII.— Nguyệt-Nga khổ-sở tâm-tư. Đêm khuya mọi người đều an-giấc. Vắng người, có bóng trăng thanh, Nguyệt-Nga trần-trọc

LỤC VÂN TIÊN

thầu canh, mở bức rèm châu ngồi lặng một mình nghĩ buồn nổi tóc-tơ chưa lộn, rồi gieo mình dưới dòng sâu : « Trăm năm xin gửi chút tình lại đây ».

Nhưng sóng thần đưa-đầy xác Nguyệt-Nga vào bãi. Và Phật-bà Quan-âm thương gái trinh-tiết, bèn đem nàng bỏ vào vườn hoa, dặn hãy tìm nơi nương-náu, trong đôi ba năm nữa vợ chồng sẽ gặp nhau.

Bùi-ông dạo vườn xảy gặp Nguyệt-Nga, hỏi-han tự-sự rồi nuôi Nguyệt-Nga làm con.

Bùi-Kiệm — con Bùi-ông — thi rớt trở về. Thấy nhan-sắc Nguyệt-Nga, Bùi-Kiệm dồ ngon dồ ngọt. Nguyệt-Nga dùng lời lẽ nghiêm-chỉnh phản-đối. Bùi-Kiệm vẫn dở thói bồm-som, Nguyệt-Nga biết dựa tiểu-nhân, không thềm nói với nữa. Nhưng Bùi-ông lại cố ép Nguyệt-Nga nên lấy Bùi-Kiệm cho vui nhà.

Nguyệt-Nga giả ý thuận tòng, xin làm chay Vân-Tiên bảy bữa rồi sẽ tỉnh. Nhà họ Bùi rộn-rịp sửa-sang.

XVIII

NGUYỆT-NGA TRỐN HỌ BÙI, LÃO-BÀ GẶP ĐEM VỀ NUÔI

Xảy vừa tới lúc canh ba,

Nguyệt-Nga lấy bút đề vài câu thơ.

Dán trong vách phấn một tờ,

Vai mang bức tượng kịp giờ ra đi.

1.641.—Hai bên bờ-bụi rầm-ri,

Đêm khuya vắng-vẻ gặp khi trăng lờ.

Lạ chừng đường sá bơ-vơ,
Có bầy đom-đóm sáng nhờ đi theo.
Qua trướng rồi lại lên đèo,
Để kêu giăng-giỏi, sương gieo lạnh-lùng.
Dày sành đập sỏi thẳng xông,
Vừa may trời đã vừng đông lỗ đầu.
Nguyệt-Nga đi dặng hồi lâu,
Tim nơi bàn thạch ngộ hầu nghĩ chun.

1.651.—Người ngay trời phật cũng vung,
Lão bà chống gậy trong rừng bước ra.
Hỏi rằng : « Nàng phải Nguyệt-Nga,
« Khá tua găng-gượng về nhà cùng ta.
« Khi khuya nằm thấy Phật-bà,
« Người đà mách-báo nên già phải đi.»
Nguyệt-Nga bán tin, bán nghi (1),
Đánh liều nhắm mắt theo đi về nhà.
Bước vào thấy những đàn-bà,
Làm nghề bó-vải lụa-là mà thôi.

1.661.—Nguyệt-Nga đành dạ ở rồi,
Từ đây mới hết nổi-trời chốn nào.
Hỏi thăm qua chốn Ô-sào,
Quan-san (2) mấy dặm đi nào tới nơi.

(1) Bán tin bán nghi 半信半疑 : Nửa tin nửa ngờ.

(2) Quan-san 關山 : Cửa ải và núi non. Nơi xa-xuôi.

LỤC VÂN TIÊN

Tóm-thuật đoạn XVIII.— Canh ba đêm ấy, Nguyệt-Nga lấy bút đề vài câu thơ trên giấy, đem dán lên vách nhà Bùi-ông, rồi vai mang bức tượng Vân-Tiên, lên ra đi.

Đêm khuya vắng-vẻ, lạ chừng đùng-sá bơ-vơ, nhưng Nguyệt-Nga quyết chí thà đi mà chết hơn ở cùng tiểu-nhân.

Bầy đóm-đốm nháng ánh lập-lòe. Nguyệt-Nga nương theo ánh đóm dưới trăng mờ chấp-choạng đi.

Đến hừng đông, Nguyệt-Nga xảy gặp một bà lão trong rừng chống gậy bước ra, nói rằng đến đón Nguyệt-Nga về nhà, vì có lời của Phật-bà Quan-âm mách bảo.

Nguyệt-Nga nửa tin nửa ngờ, nhưng cũng đánh liều nhắm mắt theo bà lão về nhà.

Ấy là nơi làm nghề bó-vải lụa-là, trong nhà chỉ toàn có đàn-bà không mà thôi. Nguyệt-Nga vững dạ gỡ thân.

Từ đây mới hết nỗi-trời.

XIX

VÂN-TIÊN NHỜ THUỐC TIÊN SÁNG MẮT, BỎ CHÙA, TỪ HỚN-MINH ĐI VỀ THĂM CHA

Đoạn này tới thứ ra đời,
Vân-Tiên thuở ấy ở nơi chùa-chiền.
Nửa đêm nằm thấy ông tiên,

LỤC VÂN TIÊN

Đem cho chén thuốc mắt liền sáng ra.
Kê từ nhuộm bệnh đường xa,
Tháng ngày thắm-thoát kê đà sáu năm.

1.671.— Tuổi cha rày đã năm lăm,
Chạnh lòng nhớ tới dầm-dầm nhỏ sa.
Vân-Tiên tính trở lại nhà,
Hơn-Minh đưa khỏi năm ba dặm đường.
Tiên rằng : «Ta lại hồi hương (1),
« Ôn nhau sau gặp khoa-trường (2) sẽ hay.»
Minh rằng : « Tôi vốn chẳng may,
« Ngày xưa mắc phải án đày trốn đi.
« Dám đâu bày mặt ra thi,
« Đã đành hai chữ qui-y (3) chùa này.»

1.681—Tiên rằng : « Phước gặp khoa này,
« Sao sao cũng tính sum-vầy cùng nhau.
« Mấy năm hằm-hút tương rau,
« Khó-ghèo nữ phụ, sang-giàu đâu quên.
« Lúc hư còn có lúc nên,
« Khuyên người giữ dạ cho bền thảo ngay.»
Hơn-Minh trở lại am mây,
Vân-Tiên về một tháng chầy tới nơi.

(1) Hồi hương 回鄉 : Về làng.

(2) Khoa trường 科場 : Trường thi.

(3) Qui-y 歸依 (hoặc viết là 皈依): Tin theo tông-giáo.

LỤC VÂN TIÊN

Lục-ông nước mắt tuôn rơi,
Ai dè con sống trên đời thấy cha.

1.691.— Xóm-giềng cô-bác gần xa,
Đều mừng chạy tới chậ nhà hỏi thăm.
Ông rằng : « Kê đã mấy năm,
« Con mang tật bệnh ăn-nằm nơi nao ? ».
Thưa rằng : « Hoạn-nạn xiết bao,
« Mẹ tôi phần mộ (1) nơi nào viếng-an ? ».
Đặt bày lễ-vật (2) nghiêm-trang (3),
Đọc bài văn-tế (4) trước bàn minh-sinh (5).
« Suối vàng hồn mẹ có linh,
« Chứng cho con trẻ lòng thành ngày nay.

1.701.— « Tưởng bề nguồn nước cội cây,
« Công sâu ngàn trượng, ngài dày chín trắng.
« Suy trang năm giá (6) khóc măng (7),
« Hai-mươi bốn thảo chẳng bằng đời xưa ».

(1) Phần mộ 墳墓 : Mộ-mả.

(2) Lễ-vật 禮物 : Đồ vật dùng trong việc cúng-kiếng.

(3) Nghiêm-trang : 嚴莊.

(4) Văn-tế 文祭 : Văn dùng vào việc tế-lễ.

(5) Minh-sinh (tinh) 銘旌 : Miếng lụa dài có viết tên họ và chức-hàm của người chết. Cũng viết là 明旌.

(6-7) Hai người có hiếu trong 24 nhân-vật có hiếu đã ghi vào sách xưa. Một người thì đang giữa mùa đông, tuyết giá, mẹ thềm cá, chịu trăm mình năm trên giá để kiếm cá đem dâng mẹ. Một thì lúc mẹ thềm măng, ra đứng khóc ở bụi tre để cầu măng mọc, khổ công kiếm măng trong lúc hiếm.

LỤC VÂN TIÊN

Vân-Tiên nước mắt như mưa,
Tế rồi hỏi việc khi xưa ở nhà.

Ông rằng : « Có nàng Nguyệt-Nga,
« Bạc tiền đem giúp cửa nhà mới xuê.

« Nhờ nàng nên mới ra bề,
« Chẳng thì khó đỏi bỏ quê hư rồi ».

1.711.— Vân-Tiên nghe nói hỏi ôi !

Chạnh lòng nghĩ lại một hồi giây lâu.

Hỏi rằng : « Nàng ấy ở đâu ?

« Đặng con đến đó đáp câu ân-tình (1) ».

Lục-ông thuật việc triều-đình,

Đầu-đuôi chuyện-văn tỏ tình cùng Tiên :

« Kiều-công rày ở Tây-xuyên,

« Cũng vì mắc nịnh biếm quyền (2) đuổi ra ».

Tiên rằng : « Cảm nghĩa Nguyệt-Nga,

« Tôi xin qua đó thăm cha nàng cùng ».

1.721.— Tây-xuyên ngàn dặm thẳng xông,

Đến nơi ra mắt, Kiều-công khóc liền :

« Nguyệt-Nga rày ở Tây-phiên,

« Biết sao cho đặng đoàn-viên (3) cùng chàng.

« Mấy thu Hồ Việt (4) đỏi phang.

(1) Ân-tình 恩情 : Ân-huệ.

(2) Biếm quyền 貶權 : Đè quyền xuống. Giáng chức quan.

(3) Đoàn-viên 團圓 : Hợp lại đầy-đủ.

(4) Hồ Việt 胡越 : Hai nước cách xa nhau lắm. Trong văn-chương thường dùng để chỉ sự cách bức.

LỤC VÂN TIÊN

« Chẳng qua máy tạo én nhàn (1) rẽ nhau.

« Thấy chàng dạ lại thêm đau,

« Đất trời bao nữ chia bầu cho đành ?

« Hẹp-hòi đặng chút nữ-sinh (2),

« Trông cho chồi quế trở nhành mẫu-đơn ».

1.731.— Nói rồi lụy nhỏ đòi cơn :

« Cùng nhau một sự oán-hờn nên gây.

« Thôi con ở lại bên này,

« Hôm mai thấy mặt cho khuấy lòng già ».

Vân-Tiên từ ấy lân-la,

Ôn-nhuần (3) kinh-sử chờ khoa từng kỳ (4).

(1) Nhàn : Do chữ nhạn 鴈 là chim nhạn.

(2) Nữ-sinh 女生 : Trẻ gái có học.

(3) Ôn-nhuần 溫潤 : Xem-xét ghi-nhớ lại nhuần-nhã.

(4) Ứng kỳ 應期 : Ra đúng lúc.

Tóm-thuật đoạn XIX.— Đây nói về Vân-Tiên từ khi ở lại chùa cùng Hôn-Minh, thăm-thoát đã 6 năm.

Tuổi cha rày đã năm lăm. Vân-Tiên chạnh lòng đòi cơn. Một đêm nằm thấy ông tiên đem cho chén thuốc, đôi mắt trở lại thâu được ánh sáng nguyên vẹn như xưa. Vân-tiên lòng mừng phơi-phới, tình việc trở về nhà.

Hôn-Minh đưa Vân-Tiên ra đi vài dặm đường. Cùng nhau từ-biệt. Vân-Tiên hẹn gặp nhau tại trường thi để toan việc trả ơn. Hôn-Minh sùi-sụt

LỤC VĂN TIÊN

phận, vì ngại trước kia đã vương án đày, khó nổi bày mặt đi thi, hẳn là đành cam gởi thân cửa thiền cho qua một kiếp.

Vân-Tiên ngậm-ngùi, khuyên Hớn-Minh hãy vững dạ thảo-ngay, lúc hư rồi sẽ có lúc nên.

Vân-Tiên về tới quê nhà. Cha con mừng khóc.

Vân-Tiên làm lễ diếu-tế mẹ, rồi hỏi thăm cha đến việc xưa.

Lục-ông thuật chuyện Nguyệt-Nga, hiếu-thảo trọn tình, Vân-Tiên cảm-dộng,

Bấy giờ Kiều-công, cha của Nguyệt-Nga, đã bị bọn gian giáng chức quan đuổi về dân, sau khi đã hại Nguyệt-Nga phải cống Hồ.

Vân-Tiên cảm nghĩa, tìm qua tới Tây-xuyên, thăm viếng Kiều-công.

Nội mừng nổi thăm, Kiều-công ân-cần nài Vân-Tiên ở tại, để hôm mai thấy mặt cho khuây lòng già,

Nổi tình, nổi hiếu, Vân-Tiên từ ấy, hết ở nhà với cha, lại lán-la thăm viếng Kiều-công, ôn-nhuần kinh-sử, rắp chí chờ khoa thi sẽ ra mặt.

XX

VÂN-TIÊN RA KINH THI ĐẬU TRẠNG- NGUYÊN — VUA SAI ĐI DẸP GIẶC Ô-QUA VỚI HỚN-MINH

Năm sau lệnh mở khoa thi,
Vân-Tiên vào tạ xin đi tựu trường.

LỤC VĂN TIÊN

Trở về thừa với xuân-đường (1),

Kinh-sư ngàn dặm một đường thẳng ra.

1.741.— Văn-Tiên dự trúng khôi-khoa (2),

Đương trong nhâm-ti thiết là năm nay.

Nhớ lời thầy nói thật hay :

« Bắc-phương gặp chuột con rày nên danh

Văn-Tiên vào tạ triều-đình,

Lệnh ban y (3) mảo cho vinh về nhà.

Xảy nghe tin giặc Ô-qua,

Phủ vây quan-ải (4) binh ba bốn ngàn.

Sở-vương phán trước ngai vàng,

Chỉ sai quốc-trạng (5) dẹp loạn (6) bầy ong.

1.751.— Trạng-nguyên (7) tâu trước bệ rồng :

« Xin dâng một tướng anh-hùng đề binh (8).

« Có người họ Hớn tên Minh,

(1) Xuân-đường 春堂 : Cha.

(2) Khôi-khoa 魁科 : Đứng đầu khoa.

(3) Y 衣 : Áo.

(4) Quan-ải 關隘 : Chỗ đất hiểm-trở ở nơi biên-giới của hai nước.

(5) Quốc-trạng 國狀 : Ông trạng của nước nhà.

(6) Loạn : Do chữ loạn 亂 : Lộn-xộn, không có trật-tự.

(7) Trạng-nguyên 狀元 : Người thi đỗ cao nhất.

(8) Đề binh 提兵 : Đem binh đi đánh.

LỤC VĂN TIÊN

« Sức đương (1) Hạng-Võ (2) mạnh kinh
Trương-Phi (3).

« Ngày xưa mắc án dày đi,

« Phải về nương-náu từ-bi (4) ầu mình ».

Sở-vương phán trước triều-đình,

Chỉ sai tha tội Hôn-Minh đòi về.

Sắc phong phó-tướng binh đề (5),

Tiên, Minh từ ấy xiết gi mừng vui.

1.781.— Nhất thính (6) phẫn phát (7) oai lời (8),
Tiên-phương (9) hậu-tập (10) trống hồi tấn binh.

Quan-sơn ngàn dặm đăng-trình (11),

Lãnh cờ binh tặc (12) phá thành Ô-quả.

(1) Đương 當: Cự, ngăn.

(2) Hạng-Võ 項羽: Một danh tướng đối đầu với Lưu-Bang, dựng ra nước Tây Sở, hiệu là Bá-Vương, sức cực kỳ mạnh.

(3) Trương-Phi 張飛: Danh tướng đời Tam-quốc, anh em kết-nghĩa với Lưu-Bị và Quan-Vũ.

(4) Từ-bi 慈悲: chỉ Phật.

(5) Đem binh đi đánh.

(6) Nhất thính 一聲: Một tiếng.

(7) Phẫn-phát 奮發: Ra sức tiến lên.

(8) Lời 雷: Sấm.

(9) Tiên-phương (phong) 先鋒: Toán quân xông trận mặt trước trong khi chiến-tranh.

(10) Hậu-tập 後襲: Toán quân ở sau chờ tiếp-cứu hoặc đánh bọc hậu.

(11) Đăng-trình 登程: Lên đường.

(12) Binh-tặc 平賊: Dẹp giặc.

LỤC VÂN TIÊN

Làm trai ơn nước nợ nhà,
Thảo cha ngay chúa mới là tài danh.

Phút đầu binh đao (1) quan thành (2),
Ô-qua xem thấy thối binh (3) di đồn (4).

Tướng Phiên hai gã đường đường (5),
Một chàng Hỏa-Hồ, một chàng Thần-Long.

1771.— Lại thêm Cốt-Đột nguyên-nhung,
Mắt hùm râu đỏ, tướng hung lạ-lùng.

Hơn-Minh ra sức tiên-phong (6),
Đánh chàng Hỏa-Hồ, Thần-Long một hồi.

Hơn-Minh đánh xuống một roi,
Hai chàng đều bị một hồi mạng vong (7).

Nguyên-nhung Cốt-Đột nổi xung (8),
Hai tay xách búa đánh cùng Hơn-Minh.

Hơn-Minh sức chẳng dám kinh,
Thấy chàng hóa phép thoát mình trở lui.

1781.— Vân-Tiên đầu đội kim-khôi (9),
Tay cầm siêu bạc mình ngồi ngựa ô.

(1) Đáo 到 : Đến.

(2) Quan thành 關城 : Cửa thành.

(3) Thối (thoái) binh 退兵 : Lui binh.

(4) Di đồn 移屯 : Dời chỗ đóng binh.

(5) Đường đường 堂堂 : Bộ-dạng chững-chạc.

(6) Tiên-phong 先鋒 : Xem chú-thích (9) trang (145).

(7) Vong 亡 : Mất.

(8) Xung 鬪 : Xông lên.

(9) Kim-khôi 金盔 : Khôi vàng.

LỤC VÂN TIÊN

Một mình lược trận xong vô,
Thấy người Cốt-đột biến hó yếu tà.
Vội-vàng trở ngựa lui ra,
Truyền đem máu chó đều thoa ngọn cờ.
Ba quân gươm-giác đều dơ,
Yêu-ma xem thấy một giờ vỡ tan.
Sa-cơ Cốt-Đột chạy hoang,
Vân-Tiên giục ngựa băng-ngàn đuổi theo.

1.791.—Đuổi qua mới dặng bảy dèo,
Khá thương Cốt-Đột vận nghèo nài bao.
Chạy ngang qua núi Ô-sào,
Phút dâu con ngựa sa hào (1), thương ôi !
Vân-Tiên chém Cốt-Đột rồi,
Đầu treo cổ ngựa phản-hồi (2) bồn-quân (3).
Ôi thôi bốn phía đều rừng,
Trời đà tối mịt lạc chừng gần xa.
Một mình lạc nẻo vào ra,
Lần theo đàng núi phút đà tam canh (4).

1.801.— Một mình trong chốn non xanh,
Không ai mà hỏi lộ-trình (5) trở ra.

-
- (1) Hào 壕 : Cái rãnh đào để giữ thành.
(2) Phản-hồi 返回 : Trở về.
(3) Bồn-quân 本軍 : Quân lính của mình.
(4) Tam canh 三更 : Canh ba.
(5) Lộ-trình 路程 : Bước đường.

Tóm-thuật đoạn XX.— Lật-bật lại tới khoa-thi. Văn-Tiên bày-tỏ lòng cảm ơn cha già và Kiều-công đã thương-yêu, chỉ quyết chiếm bằng vàng báo đáp.

Đúng theo lời thầy-đũ nói : « Bắc-phương gặp chuột, con rày nên danh », Văn-Tiên đỗ trạng và khoa năm nhâm (phương bắc) tí (chuột).

Vua ban áo mão cho Văn-Tiên vinh-qui. Nhưng chưa kịp vẽ-vang về nhà, xảy có giặc Ô-quá.

Sở-vương truyền chỉ cho quốc-trạng cầm binh. Văn-Tiên tiến cử Hôn-Minh. Sở-vương chấp-thuận cho đòi Hôn-Minh đến trước bệ rồng, tha cho tội trước, lại giao cho ấn tiên-phong.

Văn-Tiên cùng Hôn-Minh ra binh được thắng.

Văn-Tiên xua binh rượt theo chém tướng cầm giặc Ô-quá là Cốt-Đột.

Chém chết Cốt-Đột rồi Văn-Tiên bị lạc đường về. . .

XXI

**VĂN-TIÊN GẶP NGUYỆT-NGA, VỀ TÀU
VUA — ƠN OÁN TRẢ RỜI VỀ VINH-QUI
CƯỚI NÀNG NGUYỆT-NGA**

Đoạn này tới thứ Nguyệt-Nga,

Ở đây tình đã hơn ba năm rồi.

Đêm khuya chong ngọn đèn ngời :

« Chẳng hay trong dạ bồi-hồi việc chi.

« Quan-âm thử trước nói chi,

« Éo-le phỉnh thiếp lòng ghi nhớ hoài,

LỤC VÂN TIÊN

« Đã đành đá nát vàng phai,

« Đã đành xương chồn dạ-dài (1) gặp nhau.

1811.—« Phải chi hỏi dặng Nam-tào,

« Đêm nay cho đến đêm nào gặp nhau ? »

Nguyệt-Nga gượng giải cơn sầu,

Xảy nghe nhạc ngựa ở đâu tới nhà.

Kêu rằng : « Ai ở trong nhà,

« Đường về quan-ải (2) chỉ ra cho cùng.»

Nguyệt-Nga ngồi sợ hãi-hùng (3),

Vân-Tiên xuống ngựa thẳng xông bước vào.

Lão-bà lật-đật hỏi chào :

« Ở đâu mà tới rừng cao một mình ? »

1.821—Vân-Tiên mới nói sự tình :

« Tôi là quốc-trạng (4) trào-đình sai ra.

« Đem binh dẹp giặc Ô-qua,

« Lạc đường đến hỏi thăm nhà bà đây.»

Lão-bà nghe nói sợ thay :

« Xin ông chớ chấp tôi nay暮 già».

Vân-Tiên ngồi nhắm Nguyệt-Nga,

Lại xem bức tượng, lòng đã sinh nghi.

(1) Dạ-dài 夜臺 : Lâu-dài ban đêm. Cảnh âm-phủ cũng như tuyền-dài.

(2) Quan-ải : Chỗ đất hiểm-trở.

(3) Hãi-hùng : Sợ-hãi quá sức.

(4) Quốc-trạng 國狀 : Ông trạng của nước nhà.

LỤC VÂN TIÊN

- Hỏi rằng : « Bức ấy tượng chi,
« Khen ai khéo vẽ dung-nghi (1) giống mình.
1.831.— « Đầu đuôi chưa rõ sự tình,
« Lão-bà khá nói tính-danh (2) cho tường.
Lão-bà chẳng dám lời gian :
« Tượng này vốn thiết chông nàng ngồi đây».
Tiên rằng : « Nàng xich lại đây,
« Nói trong tên họ tượng này ta nghe ».
Nguyệt-Nga lòng rất kiên-dè,
Mặt thoi giống mặt còn e lạ người.
Ngồi che tay áo hồ ngại,
Vân-Tiên thấy vậy mỉm cười một khi.
1.841.— Rằng : « Sao nàng chẳng nói đi,
« Hay là ta hỏi động chi chẳng là ? »
Nguyệt-Nga khépnép thừa qua :
« Người trong bức tượng tên là Vân-Tiên.
« Chàng đà về chốn cửu-tuyền (3),
« Thiếp lăm trợn đao lánh miền gió trăng».
Vân-Tiên nghe nói hỏi phẫn :
« Chông là tên ấy, vợ rằng tên chi ? »
Nàng bèn tỏ thiết một khi,
Vân-Tiên vội-vã xuống qui vòng tay.

(1) Dung-nghi 容儀 : Dáng-dấp.

(2) Tính-danh 姓名 : Tên họ.

(3) Cửu-tuyền 九泉 : Chín suối. Cối âm.

LỤC VÂN TIÊN

1.851.— Thưa rằng : « May gặp nàng đây,
« Xin đèn ba lạy sẽ bày nguồn cơn.

« Đề lời thệ-hải minh-sơn (1),

« Mang ơn trước phải đền ơn cho rồi.

« Vân-Tiên vốn thiệt là tôi,

« Gặp nhau nay đã phỉ rồi ước-mơ.»

Nguyệt-Nga bâng-lãng bơ-ơ,

Nửa tin rằng bạn nửa ngờ rằng ai.

Thưa rằng : « Đã thiệt tên ngài,

« Khúc-nôi xin cứ đầu bài phân qua.»

1.861.—Vân-Tiên dẫn tích xưa ra,

Nguyệt-Nga khi ấy khóc oà như mưa.

Ấn-tình càng kể càng ư,

Mảng còn bịn-rịn trời vừa sáng ngay.

Xảo nghe quân ó vang-vẫy,

Bốn bề rừng bụi khắp bày can-qua (2).

Vân-Tiên lên ngựa trở ra,

Thấy cờ đề chữ hiệu là Hớn-Minh.

Hớn-Minh khi ấy dừng binh,

Anh em mừng rỡ tỏ tình cùng nhau.

1.871.—Minh rằng : « Tàu-tàu (3) ở đầu,

(1) Thệ hải minh sơn 誓海盟山 : Hẹn biển thề non,
Chỉ biển mà thề, chỉ núi mà hẹn.

(2) Can-qua 干戈 : Mọc và mác. Đồ binh-khí. Chỉ về
việc chiến-tranh.

(3) Tàu-tàu 嫂嫂 : Chị dâu.

LỤC VÂN TIÊN

« Cho em ra mắt chị dâu thế nào ? »

Vân-Tiên đem Hớn-Minh vào,

Nguyệt-Nga đứng dậy miệng chào có duyên.

Minh rằng : « Tưởng chị ở Phiên,

« Quyết đem binh-mã qua miền Ô-qua.

« May đâu sum-hiệp một nhà,

« Giặc đà an giặc, khải ca (1) hồi trào (2). »

Tiên rằng : « Nàng tính thế nào ? »

Nàng rằng : « Anh hãy về trào tâu lên.

1.881.—« Ngỏ nhờ lượng cả bề trên,

« Lệnh tha tội trước mới nên về nhà. »

Trạng-nguyên từ-giã lão-bà,

Dặn-dò gửi lại Nguyệt-Nga ít ngày :

« Ta về đem bức tượng này,

« Tâu cho khỏi tội rước ngay về nhà ».

Tiên, Minh trở ngựa đều ra,

Đem binh trở lại triều-ca đề-huê (3).

Sở-vương nghe trạng-nguyên về,

Sai quân tiếp rước vào kê bên ngai (4).

1.891.— Sở-vương bước xuống kim-giái,

Tay bưng chén rượu, thưởng tài trạng-nguyên.

(1) Khải-ca 凱歌 : Hát mừng thắng trận.

(2) Hồi-trào 回朝 : Trở về triều.

(3) Đề-huê 提攜 : Nắm tay nhau cùng đi.

(4) Ngai : Ngôi vua, chỗ vua ngự.

LỤC VĂN TIÊN

Phán rằng : « Trầm sợ nước Phiên,
« Có người Cốt-Đột phép tiên lạ-lùng.
« Nay đã trừ Cốt-Đột xong,
« Thiệt trời sinh Trạng giúp trong nước nhà.
« Phải chi trước có Trạng ra,
« Làm chi nên nổi Nguyệt-Nga cống Hồ ».
Lệnh truyền mở yến (1) trào-đô (2),
Rày mừng trừ đảng giặc Ô-quả rồi.

1.901.— Trạng-nguyên qui tấu một hồi,
Nguyệt-Nga các việc khúc-nôi rõ-ràng.
Sở-vương nghe tấu ngõ-ngàng,
Phán rằng : « Trầm tưởng rằng nàng ở Phiên.
« Chẳng ngờ nàng với Trạng-nguyên,
« Cùng nhau trước có nhân-duyên (3) thuở
đầu».

Thái-sur trước bệ qui tâu :
« Ô-quả dấy động qua-mâu cũng vì,
« Trá-hôn (4) oán ấy nên gây,
« Nguyệt-Nga nàng thiệt tội thì khi quân (5)».

-
- (1) Yến 宴 : Tiệc rượu vui-vẻ, an-nghỉ.
(2) Đô 都 : Đất kinh-đô. Trào-đô : Đất ở triều.
(3) Nhân-duyên 姻緣 : Duyên phận vợ chồng lấy nhau.
(4) Trá hôn 詐婚 : Lừa dối trong cuộc cưới gả.
(5) Khi quân 欺君 : Lừa dối vua, vô lễ với vua.

LỤC VÂN TIÊN

1.911.—Trạng-nguyên mặt đỏ phùng-phùng,
Bèn đem bức tượng quì dựng làm bằng (1).

Sở-vương xem tượng phán rằng :

« Nguyệt-Nga trinh-tiết vì bằng người xưa.

« Thái-sư trước chẳng lo lừa (2),

« Thiếu chi dân thử phải đưa tới nàng.

« Dầu cho nhật nguyệt (3) rõ-ràng,

« Không soi châu úp cũng mang tiếng đời.

« Ngay gian sao cũng có trời,

« Việc này vì trẫm nghe lời nên oan.

1.921.—Trạng-nguyên tâu trước trào-đàng (4):

« Thái-sư trữ dưỡng (5) tôi gian trong nhà.

« Trịnh-Hâm là đứa gian-tà,

« Hại tôi buổi trước cũng đã ghe phen.»

Sở-vương phán trước bệ tiền :

« Những ngờ tưởng ngổ tôi hiền mà thôi.

« Vậy cũng đạo chúa nghĩa tôi.

« Thái-sư ý muốn cướp ngôi chín trùng (6).

(1) Bằng 憑 hoặc 馮 : Bằng-cứ. Nhờ vào, Dựa vào.

(2) Lừa : Do chữ lựa chuyển ra.

(3) Nhật nguyệt 日月 : Mặt trời, mặt trăng.

(4) Trào đàng (đường) 朝堂 : Nơi triều-nội, vua và
bầy tôi nhóm-hợp.

(5) Trữ dưỡng 貯養 : Chứa cất, nuôi-nấng.

(6) Chín trùng : do chữ cửu-trùng 九重 tức chín tầng
trời : Chỗ ở của vua, nơi cao cả.

LỤC VĂN TIÊN

« Hán xưa có gã Đồng-công (1),

« Nuôi thẳng Lữ-Bố cướp dòng nhà Lưu.

1.931.—« Đời xưa tôi nịnh biết bao,

« Thái-sư nay cũng khác nào đời xưa.

« Thấy người trung-chính (2) chẳng ưa,

« Rắp-ranh kẻ độc lập-lừa mưu sâu.

« Trịnh-Hâm tội đáng chém đầu,

« Ấy là mới hết người sau gian-tà ».

Sở-vương phán trước trào ca,

Thái-sư cách chức về nhà làm dân.

Trịnh-Hâm làm đũa bạo thần, (3)

Giao cho quốc-trạng xử phân pháp-hình (4) |

1.941.—Nguyệt-Nga là gái tiết-trinh,

Sắc phong quận-chúa a hiển-vinh rõ-ràng.

Kiều-công xưa mắc tội oan,

Trẫm cho phục chức (5) làm quan Đông-thành.

Trạng-nguyên dẹp giặc đã thành,

Kiếp trạng tán phụng cho đành vinh-hoa (6).

Bãi châu chur tướng trở ra,

Trạng-nguyên mời hết đều qua dinh ngồi.

(1) Đồng-công : Đồng-Trát đời Tam-quốc.

(2) Trung-chính 忠臣 : Trung-cang chính-trực,

(3) Bạo thần 暴臣 : Kẻ bày tội hung-ác,

(4) Pháp-hình 法刑 : Chịu tội theo phép,

(5) Phục chức 復職 : Được trở lại chức-vụ cũ.

(6) Vinh-hoa 榮華 : Cỏ nở hoa là vinh, cây nở hoa là hoa. Lời khen người phú-quí vẻ-vang,

Họ Vương, họ Hớn, họ Bùi,
Cùng nhau uống rượu, đều vui, đều cười.

1.951.—Trạng-nguyên mới hỏi một lời :

« Trịnh-Hâm tội ấy các người tính sao ? »

Truyền quân dẫn Trịnh-Hâm vào,
Mặt nhìn khắp hết miệng chào các anh.

Minh rằng : « Ai mượn kêu anh ? »

« Trước đà đem thối chẳng lành thời thôi.

« Kéo ra chém quách cho rồi,

« Đề chi gai mắt đứng ngồi cắn gan ».

Trực rằng : « Minh nóng nói ngang,

« Giết ruồi đầu xứng gươm vàng làm chi.

1.961.— « Xưa nay mấy đũa vô nghi,

« Dầu cho có sống làm gì nên thân ? »

Hâm rằng : « Nhờ lượng cố-nhân (1),

« Vốn em mới đại một lần xin dung (2) ».

Trạng rằng : « Hễ đứng anh-hùng,

« Nào ai có giết đũa cùn làm chi.

« Thôi thôi ta cũng rộng suy,

« Truyền quân mở trời đuổi đi cho rồi.

Hâm rằng : « Khỏi giết rất vui,

« Vội-vàng cúi lạy chân lui ra về.

(1) Cố-nhân 故人 : Người quen biết cũ,

(2) Dung 容 : Tha cho.

LỤC VÂN TIÊN

- 1.971.**—Còn ngời Bùi-Kiệm máu dê,
Ngồi chai bẽ mặt như về thị trâu.
Hơn-Minh, Tử-Trực vào tàu,
Xin đưa quốc-trang kịp châu vinh-qui (1).
Một ngời Bùi-Kiệm chẳng đi,
Trong lòng hồ-thẹn mình vì máu dê.
Trạng-nguyên xe giá chính-tề,
Sai quán hộ-vệ (2) rước về Nguyệt-Nga.
Bạc vàng đem tạ lão-bà,
Nguyệt-Nga từ-tạ thẳng qua Đông-Thành.
- 1.981.**—Võng điều, grom bạc, lọng xanh,
Trạng-Nguyên, Tử-Trực, Hơn-Minh lên dàng.
Trịnh-Hâm về tới Hàn-giang,
Sóng thần nổi dậy thuyền chàng chìm ngay.
Trịnh-Hâm bị cá nuốt rày,
Thiệt trời báo ứng (3) lẽ này rất ưng.
Thấy vậy nên dừng-dừng-dừng,
Làm người ai nấy thì đừng bắt-nhân (4).
Tiểu-đồng trước giữ mờ-phần,
Ngày qua tháng lại đã gần ba năm.
- 1.991.**—Của đi khuyển-giáo mấy năm,
Tinh đem hải-cốt (5) về thăm quê nhà.

(1) Vinh-qui 榮歸 : Về-vang trở về,

(2) Hộ-vệ 護衛 : Theo giữ-gìn, che-chở,

(3) Báo ứng 報應 : Trả lại rất ưng những gì mà ta đã gây.

(4) Bắt-nhân 不仁 : Chẳng có nhân. Người ác.

(5) Hải-cốt 骸骨 : Xương của người chết đã lâu,

LỤC VÂN TIÊN

Hiềm chưa thuê đặng người ta,
Còn đương thơ-thần vào ra Đại-đề.

Trạng-nguyên khi ấy đi về,
Truyền quân bày tiệc, lo bề tế riêng :

« Tiều-dồng hôn bậu có thiềng,
« Thảo tình thấy tờ lòng thiềng (1) ngày nay ».

Đọc văn nhớ tới châu mày,
Đôi hàng lụy ngọc tuôn ngay rờng rờng.

2.001.— Người ngay Trời Phật động lòng,
Phút đầu ngó thấy tiều-dồng đến coi.

Trạng-nguyên còn hãỵ sứt-sùi,
Ngó lên bài-vị (2) lại xui lòng phiền.

Tiều-dồng nhắm ngửa nhìn nghiêng :
« Ông này sao giống Vân-Tiên cũng kỳ ?

« Ông nào mất xương âm-ti,
« Ông nào còn sống nay thì làm quan ? ».

Trạng-nguyên khi ấy hỏi chàng :
« Phải người Đồng-tử mắc nạn chốn nì ? »

2.011.— Mấy năm tờ mới gặp thầy,
Cùng nhau kể nỗi đấng-cay từ ngàn.

« Ai dè còn thấy bôn-quan (3),
Ba năm gìn-giữ mồ hoang đã rồi ».

(1) Thiềng : Do chữ thành chuyện ra,

(2) Bài-vị : Biên tên tuổi người chết để thờ.

(3) Bôn-quan 本官 : Tiếng các viên quan tự xưng ; ở đây là Vân-Tiên được tiều-dồng xưng.

LỤC VÂN TIÊN

Trạng-nguyên khi ấy mừng vui,
Tờ thầy sum-hiệp tại nơi Đại-đề.
Đoạn thôi xe giá ra về,
Tuần-du (1) phút đã gần kề Hàn-giang,
Võ-công từ xuống suối vàng,
Thê-Loan cùng mẹ Quỳnh-Trang đeo sầu.

2.021.—Mẹ con những mắng lo âu,
Nghe Vân-Tiên sống gặp châu công-danh.
Cùng ta xưa có ân-tình.
Phải ra đón rước lộ-trình (2) họa may.
Loan rằng : « Minh ở chẳng hay,
« E người còn nhớ những ngày trong hang.»
Trang rằng : « Con có hồng-nhan (3),
« Cho chàng thấy mặt thơi chàng cũng ra.
« Vì dầu còn nhớ tích xưa,
« Mẹ con ta lại đồ thừa Võ-Công.»

2.031.—Cùng nhau bàn-luận đã xong,
Soi gương đánh phấn ra phòng rước duyên.
Nay đà tới thứ Trạng-nguyên,
Hàn-giang đã tới bỗng liền đóng quân.
Bạc vàng, châu báu, áo quần,
Trạng-nguyên đem tạ đáp ân ngư, tiều.

(1) Tuần-du 巡遊 : Qua lại rong chơi để xem-xét.

(2) Lộ-trình 路程 : Trên đường.

(3) Hồng-nhan 紅顏 : Gương mặt tươi-đẹp.

LỤC VĂN TIÊN

Ngư, tiều nay dặng danh béu (1)

Ơn ra một buổi của nhiều trăm xe.

Trạng-nguyên chưa kịp trở về,

Thấy Quỳnh-Trang đã đứng kê trong quân.

2.041.—Trang rằng : « Tưởng chữ hôn-nhân (2),

« Mẹ con tôi đến lễ mừng Trạng-nguyên.

« Võ-Công đã xuống huỳnh-tuyền (3),

« Xin thương lấy chút thuyền-quyên (4) phận
này ».

Trạng rằng : « Bưng bát nước đầy,

« Đồ ngay xuống đất hốt rày sao xong.

« Oan-gia (5) nợ ấy trả xong,

« Thiếu chi nên nổi mà mong tới đời ».

Hôn-Minh, Tử-Trực đứng coi,

Cười rằng : « Hoa khéo làm mỗi trêu ong.

2.051.— « Khen cho lòng chẳng thẹn lòng,

« Còn mạng mặt đến dào-bồng nổi chi ?

« Ca-ca (6) sao chẳng chịu đi,

(1) Biều : Bày ra đều khắp.

(2) Hôn-nhân 婚姻 : Hai nhà kết thân. Tình thông-gia.

(3) Huỳnh (hoàng) tuyền 黄泉 : Suối-vàng. Cõi chết.

(4) Thuyền-quyên 婢娟 hoặc 蟬娟 : Dáng đẹp-dẽ dễ thương. Nguyên nói chung về người và vật, song thường dùng để nói riêng về đàn-bà con gái.

(5) Oan-gia 冤家 : Người thù hằn.

(6) Ca-ca 哥哥 : Anh.

LỤC VÂN TIÊN

« Về cho tầu-tầu (1) để khi xách giày ».

Mẹ con đứng thẹn-thường thay,
Vội-vàng cúi lạy chân rày trở ra.
Trở về chưa kịp tới nhà,
Thấy hai con cọp chạy ra đón đàng.
Thấy đều bắt mẹ con nàng,
Đem vào lại bỏ trong hang Thương-tòng.

2.061.— Bốn bề đá lấp bịt-bùng,
Mẹ con than-khóc khôn trông ra rồi.
Trời kia quả-báo (2) mấy hồi,
Tiếc công son diễm phấn dôi bấy lâu.
Làm người chợ biết ngãi (3) sâu,
Gặp cơn hoạn-nạn (4) cùng nhau cho tròn.
Đừng đừng theo thói mẹ con,
Thác dà mắt kiếp, tiếng còn bia danh.
Trạng-nguyên về tới Đông-thành,
Lục-ông trước đã xây dinh ở làng.

2.071.— Bày ra sáu lễ (5) sẵn-sàng,
Các quan đi họ cưới nàng Nguyệt-Nga.

(1) Tầu-tầu 嫂嫂 : Chị dâu.

(2) Quả báo 果報 : Kết-quả đối lại việc đã gây ra.

(3) Ngãi (nghĩa) hoặc chuyển ra ngời, hoặc khi đọc là ngời.

(4) Hoạn-nạn 患難 : Tai-nạn khôn-khò.

(5) Sáu lễ : Lục lễ 六禮 : Sáu lễ trong việc gả cưới :
Nạp thái, vấn danh, nạp cát, nạp trưng, thỉnh kỳ, thân nghinh.

LỤC VÂN TIÊN

Sui-gia đã xưng sui-gia,
Rày mừng hai họ một nhà thành thân.
Trăm năm biết mấy tinh-thần,
Sinh con sau nối gót lân (1) đời đời.

= CHUNG =

(1) Gót lân: Lân-chỉ 麟趾: Con cháu nhà sang-cá cao-quí.

Tóm-thuật đoạn XXI. — Đây nói về nàng Nguyệt-Nga náu mình chốn hẻo-lánh cô-đơn, nhờ tin vào lời Phật-bà Quan-âm mà gượng sống vui.

Lật bát thêm mấy năm trôi qua; Nguyệt-Nga nóng ruột, than-thở khôn cùng, lại óm mỗi nghi mộng-triệu là huyền-hoặc không đủ tin.

Một đêm còn đang trần-trọc, Nguyệt-Nga xảy nghe tiếng nhạc ngựa reo vang, rồi có tiếng người gõ cửa, hỏi đường.

Nguyệt-Nga sợ-hãi. Lão-bà ra mở cửa. Ấy là Vân-Tiên đuổi giặc lạc đường đến đó.

Cùng thấy mặt nhau, Nguyệt-Nga ngỡ-ngợ, Vân-Tiên sững-sờ.

Trông lên bức tượng treo trên bàn thờ, rõ-ràng người ấy, người ấy, người này chờ ai, Vân-Tiên gạy chuyen vớ m lời, hỏi lễ.

Tượng kia đã hẳn là tượng Vân-Tiên. Vân-Tiên nghe chính Nguyệt-Nga đáp lời mình mà cảm. Và Nguyệt-Nga xưng tên họ, Vân-Tiên cảm-xúc đến không còn tự-chủ mà quì lạy bần tình.

LỤC VÂN TIÊN

Chiêm-bao hay thật ? Uyên-ương đôi lứa mừng mừng tủi tủi

Nguyệt-Nga xin Vân-Tiên hãy về tàu xin tội khi quân của nàng rồi sẽ rước về.

Vân-Tiên về trào. Ôn đèn oán trả.

Kiều-công được phục chức. Thái-công bị đuổi về làng.

Vân-Tiên tha giết cho Trịnh-Hâm. Nhưng Trịnh-Hâm về đến Hàn-giang thì thuyền chìm, bị cá nuốt.

Vân-Tiên — Nguyệt-Nga sum hiệp. Bùi-Kiểm máu dê thấy cảnh bắt sượng-sùng.

Hai mẹ con Quỳnh-Trang với Thê-Loan lại chường mặt rước duyên. Vân-Tiên đuổi mắng. Hôn-Minh, Tử-Trực chêm lời cười-cợt nặng-nề.

Hồ-thẹn biết để dâu cho hết. Mẹ con nhà ấy lui-thủi trở về ; đến nửa đường thì lại bị hai ông hổ bắt đem bỏ vào hang Thương-tòng là nơi đã nhốt Vân-Tiên ngày nọ.

Lão chài với lão tiều được báo ơn. Gã tiều-dồng hết lòng trung-thành với chủ lại mừng được thấy chủ còn sống, trong khi Vân-Tiên cũng tưởng tiều-dồng đã bị hại rồi mà mở cuộc làm chay siêu-độ cho gã tờ trung.

Đẹp mặt trai lành gái tốt. Muôn năm tỏ-rõ lẽ báo ứng đạo trời.

MỤC LỤC

	TRANG
<i>Mấy lời trần-tình</i>	VII
<i>Tiểu-sử Đồ Chiêu</i>	IX
I.— Vân-Tiên tạ thầy xin về đi thi	19
II.— Vân-Tiên lên đường sấp lũ sơn-dài.	29
III.— Vân-Tiên cứu Kiều Nguyệt-Nga.. . . .	34
IV.— Nguyệt-Nga về Hà-Khê	41
V.— Vân-Tiên đi thi	46
VI.— Vân-Tiên đề Hón-Minh đi trước, mình về thăm nhà đã	48
VII.— Vân-Tiên ra đi thi, ghé Võ-công gặp bạn	50
VIII.— Vân-Tiên từ Võ-công, Thử-Loan, lên đường ra kinh, gặp Vương Tử- Trực, Trịnh-Hâm, Bùi-Kiệm	58
IX.— Vân-Tiên được tin mẹ chết, quay trở về.	70
X.— Trịnh-Hâm hại Vân-Tiên, trói tiểu- đồng trong rừng, xô Vân-Tiên xuống sông	88
XI.— Ngư-ông vớt Vân-Tiên lên, đưa về nhà Võ-công	94
XII.— Võ-công giả đưa về Đông-thành, đem Vân-Tiên bỏ trong hang Thương-tòng	99
XIII.— Du-thần cứu ra khỏi hang, gặp lão tiều công Vân-Tiên về nhà	102

XIV.—	Hơn-Minh đem Vân-Tiên về chùa . . .	105
XV.—	Nguyệt-Nga nghe tin Vân-Tiên mất, buồn-rầu khóc-than.	114
XVI.—	Thái-sur đi nói Nguyệt-Nga cho con không được, nên oán mà xin vua đòi đi cống Hồ	120
XVII.—	Nguyệt-Nga nhảy xuống sông nhờ Quan-âm đem vô bờ, vào vườn gặp Bùi-ông đem về nuôi, bị Bùi-Kiểm dỗ ngon dỗ ngọt	128
XVIII.—	Nguyệt-Nga trốn họ Bùi, Lão-bà gặp đem về nuôi	136
XIX.—	Vân-Tiên nhờ thuốc tiên sáng mắt, bỏ chùa, từ Hơn-Minh đi về thăm cha.	138
XX.—	Vân-Tiên thi đậu Trạng-Nguyên, vua sai đi dẹp giặc với Hơn-Minh. . .	143
XXI.—	Vân-Tiên gặp Nguyệt-Nga, về tâu vua — ơn đền oán trả rồi về vinh-qui cưới Nguyệt-Nga	148
	<i>MỤC LỤC</i>	164

Nên tìm đọc :

DANH VĂN NGOẠI QUỐC
TRONG TỬ SÁCH
GIÓ BỐN PHƯƠNG

V. GHEORGHIU

GIỜ THỨ 25

Bản dịch quyền 25è heure của Lê-Ngọc-Trụ và Võ-thị-Hay

MARGARET MITCHELL

CUỐN THEO CHIỀU GIÓ

Bản dịch quyền *Autant en emporté le vent*

CẬU HOÀNG CON

Bản dịch quyền *Le Petit Prince* của Trần-thiện-Đạo

L. TOLSTOI

AN-NA KHA LỆ NINH

Bản dịch quyền *Anna Karénine* của Vũ-ngọc-Phan
và Vũ-minh-Thiền

NGÀN LẺ MỘT ĐÊM

Bản dịch đầy đủ nhất của bộ danh tác Ba Tư
Les Mille et une nuits

SỬ KÝ TƯ MÃ THIÊN

Bộ Cổ sử giá trị nhất từ trước đến nay

TRANG TỬ NAM HOA KINH

Bản dịch quyền *Đệ nhất Tài Tử Trung-hoa*
của Nguyễn-duy-Cần

★